Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết luận văn thạc sỹ uy tín, giá cả phải chăng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BIỆN PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VỚI ĐỒ VẬT NHẰM PHÁT TRIỂN TRI GIÁC CHO TRẺ 24-36 THÁNG

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Thành phố Hồ Chí Minh

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết luận văn thạc sỹ uy tín, giá cả phải chăng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BIỆN PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VỚI ĐỒ VẬT NHẰM PHÁT TRIỂN TRI GIÁC CHO TRẺ 24-36 THÁNG

Chuyên ngành : Giáo dục học (Giáo dục Mầm non)
Mã số : 8140114

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

Thành phố Hồ Chí Minh

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết luận văn thạc sỹ uy tín, giá cả phải chăng

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan các thông tin, số liệu trong công trình nghiên cứu khoa học là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng. Các kết quả nghiên cứu trong đề tài này chưa từng được công bố trong bất cứ công trình nghiên cứu nào.

Tác giả

LỜI CẢM ƠN

Để có thể hoàn thành tốt công trình nghiên cứu khoa học này tôi xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành sâu sắc nhất đến:

Ban Giám hiệu trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh cùng quý Thầy Cô đã giảng dạy, truyền đạt những kiến thức quan trọng và thiết thực trong hai năm học cao học

Quý Thầy Cô Phòng Sau đại học, Thư viện Trường Đại học Sư phạm đã tạo điều kiện và hỗ trợ tốt nhất để tác giả có thể tham gia học tập và tìm kiếm nhiều nguồn tài liệu có giá trị.

Đặc biệt là tác giả gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến PGS.TS. Lê Thị Minh Hà đã hướng dẫn và hỗ trợ, định hướng và chia sẻ tận tình trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành đề tài.

Ban Giám hiệu và Giáo viên các trường mầm non trên địa bàn huyện Nhà Bè đã tạo nhiều điều kiện và cộng tác nhiệt tình để tác giả được quan sát, tổ chức thực nghiệm.

Cuối cùng, tác giả gửi lời cảm ơn đến gia đình đã luôn ủng hộ, động viên tác giả trong suốt quá trình nghiên cứu

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 9 năm 2018

Tác giả

Nguyễn Ngọc Mình Tâm

MỤC LỤC

Trang phụ bìa
Lời cam đoan
Lời cảm ơn
Mục lục
Danh mục chữ viết tắt
Danh mục các bảng
Danh mục biểu đồ
MỞ ĐẦU 1
Chương 1. LÍ LUẬN VỀ BIỆN PHÁP TỔ CHỨC HĐVĐV NHẰM PHÁT TRIỂN TRI GIÁC CHO TRẺ 24-36 THÁNG 6
1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề 6
1.2. Lý luận về HĐVĐV và tri giác của trẻ 24-36 tháng 11
1.3.Lý luận về biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ 24- 36 tháng 34
Chương 2. THỰC TRẠNG BIỆN PHÁP TỔ CHỨC HĐVĐV NHẰM PHÁT TRIỂN TRI GIAC CHO TRẺ 24-36 THÁNG 49
2.1. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu thực trạng 49
2.1.1. Mục đích 49
2.1.2. Nhiệm vụ 49
2.1.3. Phương pháp nghiên cứu thực trạng 49
2.1.4. Đối tượng nghiên cứu 50
2.1.5. Thời gian nghiên cứu 51
2.2. Kết quả nghiên cứu thực trạng 51
2.2.1. Một số thông tin của CBQL và GVMN tại địa bàn điều tra 51
2.2.2. Thực trạng nhận thức của CBQL và GVMN về biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ 24-36 tháng. 53
2.3. Thực trạng biểu hiện mức độ phát triển TG qua HĐVĐV của trẻ

24-36 tháng. 69
2.3.1. Tiêu chí và thang đo đánh giá 69
2.3.2. Cách tiến hành 69
2.3.3. Kết quả nghiên cứu 70
Tiểu kết chương 2 76
Chương 3. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VỚI ĐỒ VẬT NHẰM PHÁT TRIỂN TRI GIÁC CHO TRẺ 24-36 THÁNG 77
3.1. Căn cứ và nguyên tắc đề xuất biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ 24-36 tháng 77
3.2. Biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ 24-36 tháng 78
3.2.1. Biện pháp xây dựng kế hoạch tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG 78
3.2.2. Biện pháp xây dựng môi trường đồ dùng, đồ chơi đảm bảo tính năng động nhằm phát triển TG cho trẻ 80
3.2.3. Biện pháp sử dụng trò chơi nhằm phát triển TG 81
3.2.4. Biện pháp tạo hứng thú, kích lệ trẻ thể hiện khả năng, sở thích trong HĐVĐV nhằm phát triển TG 82
3.2.5. Biện pháp đánh giá quá trình trẻ HĐVĐV 84
3.3. Tổ chức thực nghiệm các biện pháp 85
3.3.1. Mục đích thực nghiệm 85
3.3.2. Thời gian và địa điểm thực nghiệm 85
3.3.3. Nội dung thực nghiệm 85
3.3.4. Khách thể thực nghiệm 85
3.3.5. Phương pháp thực nghiệm 86
3.4. Kế hoạch thực nghiệm 86
3.4.1. Điều kiện thực nghiệm 86
3.4.2. Chuẩn bị thực nghiệm 86
3.5. Tiến trình thực hiện 87

3.5.1. Kế hoạch cụ thể 87
3.5.2. Đo trước thực nghiệm 87
3.5.3. Tiến hành thực nghiệm 88
3.5.4. Đánh giá sau thực nghiệm 88
3.6. Kết quả thực nghiệm 88
3.6.1. Nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm trước thực nghiệm 88
3.6.2. Nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm sau thực nghiệm 96
3.6.3. Nhóm đối chứng trước và sau thực nghiệm 103
3.6.4. Nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm 107
Tiểu kết chương 3 112
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 113
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 116
PHỤ LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	DIỄN GIẢI
TG	Tri giác
HĐVĐV	Hoạt động với đồ vật
GV	Giáo viên
MN	Mầm non
NĐC	Nhóm đối chứng
NTN	Nhóm thực nghiệm
TN	Thực nghiệm

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Biểu hiện TG của trẻ từ 18 tháng đến 36 tháng 32
Bảng 1.2. Tiêu chí đánh giá sự phát triển TG của trẻ qua HĐVĐV 44
Bảng 2.1. Phương pháp và đối tượng nghiên cứu 51
Bảng 2.2. Thông tin của GV tại địa bàn nghiên cứu 52
Bảng 2.3. Đặc điểm TG của trẻ 24-36 tháng 53
Bảng 2.4. Đặc điểm HĐVĐV của trẻ 24-36 tháng 54
Bảng 2.5. Biểu hiện đặc điểm phát triển tri giác của trẻ 24-36 tháng qua hoạt động với đồ vật 56
Bảng 2.6. Vai trò tổ chức hoạt động với đồ vật nhằm phát triển tri giác cho trẻ 57
Bảng 2.7. Hình thức tổ chức HĐVĐV phát triển TG 59
Bảng 2.8. Nội dung và mức độ tổ chức hoạt động với đồ vật. 60
Bảng 2.9. Thực trạng sử dụng các biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển tri giác 61
Bảng 2.10a. Đánh giá của CBQL về mức độ sử dụng biện pháp tổ chức của GVMN 64
Bảng 2.10b. Mức độ sử dụng các biện pháp tổ chức của GVMN 66
Bảng 2.11. Mức độ phát triển TG của trẻ qua HĐVĐV 70
Bảng 3.1. Kế hoạch thực hiện cụ thể 87
Bảng 3.2. Kết quả tổng điểm mức độ phát triển TG của trẻ NĐC và NTN trước thực nghiệm 89
Bảng 3.3. So sánh kết quả từng tiêu chí được đánh giá qua bài tập phát triển TG của trẻ NĐC và NTN trước thực nghiệm 90
Bảng 3.4. Kết quả tổng điểm mức độ phát triển TG của trẻ NĐC và NTN sau thực nghiệm 96
Bảng 3.5. So sánh kết quả các tiêu chí đánh giá mức độ phát triển TG của NĐC và NTN sau thực nghiệm 97
Bảng 3.6. Kết quả tổng điểm các tiêu chí đánh giá mức độ phát triển của NĐC trước và sau thực nghiệm 103
Bảng 3.7. Kết quả tổng điểm các tiêu chí đánh giá mức độ phát triển của NTN trước và sau thực nghiệm 107

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1. Sự cần thiết các biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển tri giác 62
Biểu đồ 2.2. Đánh giá của CBQL về mức độ sử dụng các BP của GVMN 65
Biểu đồ 2.3. Mức độ tổ chức biện pháp của GV 67

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam, giáo dục mầm non chính là cấp học đầu tiên, có vai trò quan trọng trong việc phát triển toàn diện về thể chất, nhận thức, đạo đức và tình cảm của trẻ ở giai đoạn đầu đời. Những kiến thức, kỹ năng trẻ được tiếp nhận trong môi trường mầm non chính là nền tảng cho việc học tập và phát triển sau này của trẻ.

Để phát triển đứa trẻ cần được hoạt động và được chơi để lĩnh hội kinh nghiệm xã hội- lịch sử. Hoạt động không chỉ là nơi tâm lý con người được bộc lộ mà chính là cái hình thành nên tâm lí của con người. Ở mỗi lứa tuổi đều có một hoạt động chủ đạo nhất định, chi phối toàn bộ đời sống tâm lí của trẻ.Và khi bước vào tuổi ấu nhi, mối quan hệ giữa trẻ với thế giới đồ vật được thay đổi đáng kể, đồ vật lúc này đối với trẻ không phải chỉ là cái để nghịch, để chơi mà còn chứa đựng trong đó một chức năng nhất định và có một phương thức sử dụng tương ứng. Chính vì thế, ở trẻ ấu nhi, hoạt động với đồ vật (HĐVĐV) trở thành hoạt động chủ đạo và có ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển trí tuệ, ngôn ngữ cũng như là bước ngoặt quan trọng trong sự phát triển toàn diện của trẻ ở lứa tuổi sau.

Tri giác (TG) giữ vai trò quan trọng trong cuộc sống của con người, hoạt động nhận thức và lao động. Tri giác là điểm khởi đầu của mọi quá trình nhận thức. Nội dung chủ yếu của của giáo dục trí tuệ cho trẻ dưới 3 tuổi là giáo dục và phát triển hoạt động nhận cảm (tri giác, cảm giác). Theo quan điểm của N.H. Sevanop thì lứa tuổi dưới 3 tuổi là "*cơ hội vàng để phát triển hoạt động nhận cảm cho trẻ*" (Nguyễn Thị Hoà, 2013). Từ khi sinh cho đến năm 2 tuổi, đứa trẻ trải qua chặng đường phát triển nhận cảm phức tạp và kỳ diệu. Từ chưa biết phân biệt, phân biệt chưa rõ ràng từ các ấn tượng biểu tượng đến biết tri giác đồ vật trọn vẹn. Tri giác của trẻ được tinh vi, đầy đủ dần chính là nhờ trẻ được HĐVĐV, nhất nhờ hành động công cụ và hành động thiết lập mối tương quan. Bên trong của quá trình hành động thực tiễn với đồ vật, đồ chơi để lĩnh hội phương thức sử dụng, đồng thời trẻ cũng TG được màu sắc, hình dạng, kích thước.

Thông qua hình thức chơi- tập, chơi tự do của hoạt động với đồ vật đó là khoảng thời gian trẻ vận dụng các cơ quan phân tích giúp cho việc TG các hình dạng, kích thước, màu sắc của đồ vật được sâu sắc và trọn vẹn, góp phần quan trọng vào việc phát triển nhận cảm cho trẻ. Trong chương trình giáo dục mầm non, luyện tập và phát triển các chuẩn cảm giác là một trong những nội dung cơ bản của lĩnh vực giáo dục phát triển nhận thức dành cho trẻ nhà trẻ, đặc biệt là trẻ 24-36 tháng tuổi.

Trên thực tế cho thấy còn có nhiều hạn chế trong việc tổ chức các HĐVĐV với mục đích cụ thể là phát triển TG cho trẻ trong độ tuổi 24- 36 tháng có thể do nhiều nguyên nhân như ở các trường mầm non, HĐVĐV được tổ chức trong hai hình thức chơi- tập và chơi tự do. Hình thức và nội dung tổ chức các HĐVĐV chưa thật sự được giáo viên (GV) chú trọng hay nghiên cứu nhằm phát triển TG cho trẻ. Các giờ chơi chỉ đơn thuần là trẻ hành động với đồ chơi, đồ vật hoặc thực hiện các hành động như nhau với các đồ vật khác nhau. Chính vì thế làm cho các giờ HĐVĐV chưa tận dụng được hết hiệu quả, làm giảm nhiều cơ hội cho trẻ được phát triển các TG và nhận thức sau này.

Xuất pháp từ những lý do trên và để có thêm cơ sở cho việc đề xuất giúp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ 24- 36 tháng. Chính vì vậy việc nghiên cứu thực trạng và tiến hành thực nghiệm một số các biện pháp một cách khoa học.

Đó là lý do của đề tài : “Biện pháp tổ chức hoạt động với đồ vật nhằm phát triển tri giác cho trẻ 24-36 tháng”

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu thực trạng biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG của trẻ 24- 36 tháng ở một số trường mầm non trên cơ sở đó đề xuất biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG của trẻ 24-36 tháng.

3. Giới hạn đề tài

3.1. Giới hạn về nội dung nghiên cứu

Đề tài khảo sát quá trình tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ 24-36 tháng.

Đề tài tập trung nghiên cứu lựa chọn các biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ 24-36 tháng theo Chương trình giáo dục Mầm non (2016)

3.2. Giới hạn về mẫu nghiên cứu

Việc khảo sát thực trạng biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ 24-36 tháng được tiến hành tại 10 trường mầm non huyện Nhà Bè

Thực nghiệm sư phạm được tiến hành tại trường mầm non Họa Mi huyện Nhà Bè. Trẻ NĐC tương ứng với NTN thuộc trường mầm non nói trên.

Ngoài ra, chúng tôi gửi phiếu điều tra bằng bảng hỏi cho một số trường mầm non để thăm dò ý kiến 20 CBQL và 60 GV đang dạy lớp độ tuổi 24-36 tháng.

3.3. Giới han phạm vi thời gian:

Thời gian thực nghiệm các biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG của trẻ 24-36 tháng từ tháng 2/2018 đến tháng 5/2018

4. Đối tượng và khách thể nghiên cứu

Đối tượng : Biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG của trẻ 24- 36 tháng.

Khách thể: Quá trình tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ 24- 36 tháng.

5. Giả thuyết nghiên cứu

Đề tài làm rõ thực trạng giáo viên MN sử dụng biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ và lí giải được nguyên nhân gây ra hạn chế để làm cơ sở đề xuất biện pháp tổ chức HĐVĐV phù hợp cho trẻ 24- 36 tháng phát triển tri giác của trẻ.

6. Nhiệm vụ nghiên cứu

Tổng hợp và hệ thống hoá các vấn đề lí luận có liên quan về HĐVĐV và biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG của trẻ 24- 36 tháng

Khảo sát thực trạng biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG của trẻ 24- 36 tháng ở một số trường MN

Đề xuất và thực nghiệm biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG của trẻ 24- 36 tháng.

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp nghiên cứu lí luận

Thu thập, phân tích và hệ thống hoá tài liệu lý luận trong nước và nước ngoài có liên quan đến đề tài như: biện pháp, tổ chức, biện pháp tổ chức, HĐVĐV, biện pháp tổ chức HĐVĐV, tri giác, tri giác của trẻ 24-36 tháng.

7.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

7.2.1. Phương pháp quan sát sư phạm

Quan sát việc giáo viên tổ chức HĐVĐV, hướng dẫn trẻ sử dụng đồ dùng, đồ chơi sinh hoạt nhằm phát triển TG trong giờ chơi tập và thời điểm khác trong ngày (đón trẻ, ăn sáng, chơi tự do)

Dự giờ chơi tập, giờ chơi tự do của trẻ.

7.2.2. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Đề tài sử dụng bảng hỏi dành cho 20 CBQL và 60 giáo viên phụ trách lớp 24-36 tháng. Tiến hành điều tra tại 10 trường MN công lập trên địa bàn huyện Nhà Bè để thu thập thông tin cần thiết liên quan đến đề tài nghiên cứu.

7.2.3. Phương pháp phỏng vấn

Để tìm hiểu sâu hơn về thực trạng biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển tri giác cho trẻ 24-36 tháng. Tiến hành phỏng vấn 2 CBQL và 5 GVMN đang trực tiếp dạy trẻ tại 10 trường mầm non mà chúng tôi tiến hành điều tra bằng bảng hỏi.

7.2.4. Phương pháp nghiên cứu hồ sơ

Thu thập và nghiên cứu kế hoạch giảng dạy, giáo án của giáo viên.

7.2.5. Phương pháp sử dụng bài tập

Các bài tập được xây dựng nhằm đo mức độ phát triển TG của trẻ tham gia khảo sát và thực nghiệm. Nội dung khảo sát mức độ phát triển TG gồm 5 bài tập (Phụ Lục 6)

7.2.6. Phương pháp toán thống kê

❖ **Phương pháp xử lí số liệu (định tính)**

- Xác định chủ đề phân tích
- Đọc dữ liệu và lập cơ sở mã hoá

- Thiết lập tiêu chuẩn để chọn lọc dữ liệu
- Sắp xếp dữ liệu theo chủ đề
- Đếm dữ liệu ở mỗi chủ đề, chọn lọc dữ liệu
- Liên hệ kết quả với lí thuyết, phân tích và lý giải kết quả

❖ **Phương pháp xử lý số liệu (định lượng)**

Sử dụng phần mềm Excel để xử lí số liệu kết thực trạng

Sử dụng phần mềm SPSS 20.0 để xử lí số liệu thu thập và hệ số T-test để kiểm nghiệm hiểu quả khác biệt giữa hai nhóm đối chứng và thực nghiệm.

7.2.7. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Đánh giá tính khả thi của các biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG được đề xuất ở Chương 3 của luận văn

o Tiến hành dự giờ, quan sát, ghi chép nhằm thu thập dữ liệu theo các tiêu chí đã đề ra

o Tổ chức nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm ở 2 lớp 24-36 tháng ở địa bàn huyện Nhà Bè nhằm kiểm tra độ chính xác trong tính khả thi của các biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG được thực nghiệm.

8. Đóng góp mới của đề tài

8.1. Đóng góp về mặt lí luận

Góp phần làm sáng tỏ cơ sở lý luận về biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ 24-36 tháng, trong đó trọng tâm là khái niệm về HĐVĐV và đặc điểm TG, biện pháp tổ chức HĐVĐV phù hợp đặc điểm phát triển TG cho trẻ 24-36 tháng.

8.2. Đóng góp về mặt thực tiễn

Làm rõ thực trạng và nguyên nhân hạn chế trong sử dụng biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ 24-36 tháng tại trường MN huyện Nhà Bè.

Đề xuất và thực nghiệm biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ 24-36 tháng.

Chương 1. LÍ LUẬN VỀ BIỆN PHÁP TỔ CHỨC HĐVĐV NHẰM PHÁT TRIỂN TRI GIÁC CHO TRẺ 24-36 THÁNG

1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

❖ Một số nghiên cứu của tác giả nước ngoài

Ở lứa tuổi 24-36 tháng, từ những thập niên 80 của thế kỉ XX nhiều nhà nghiên cứu đã quan tâm đến vai trò, ý nghĩa của HĐVĐV trong việc phát triển toàn diện ở trẻ lứa tuổi 24-36 tháng. Phần lớn, các nhà tâm lí và các nhà giáo dục xem HĐVĐV ở tuổi nhà trẻ như một hoạt động cho sự phát triển tâm lí của trẻ, tức như hoạt động chủ đạo, trong đó xuất hiện cấu trúc tâm lí mới đặc trưng cho lứa tuổi, thông qua quá trình HĐVĐV trẻ nắm được phương thức sử dụng đồ vật theo kiểu Người, biết được các tính chất (màu sắc, hình dạng, kích thước) của đồ vật, đồ chơi. HĐVĐV là "một trong những thành tựu quan trọng nhất của tuổi 24-36 tháng" đã được khẳng định trong các công trình nghiên cứu của các tác giả như A.N.Leonchev, A.I.Xorokina (A.N.Lêônchev, 1980).

Trong lĩnh vực trí tuệ, Jean Piaget coi hoạt động nhận thức là đối tượng nghiên cứu của mình. Đặc biệt tiến bộ nổi bật là nghiên cứu tâm lí của con người, nhận thức của con người trong mối quan hệ với môi trường, với cơ thể và bộ não. Vì thế, họ đã phát hiện ra nhiều sự kiện khoa học có giá trị trong các vấn đề TG, trí nhớ, tư duy, ngôn ngữ…làm các lĩnh vực nghiên cứu trên đạt tới một trình độ mới (Nguyễn Quang Uẩn, 1997).

Jean Piaget căn cứ vào sự phát sinh, phát triển và xã hội hoá các sơ đồ trí tuệ. Đối với ông, trí tuệ có bản chất thao tác (operations) và được trẻ em xây dựng lên bằng chính hành động của mình. Sự phát triển trí tuệ của trẻ được hiểu là sự phát triển hệ thống thao tác. Sau hơn 30 năm nghiên cứu, Jean Piaget cho rằng mỗi lứa tuổi có đặc trưng riêng về chất lượng trí tuệ và được coi là một giai đoạn phát triển và ông chia quá trình phát triển trí tuệ của trẻ em thành 4 giai đoạn lớn, mỗi giai đoạn lại chia thành một số thời kỳ. Trẻ 24-36 tháng nằm ở *giai đoạn trí tuệ cảm giác- vận động gọi tắt là giác-động (từ 0 đến 2 tuổi)*. Trong giai đoạn này, trẻ nhận biết thể giới qua sự phối hợp cảm giác và vận động. Hay nói cách khác, phương tiện

để hiểu biết của trẻ giai đoạn này là cảm giác và vận động. Về bản chất, giai đoạn trí tuệ cảm giác - vận động là trí tuệ vận động, chưa đạt tới mức biểu tượng và thao tác. Những thành tựu (chỉ xét riêng lĩnh vực trí tuệ) chủ yếu trong giai đoạn này là:hình thành các sơ cấu giác- động; xây dựng cái hiện thực; phát sinh TG và thói quen; hình thành mầm móng trí khôn suy ngẫm.

Khi trẻ bước sang năm thứ hai cũng là lúc trẻ ở thời kỳ thứ 6 của giai đoạn giác-động theo cách phân chia của Jean Piaget, ở thời kỳ này phát sinh các "giải phát sáng tạo" (hiện tượng bừng hiểu) trong ứng xử (tìm cách mở nắp hộp hoặc dùng cây gậy để khều trái banh dưới ghế..). Điều đó chứng tỏ trẻ đã có sự nhập tâm các sơ đồ hành động và có sự phối hợp các sơ đồ đó trong đầu. Nhiều nhà tâm lí cho rằng, trẻ 2 tuổi đạt mức trí tuệ hành động. Ở trình độ giác-động, trẻ phản ứng và bắt chước theo mẫu khi có các vật hiện diện trước mắt (phản ánh trong trường TG). Bắt chước của trẻ trong thời kỳ vẫn được tiến hành trên hành động. Điều này cho thấy trẻ chưa thực sự có biểu tượng và chưa thể thao tác trên các biểu tượng đó. Thông qua các trò chơi sắm vai như: ru búp bê ngủ, cho ăn hoặc vẽ hình sẽ tạo nên bước chuyển cho trẻ từ biểu tượng trên hành động (bắt chước hành động) có sẵn trước mặt sang biểu tượng trong ý nghĩ (hành động tượng trưng trong đầu). Theo Jean Piaget, các hành động bắt chước ở giai đoạn giác-động này đánh dấu sự hình thành hình ảnh sao chụp của trẻ (Nguyễn Ánh Tuyết, 1997).

Nhà tâm lí học Econin quan niệm rằng: trong quá trình phát triển, đứa trẻ tham gia vào những quan hệ đồ vật và hiện tượng xung quanh nó do các thế hệ trước tạo ra. Econin cho rằng giáo dục và người lớn có vai trò quan trọng đối với trẻ. Kiến thức của trẻ về đồ vật xung quanh trở nên phong phú là nhờ có sự hướng dẫn của người lớn. Nhưng ông cũng nhấn mạnh, chỉ có bản thân trẻ tự tham gia vào hoạt động thì mới phát triển được tâm lí và ý thức của mình(Nguyễn Ánh Tuyết, 2009).

Ba nhà tâm lý học người Đức là Max Wertheimer (1880 – 1943), Kurt Koffka (1886 – 1941) và Wolfgang Kohler (1887 – 1967). Họ đi sâu nghiên cứu các quy luật về tính ổn định và tính trọn vẹn của tri giác, quy luật "bừng sáng" của tư duy. Trên cơ sở thực nghiệm, các nhà tâm lí học khẳng định các quy luật của TG, tư

duy và tâm lí của con người do các cấu trúc tiền định của não quyết định.

Trong giai đoạn này, khi trẻ tiếp xúc với đồ vật mới, ví dụ như chiếc lúc lắc, trẻ có thể xác định tính chất của nó bằng cách đặt chiếc lúc lắc vào miệng (cảm giác) hay lắc nó (vận động). Vì không có khả năng biểu tượng hoá trong giai đoạn này, nên trẻ nhỏ phải khám phá và học bằng cách hành động trực tiếp đồ vật-đồ chơi trên môi trường và bằng cách sử dụng cảm giác - TG của mình (Phan Trọng Ngọ, 2001).

Nghiên cứu về mối quan hệ giữa HĐVĐV và sự phát triển TG được tác giả A.I.Xorokina viết trong cuốn *Dạy trẻ làm quen với đồ vật xuất bản vào năm 1986*. Trong phần " Cho trẻ làm quen với các đồ vật" tác giả đã nêu khi tổ chức các hành động thực hành với đồ vật, tức là thực hiện sự theo dõi chúng bằng TG- vận động. Sự TG và hành động có tính phân tích kèm theo ngôn ngữ dẫn đến sự nắm bắt sâu sắc đồ vật và góp phần hình thành biểu tượng trọn vẹn hơn. Nhờ đó hình ảnh của đồ vật, khả năng hình dung khi không có đồ vật khi không có sự TG trực tiếp sẽ được xác lập trong ý thức của trẻ.

Ngoài ra, Tác giả A.I.Xorokina đã viết cụ thể các nội dung về làm quen tên gọi, công dụng, hình dạng, màu sắc, vật liệu, kích thước của đồ vật và cũng gợi ý cho GV, cha mẹ các cách tổ chức, hướng dẫn cho trẻ làm quen với đồ vật (A.I.Xôrôkina, 1986).

Trong các trường học Ý và Mỹ người ta sử dụng các trò chơi của Montessori (1870-1952) nhằm phát triển TG và quan sát ở trẻ. Bên cạnh đó, trong các nghiên cứu của Montessori cho rằng "thời kì phát cảm"cũng xuất hiện rõ nét nhất ở giai đoạn 24-36 tháng, đây là thời kì phát cảm về hành động, TG các đồ vật nhỏ và đối tượng trẻ hoạt động để phát triển là những vật nhỏ xung quanh trẻ. Bà khẳng định "Đồ vật-chứ không phải con người- là những GV tốt nhất" (Ngô Hiểu Huy, 2013). Như vậy thông qua việc trẻ HĐVĐV giúp cho trẻ tìm ra được những quy luật đúng-sai khi sử dụng chúng; đồ vật cũng là người thầy giáo dục cho trẻ về các đặc tính của đồ vật đó. Đây là thời kì phát cảm về cảm giác và đối tượng hoạt động để phát triển là đồ vật. Bộ học cụ về phát triển giác quan chính là một trong những thành tựu nổi bật của bà.

❖ **Nghiên cứu của tác giả Việt Nam**

Trong luận văn thạc sĩ "Xây dựng hệ thống trò chơi phát triển hành động tri giác cho trẻ 3-4 tuổi" của tác giả Nguyễn Ánh Tuyết năm 2014 đã nghiên cứu các hệ thống trò chơi nhằm phát triển hành động tri giác cho rằng ở lứa tuổi mẫu giáo trò chơi dạy học được xem là phương tiện giáo dục cảm tính quan trọng. Trong trò chơi đó chất chứa các nhiệm vụ phát triển các giác quan của trẻ và phát triển nhận thức cảm tính: làm quen trẻ với hình dạng, màu sắc, kích thước, âm thanh của sự vật và hiện tượng. Khác với bản chất của một giờ học, trong trò chơi dạy học có hai vấn đề mấu chốt được kích hoạt cùng lúc: học, nhận thức, chơi và giải trí (Nguyễn Ánh Tuyết, 2014).

Một số để tài, luận văn đã đi sâu nghiên cứu các nội dụng của HĐVĐV cho trẻ 24-36 tháng cụ thể như:

Luận văn Thạc sĩ của Nguyễn Thị Kim Ngân, tác giả lấy HĐVĐV làm phương tiện để nghiên cứu phẩm chất đạo đức của trẻ lứa tuổi 24-36 tháng.

Luận văn Thạc sĩ của Nguyễn Thi Mỹ Hà cũng đưa ra các biện pháp để phát triển khả năng HĐVĐV của trẻ 18-24 tháng.

Trong luận văn Thạc sĩ của Nguyễn Thị Hồng Phúc năm 2015 đề cập đến vấn đề phát triển HĐVĐV của trẻ 24-36 tháng. Đáng chú ý là nghiên cứu của Nguyễn Thị Hồng Phúc, tác giả đã khái quát sâu sắc các vấn để về HĐVĐV và cung cấp nhiều biện pháp tổ chức phát triển HĐVĐV của trẻ.

Ngoài ra còn có Đề tài khoa học cấp cơ sở của tác giả Phạm Thị Tuyết năm 2004 với để tài "Biện pháp tổ chức HĐVĐV cho trẻ 24-36 tháng tuổi theo định hướng đối mới về nội dung, phương pháp chăm sóc-giáo dục trẻ". Đề tài đã đưa ra nhiều hướng đối mới về cách thức tổ chức, nội dung hoạt động cũng nhằm phát triển khả năng HĐVĐV cho trẻ.

Trong Đề tài Khoa học công nghệ cấp cơ sở của tác giả Phan Thị Minh Hà năm 2007, tác giả tìm hiểu thực trang phương pháp tổ chức HĐVĐV ở lứa tuổi 18-24 tháng.

Trong luận văn của tác giả Nguyễn Thị Ánh Tuyết với đề tài "Xây dựng hệ thống trò chơi phát triển hành động tri giác cho trẻ 3-4 tuổi" năm 2014, đề tài xây

dựng các trò chơi hướng trẻ tới việc lĩnh hội hành động TG, đặc biệt là hành động bên ngoài. Các trò chơi được tác giả xây dựng và sắp xếp theo mức độ phát triển hành động TG cho trẻ 3-4 tuổi.

Đa số các đề tài luận văn nêu trên chỉ nghiên cứu HĐVĐV nhằm phát triển một số phẩm chất tâm lí và tăng cường khả năng hoạt động, mở rộng môi trường, nội dung, phương pháp để phát triển HĐVĐV cho trẻ.

Tuy nhiên, các nghiên cứu trên không đề cập đến vấn đề tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ.

Tài liệu lưu hành nội bộ "Tổ chức HĐVĐV cho trẻ em tuổi Mầm non" dành cho sinh viên Cao đẳng Sư phạm Trung ương TP.HCM của tác giả Vũ Thị Ngân nêu rất rõ về đặc điểm, mục đích, nhiệm vụ và phương pháp tổ chức HĐVĐV cho trẻ nhà trẻ ở các giai đoạn tuổi khác nhau từ 3-36 tháng (Vũ Thị Ngân).

Tác giả Nguyễn Thị Hoà đã biên soạn cụ thể nội dung, ý nghĩa và cách tổ chức ở Chương III về "Tổ chức HĐVĐV cho trẻ ở trường MN" trong cuốn Giáo dục học (Nguyễn Thị Hoà, 2013).

Như vậy, vai trò của HĐVĐV của trẻ đã được quan tâm những biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ thì chưa được nghiên cứu. Mặc dù đã đề cập đến biện pháp hướng dẫn trẻ hoạt động, song các nghiên cứu chưa chỉ ra các biện pháp tổ chức hoạt động cụ thể để phát triển TG cho trẻ.

Từ việc tổng hợp, phân tích các nghiên cứu trên thế giới và trong nước, tôi rút ra một số đặc điểm sau:

- *Sự phát triển nhận thức cho trẻ lứa tuổi 24-36 tháng nói chung cũng như là sự phát triển tri giác qua HĐVĐV nói riêng đã được quan tâm ở trong nước và trên thế giới. Nghiên cứu khẳng định trẻ ở giai đoạn 24-36 tháng là giai đoạn nhận thức cảm tính chiếm ưu thế, điều kiện thuận lợi cho việc hình thành và phát triển chuẩn cảm giác của trẻ*
- *Mối quan hệ giữa HĐVĐV và sự phát triển TG cho trẻ đã được quan tâm từ lâu. HĐVĐV đã được khẳng định là hoạt động, môi trường thuận tiện để phát triển TG cho trẻ. Tuy nhiên, số lượng nghiên cứu phát triển TG thông qua HĐVĐV còn khiêm tốn. Ở Việt Nam, nhiều khía cạnh có liên quan đến mối quan hệ giữa*

HĐVĐV và TG của trẻ còn chưa được khai thác. Đặc biệt chưa có nghiên cứu sâu về biểu hiện phát triển TG và về vai trò của HĐVĐV đối với việc phát triển TG của trẻ 24-36 tháng.

- *Vấn đề tổ chức HĐVĐV và sử dụng nó vừa là nội dung, phương pháp giáo dục đã thu hút nhiều khoa học trong và ngoài nước. Mặc dù một vài nghiên cứu ở nước ngoài đã quan tâm đến cách tổ chức HĐVĐV trong lớp 24-36 tháng nhưng ở trong nước chưa thấy nghiên cứu các biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ 24-36 tháng.*
- *Đề tài tiếp cận tổng hợp các hướng nghiên cứu, trong đó chủ yếu tiếp cận theo xu hướng nghiên cứu biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ 24-36 tháng.*

1.2. Lý luận về HĐVĐV và tri giác của trẻ 24-36 tháng

1.2.1. Khái niệm hoạt động với đồ vật

Ngay trong thời kỳ hài nhi, trẻ em đã thực hiện những hoạt động khá phức tạp với đồ vật, nhưng những hành động của trẻ với đồ vật chỉ là vu vơ chứ chưa nhằm vào việc khám phá chức năng và phương thức sử dụng.

Qua đến lứa tuổi 24-36 tháng, mối quan hệ giữa trẻ với thế giới đồ vật được thay đổi tích cực. Đồ vật đối với trẻ lúc này không còn là cái để nghịch mà trở thành những đối tượng cuốn hút, kích thích tính tò mò của trẻ, thúc đẩy trẻ hành động để tìm hiểu đặc tính của chúng. Quá trình hoạt động tích cực với đồ vật làm nảy sinh ở trẻ mối quan hệ mới với thế giới đồ vật . Do đó hoạt động đồ vật của trẻ ngày càng giống cách sử dụng của người lớn và trở thành thao tác (manipulation), (như cầm bút, cầm thìa, gõ trống, tháo mở hộp) (Development., 2017).

Hoạt động này của trẻ được gọi là HĐVĐV (là một loại hoạt động đối tượng). Ở trẻ lứa tuổi 24-36 tháng, HĐVĐV trở thành chủ đạo (Nguyễn Ánh Tuyết, 1997). Dấu hiệu của hoạt động chủ đạo tuyệt nhiên không phải là những chỉ số thuần tuý số lượng. Hoạt động chủ đạo đó không phải đơn giản là hoạt động hay gặp nhất trong giai đoạn phát triển đó mà chính là hoạt động đứa trẻ giành nhiều thời gian nhất vào đó.

Bản chất HĐVĐV được hình thành dựa trên đặc điểm chú ý không chủ định của trẻ em lứa tuổi 24-36 tháng. Theo TS. Ngô Công Hoàn, HĐVĐV của trẻ "chính là việc xây dựng các biểu tượng về đồ vật- hiện tượng của thế giới xung quanh" (Nguyễn Ánh Tuyết, 1998). Chính trong quá trình HĐVĐV còn tạo cơ hội hình thành những biểu tượng sinh động về chuẩn cảm giác, về màu sắc, hình dạng, kích thước và vị trí không gian. HĐVĐV diễn ra giúp cho tâm lí của trẻ phát triển mạnh, đặc biệt là trí tuệ (Nguyễn Ánh Tuyết, 1997).

Theo quan điểm giáo dục của bà Maria Montessori thì trẻ học thông qua việc tương tác với các phương tiện được lựa chọn cẩn thận trọng một môi trường có tổ chức. Trẻ nắm được tri thức thông qua việc thao tác với các vật liệu, các đồ vật, đồ chơi (Nguyễn Thị Hoà, 2013).

Hoạt động với đồ vật là quá trình tiếp xúc với đồ vật- đồ chơi trong cuộc sống hằng ngày và qua đó trẻ lĩnh hội được kinh nghiệm lịch sử- xã hội được củng cố vào trong các đồ vật (Phan Thị Minh Hà, 2003).

Theo Phan Thị Minh Hà "HĐVĐV là hoạt động đặc trưng của trẻ dưới 36 tháng tuổi. Nội dung chủ yếu của hoạt động này là hành động với đồ vật, đồ chơi trong cuộc sống hằng ngày, thông qua đó trẻ tích luỹ kinh nghiệm sống và có cơ hội để phát triển về mọi mặt" (Phan Thị Minh Hà, 2003).

Trong quá trình hoạt động tích cực với đồ vật, dần dần đứa trẻ phát hiện ra công dụng của từng đồ vật và đồng thời cùng một lúc trẻ cũng tiếp nhận được những quy tắc của hành vi xã hội gắn liền với đồ vật đó. Như vậy " HĐVĐV là hoạt động của trẻ với thế giới đồ vật xung quanh nhằm tìm hiểu, khám phá những đặc tính của đồ vật (màu sắc, hình dạng, độ lớn) và chức năng cũng như công dụng của chúng đồng thời cùng một lúc trẻ nắm được phương thức sử dụng đồ vật theo kiểu Người" (Nguyễn Thị Hoà, 2013).

Trong đề tài này chúng tôi sử dụng khái niệm: *HĐVĐV là hoạt động chủ đạo của trẻ 24-36 tháng, thông qua quá trình hoạt động tích cực với đồ vật, đồ chơi xung quanh, trẻ khám phá và lĩnh hội được những thuộc tính của đồ vật (màu sắc, hình dạng, kích thước).*

Trẻ lĩnh hội được các đặc điểm, tính chất, chức năng của đồ chơi- đồ vật thông qua quá trình đứa trẻ ngắm nhìn, tiếp xúc và trực tiếp thao tác.

Ở mỗi một độ tuổi thì sự tiếp xúc của trẻ với thế giới xung quanh ngày càng được mở rộng, phượng thức hành động với đồ vật của trẻ ngày càng phong phú.Trong giai đoạn 24-36 tháng những cử động với đồ vật của trẻ được thực hiện bởi mục đích định hướng thuần tuý. Đồ vật ở đây là hình thức hoạt động định hướng tích cực. Khi nắm lấy đồ vật, gõ, lắc, sờ, nhấn, rồi cất đi đứa trẻ sẽ nhận ra được tính chất của nó (V.X. Mukhina, 1980).

Nhu cầu khám phá chức năng phương thức sử dụng đồ vật thúc đẩy trẻ tích cực tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh. Chính vì thế, người ta ví trẻ tuổi 24-36 tháng như "nhà hoạt động thực tiễn", "nhà thực nghiệm" tháo cái này, lắp cái nọ vào cái kia.. Để thoã mãn nhu cầu tìm tòi, khám phá,hành động với đồ vật. Khi trẻ thực hiện HĐVĐV có hai loại hành động có ý nghĩa đặc biệt đối với sự phát triển tâm lí trẻ là hành động thiết lập mối tương quan và hành động công cụ.

Hành động công cụ là hành động sử dụng công cụ do con người tạo ra làm phương tiên để tác động lên một đối tượng nhất định nhằm tạo một kết quả. Hành động công cụ bao gồm hành động sử dụng sinh hoạt hằng ngày (chén, dĩa, kéo, bút,…) và hành động sử dụng lao động sản xuất (cuốc, xẻng, búa, cưa, đục,..) (Nguyễn Ánh Tuyết, 1998).

Một khái niệm khác về hành động công cụ: là hành động trong đó một đồ vật nào đó được sử dụng như một công cụ tác động lên các đồ vật khác, bao gồm hành động sử dụng các đồ dung trong sinh hoạt hằng ngày.

Công cụ là khâu trung gian giữa bàn tay con người và đồ vật mà con người muốn tác động tới, sự tác động này diễn ra như thế nào phụ thuộc vào cấu tạo của công cụ.

Ở lứa tuổi 24-36 tháng, hành động công cụ mà trẻ nắm được chưa phải là hoàn toàn thành thạo, nhưng điều quan trọng là trẻ nắm được nguyên tắc của việc sử dụng công cụ, một trong những nguyên tắc hoạt động cơ bản của con người. Nhờ đó trong những trường hợp khác trẻ có thể tự mình sử dụng một đồ vật nào đó làm công cụ.

Hành động thiết lập mối tương quan: là hành động mà trong đó đặt hai hay nhiều đối tượng (hoặc các bộ phận của đồ vật) vào những mối tương quan nhất định trong không gian để tạo thành một chỉnh thể nào đó (Phan Thị Minh Hà, 2017).

Hành động thiết lập mối tương quan đó là những hành động đưa hai hay nhiều đối tượng (hoặc bộ phận của chúng) vào những mối tương quan nhất định trong không gian. Ví dụ: Hành động chồng các khối gỗ thành hình tháp, lắp ráp đồ chơi..

Trẻ hài nhi chưa biết chưa biết đến các thuộc tính của đồ vật, chưa biết chọn đồ vật theo kích thước sắp xếp chúng theo một trật tự nhất định. Nhưng ở tuổi 24-36 tháng, những hành động thiết lập mối tương quan mà trẻ bắt đầu lĩnh hội, đòi hỏi phải tính đến những thuộc tính của đối tượng (Nguyễn Ánh Tuyết, 1997).

1.2.2. Ý nghĩa HĐVĐV đối với sự phát triển nhận thức về thế giới xung quanh của trẻ

HĐVĐV là hoạt động chủ đạo của trẻ năm thứ hai và năm thứ ba. Khác với trẻ trong năm đầu, trẻ lên hai và lên ba đi lại vững vàng hơn, phạm vi tiếp xúc với môi trường xung quanh được mở rộng. Nhu cầu khám phá thế giới đồ vật xung quanh là nhu cầu cơ bản, phương tiện giúp trẻ phát triển toàn diện của trẻ lứa tuổi 24-36 tháng. HĐVĐV là con đường cơ bản đầu tiên giúp trẻ nhà trẻ khám phá nhận thức thế giới xung quanh, đặc biệt là thế giới đồ vật, trẻ lĩnh hội kinh nghiệm sử dụng đồ vật của loài người (Nguyễn Thị Oanh, 2009).

Ban đầu trẻ cầm nắm đồ vật chủ yếu là do nhu cầu tiếp xúc của cơ thể với thế giới bên ngoài. Dần dần, cùng với sự phát triển quá trình tâm lí nhận thức, đặc biệt là cảm giác, tri giác, tư duy, ngôn ngữ, thế giới đồ vật xung quanh đối với trẻ đã khác trước, chúng đã có thể gọi tên: "khối gỗ", "quả bóng", "cái bàn", "cái ghế". Dưới sự hướng dẫn của GV, các biểu tượng sơ đẳng được hình thành trong trí não của trẻ, các hành động với đồ vật mang tính mục đích hơn. Trẻ biết sử dụng các khối gỗ để xếp thành ngôi nhà, ô tô, tàu hoả; trẻ biết xâu những hạt vòng có màu sắc khác nhau để tạo thành chuỗi vòng…Trẻ học cách sử dụng đồ vật theo con đường bắt chước và nhập tâm thông qua hoạt động với đồ vật.. Đây là những tri thức đầu tiên mà trẻ đã lĩnh hội được thông qua quá trình thao tác với đồ vật.

❖ **Phương tiện phát triển nhận thức cảm tính cho trẻ**

Thị giác và thính giác là hai giác quan phát triển từ rất sớm ở trẻ 24-36 tháng. HĐVĐV chính là phương tiện chủ yếu và làm phương tiện tốt nhất để rèn luyện và phát triển các giác quan của trẻ. Ngay từ khi mới 2-3 tháng tuổi, trẻ đã có những biểu hiện chú ý đến các đồ vật có màu sắc sặc sỡ. Đến tháng thứ 3-4, trẻ có biểu hiện lắng nghe tiếng gọi của người lớn: trẻ nín khóc khi nghe tiếng gọi êm dịu của mẹ, trẻ quay đầu về phía có tiếng gọi. Trẻ tỏ ra thích thú với các đồ vật, đồ chơi phát ra âm thanh. Vì vậy, phát triển giác quan cho trẻ được tiến hành từ rất sớm.

Nhờ được thao tác, được luyện tập. được chơi với đồ chơi, đồ vật và vật liệu chơi khác nhau nên trẻ năm thứ 2, năm thứ 3 đã có chủ định lựa chọn màu sắc, hình dạng, kích thước của đồ vật khi thao tác với chúng (trẻ sử dụng các khối gỗ to để xây nhà to; các khối gỗ nhỏ để xây nhà nhỏ; trẻ biết xâu hạt màu xanh thành chuỗi vòng màu xanh…) (HealthyFamilies BC, 2018).

Trẻ học tốt nhất khi được tự mình làm việc một cách thực sự và kiến tạo nên sự hiểu biết của mình về những gì đang diễn thay vì nhận lấy những cách diễn giải mà người lớn đưa ra.

Theo Piaget, trẻ cần những đồ vật hấp dẫn để sờ nắm và khám phá. Điều quan trọng là cần có nhiều đồ chơi dạng gây hiệu ứng (là những đồ chơi tại ra tiếng động khi ấn, kéo hoặc lắc). Trẻ cũng cần có trải nghiệm với những đồ mềm mại hơn đất năn không độc, tinh bột ngô, nước, cát..để ở nơi dễ lấy có thể sẽ khiến trẻ hứng thú hơn nhiều (Carol Garhart Mooney, 2016).

Sự phát triển tốt các cơ quan cảm giác sẽ là cơ sở cho sự hoàn thiện dần quá trình cảm giác-tri giác sự vật ở trẻ. Cùng với dưới sự hướng dẫn của người lớn (cô giáo, bố mẹ..) trong quá trình chơi thao tác với đồ vật khác nhau, trẻ nắm được các kiến thức và kĩ năng hành động với đồ vật.

Những cảm nhận cụ thể về món đồ vật mà trẻ có được trong hoạt động là vốn kinh nghiệm cảm tính quí báu tạo điều kiện nền tảng cho quá trình nhận thức lí tính tiếp theo.

❖ Hoạt động với đồ vật là cơ hội phát triển tư duy ở trẻ

Quá trình hoạt động tích cực với đồ vật làm nảy sinh ở trẻ mối quan hệ mới với thế giới đồ vật và dần dần trẻ nhận ra ảnh hưởng của bản thân với mọi vật xung quanh.

Khi chơi với những đồ chơi lắp ghép xây dựng, đòi hỏi ở trẻ phải chú ý đến hình dạng, đặc tính của đồ chơi để có thể xếp chúng với nhau theo những tương quan nhất định trong không gian. Có nghĩa là đòi hỏi trẻ phải biết quan sát, biết tự bản thân mình phải chú ý thì mới chơi được đồ chơi ấy. Ví dụ, muốn tháo lắp vòng từ vòng to nhất đến vòng nhỏ nhất, thì đứa trẻ phải chú ý đến kích thước to, nhỏ của vòng để sau đó lắp vào hoặc tháo ra theo như cô làm hoặc theo yêu cầu của cô đề ra với trẻ.

Theo như nhà tâm lí Rudich cho rằng "trí khôn gắn liền với hành động" (P.A.Rudich, 1980). Tất cả các khía cạnh liên quan đến trí tuệ của trẻ có cơ hội tốt để hình thành và phát triển trong khi trẻ chơi hoặc hành động với đồ vật, đồ chơi.

Nhiều trò chơi với đồ chơi, đồ vật ở lứa tuổi nhà trẻ đòi hỏi trẻ phải dùng con đường "thử-sai" để có kinh nghiệm cho hành động. Chẳng hạn, trò chơi "Khuôn thủng" trẻ phải thử đi thử lại hết cách nọ đến cách kia cuối cùng đứa trẻ rút ra được kinh nghiệm rằng để hình tam giác có thể để vừa vô khuôn tam giác, thì các cạnh phải khít nhau hoặc để ngôi nhà không bị đổ thì phải xếp các khối gỗ to bên dưới rồi mới đến các khối gỗ nhỏ dần.

Điều quan trọng trong lứa tuổi 24-36 tháng là trẻ học những hành động xác lập mối quan hệ giữa đồ vật để giải quyết một nhiệm vụ thực tiễn nào đó. Việc đó chỉ có thể thực hiện được trong khi HĐVĐV nhờ sự giúp đỡ của người lớn. Người lớn đưa ra những mẫu hành động cho trẻ bắt chước. Khi đã học được cách thực hiện những hành động này đứa trẻ bắt đầu hướng vào mối liên hệ giữa các đối tượng, đặc biệt là mối liên hệ giữa công cụ và đối tượng. Sau đó, nó chuyển sang thiết lập những mối quan hệ như thế trong điều kiện mới, khi giải bài toán mới.Việc biết xác lập những mối liên hệ mới giữa các đối tượng là một bước rất quan trọng với sự phát triển tư duy của trẻ. Ví dụ: một bé trai 24 tháng, thực hiện hành động nhấn nút cây đèn thì bỗng dưng thấy bóng đèn sáng lên, bé rất thích thú và cứ lặp lại hành

động tắt và mở nhấn nút cây đèn. Như vậy, bé đã phát hiện được mối quan hệ giữa cái nút đèn với bóng đèn sáng lên, điều đáng chú ý là trong khi hành động nhấn nút bé trai đã hướng chú ý đặc biệt của mình vào mối quan hệ giữa các nút đèn và bóng đèn sáng qua hành động của chính mình một cách thích thú. Trong trường hợp này bài toán được giải quyết là nhờ các phép thử thực tiễn (nhấn nút thì bóng đèn sẽ sáng lên) tức là những hành động định hướng bên ngoài.

Như vậy, là trẻ đã tìm ra phương tiện mới bằng cách tổ hợp trong đầu. Đó là dấu hiệu của khả năng "bỗng nhiên hiểu ra" (insight) và cũng là dấu hiệu đã làm theo biểu tượng. Tác giả Piaget gọi khả năng "bỗng nhiên hiểu ra" là trí khôn cảm giác- vận động. Tư duy của trẻ được thực hiện nhờ những hành động định hướng bên ngoài gọi là tư duy trực quan- hành động, loại tư duy này chỉ được hình thành trong quá trình trẻ HĐVĐV, chủ yếu qua các hành động cụ thể xác lập những mối tương quan, nhờ sự hướng dẫn của người lớn. HĐVĐV không chỉ là phương tiện giúp trẻ giải quyết nhiệm vụ cụ thể nào đó đặt ra trước đứa trẻ mà điều chủ yếu đó còn là phương tiện để trẻ nắm vững bản thân hoạt động tư duy, nhờ đó mà sự phát triển trí tuệ của trẻ diễn ra mạnh mẽ (Nguyễn Ánh Tuyết, 2009).

Quá trình tư duy ở trẻ cũng diễn ra, khi GV tổ chúc các trò chơi như: bỏ quả bóng to vào rổ to, xâu hạt xen kẽ màu, hái những quả táo màu vào rổ màu đỏ. Những "sơ đồ khái quát" của hành động dần dần hình thành, khi trẻ có cơ hội lặp lại những hành động thực hiện được với vật này sang vật khác hay trong hoàn cảnh khác. Ngoài ra, để ghi nhận được tên gọi, màu sắc, hình dạng, công dụng..của đồ vật đồ chơi và hành động với chúng một cách hiệu quả, trẻ phải vận dụng cả trí nhớ, tưởng tượng.

Giống như các quá trình nhận thức, các năng lực nhận thức cũng sẽ phát triển trong quá trình HĐVĐV. Chẳng hạn, khả năng quan sát sẽ hình thành trong khi trẻ học để nắm được đặc điểm bên ngoài của đồ vật, đồ chơi; năng lực so sánh sẽ hình thành trong khi trẻ học cách so sánh để nhận ra vật nào to hơn, vật nào nhỏ hơn hoặc khả năng hệ thống hoá, khái quát hoá sẽ dần dần phát triển trong quá trình trẻ học cách phân loại, phân nhóm đồ dùng, vật dụng.

❖ **Hoạt động với đồ vật giúp phát triển vận động cho trẻ**

HĐVĐV có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển thể lực cho trẻ 24-36 tháng đặc biệt là vận động khéo léo, linh hoạt của bàn tay và ngón tay.

Nhu cầu cầm nắm đồ vật xuất hiện tương đối sớm ở trẻ và là động tác vận động đầu tiên mà trẻ học được. Sau đó động tác cầm nắm có bước phát triển mới, không còn là động tác mang tính bản năng nữa mà đã trở nên có ý thức. Từ 5-6 tháng tuổi, trẻ đã biết đưa tay hướng về phía đồ vật, 7-8 tháng, trẻ biết trướn người về phía đồ vật Khi trẻ được 10 tháng tuổi, việc quan sát môi trường xung quanh khiến nội tâm trẻ nảy sinh hứng thú cao độ. Động tác của trẻ lúc này không còn là động tác nắm đơn thuần nữa mà qua động tác cầm nắm đã cho thấy đầy đủ năng lực của đôi tay trẻ. Khi đã hiểu rõ về môi trường xung quanh, trẻ bắt đầu hành động. Trẻ bắt đầu không ngừng đóng, mở ngăn kéo hay các loại hộp, lôi quần áo trong tủ ra, bỏ nút chai ra khỏi chai. Nhờ quá trình thao tác với đồ vật, khả năng kiểm soát đôi tay của trẻ ngày càng trở nên mạnh hơn (Maria Montessori, 2015).

Lúc đầu trẻ cầm đồ vật, đồ chơi bằng cả hai bàn tay một cách khó khăn vụng về, sau đó trẻ cầm đồ vật bằng các ngón tay, thao tác với đồ vật trở nên khéo léo. Những trò chơi như nhảy lên bắt bóng, kéo xe, xâu hạt, xếp hình..không chỉ giúp cho trẻ phát triển tốt về các cơ quan vận động mà còn giúp phát triển vận động tinh ở trẻ.

❖ **Hoạt động với đồ vật giúp cho trẻ phát triển ngôn ngữ**

Thông qua HĐVĐV, khả năng định hướng môi trường đồ vật xung quanh của trẻ được mở rộng, đồng thời phát triển ngôn ngữ của trẻ. Trong quá trình trẻ thao tác với đồ vật, trẻ lắng nghe sự chỉ dẫn bằng lời của cô, trẻ hiểu lời nói của người lớn trong những tình huống cụ thể, trẻ biết được tên và gọi tên của đồ vật, biết mô tả đặc tính và công dụng của đồ vật bằng lời.

Trong khi thao tác với đồ vật, trẻ biết chú ý lắng nghe sự chỉ dẫn bằng lời của cô, theo dõi các thao tác của cô và cuối cùng chính bản thân trẻ được hành động với đồ vật, đồ chơi theo sự chỉ dẫn của cô, thông qua các trò chơi này trẻ học được cách sử dụng được đồ vật đồ chơi theo kiểu người.

Ban đầu khi chơi trò chơi mô phỏng như cho búp bê ăn bột, uống nước…trẻ cầm còn ngượng tay và lúng túng nhưng nhờ sự chỉ bảo giúp đỡ của GV, gia đình hướng dẫn cho trẻ cách cầm thìa, cầm cốc, vừa chỉ cách làm, vừa miêu tả điều đang làm. Dần dần đứa trẻ hiểu nghĩa của những từ, những câu nói đơn giản của cô (Phan Thị Minh Hà, 2003).

Tên gọi chính xác của đồ vật là cái rất cơ bản để phân biệt vật này với vật khác. Ngay cả những trẻ ở lứa tuổi 3-4 tuổi đôi khi cũng gọi "cốc, chén, bát" bằng "chén" hoặc bằng công dụng của nó là "cái để uống"; gọi "bàn, ghế tựa, ghế so-pha" là "cái để ngồi". Vốn thuật ngữ đã được xây dựng chung cho mọi tiêu chuẩn, trẻ cần nắm rõ lời nói chính xác tạo tiền đề phát triển tư duy sau này (A.I.Xôrôkina, 1986).

Hầu như bao giờ trẻ cũng cảm thấy khó khăn vì thiếu một vốn từ vựng đã lĩnh hội được và thiếu kĩ năng sử dụng vốn từ đó. Trẻ thường dùng những từ không chính xác để gọi các đồ vật. Để tích luỹ vốn từ về tên gọi các đồ vật, đồ chơi cho trẻ GV cần tổ chức thêm những hoạt động riêng biệt, những trò chơi học tập, những bài luyện tập. GV cần chú ý đến từ ngữ và lời giải thích phải chính xác, ngắn gọn, rõ ràng.

❖ **Hoạt động với đồ vật là phương tiện hình thành phẩm chất đạo đức**

Chơi với đồ chơi, đồ vật tạo cho trẻ có những xúc cảm lành mạnh. Trẻ thấy gắn bó thân thiện với các bạn cùng chơi, giúp cho trẻ ngoan hơn, biết vâng lời hơn. Theo V.X Mukhina đã khẳng định " Trong khi nắm bắt các hành động sử dụng đồ vật trong sinh hoạt hằng ngày, đồng thời trẻ cũng lĩnh hội những quy tắc hành vi xã hội gắn liền với các đối tượng này" (V.X. Mukhina, 1980).

Trong quá trình lên kế hoạch GV nên cung cấp cho trẻ các kiến thức về các vật liệu, các thuộc tính tạo ra đồ vật, cung cấp cho trẻ sự hiểu biết sâu sắc hơn về cuộc sống xung quanh, góp phần giáo dục ý thức tôn trọng thành quả lao động của con người. Hình thành ở trẻ một thái độ biết trân quý, giữ gìn đồ dùng, đồ chơi, biết cách sử dụng một cách hợp lí.

Bên cạnh đó, người lớn cũng nên giáo dục trẻ biết chia sẻ đồ chơi cùng bạn, nhường nhịn chờ tới lượt chơi của mình và rèn cho trẻ có thói quen dọn dẹp, cất dọn

đồ chơi. Trong lúc trẻ tham gia vào hoạt động, GV nên quan sát, theo dõi và hỗ trợ trẻ phải nỗ lực thực hiện cho đến cùng. Từ đó hình thành sự kiên trì, quyết tâm theo đuổi mục đích, đó là những đức tính tốt cần được nuôi dưỡng và rèn luyện ngay ở lứa tuổi nhỏ.

Nhiều hoạt động hằng ngày của trẻ đòi hỏi thao tác đối tượng trong một tay. Ví dụ: như cầm viết, cọ vẽ bằng một tay; sử dụng kéo, cầm một con dao và nĩa….Khi những kỹ năng thao tác với đồ vật của trẻ khó khăn hoặc yếu, trẻ có thể dễ dàng thất vọng và tránh các hoạt động có liên quan đến thao tác, kết quả là các kỹ năng thao tác sẽ ít tinh tế do trẻ thiếu thực hành nhiều. Trẻ sẽ trở thành những người thiếu kỹ năng và dẫn đến thiếu những kỹ năng và dẫn đến thiếu sự tự tin và không tự tin vào kết quả của bản thân mình làm ra sau này (Development., 2017).

❖ **Hoạt động với đồ vật là cơ hội để hình thành hứng thú nghệ thuật**

Bản thân thế giới đồ vật, đồ chơi đều chứa đựng cái đẹp. Cái đẹp được các nghệ nhân thể hiện trong hình dạng, màu sắc, hoa văn của từng món đồ chơi mà trẻ sử dụng hằng ngày. Sự hài hoà tinh tế trong từng hoạ tiết, sắc màu, trong hình dạng các món đồ chơi, đồ vật góp phần hình thành và nuôi dưỡng ở trẻ khả năng cảm nhận cái đẹp và thị hiếu thẩm mỹ đối với môi trường xung quanh.

Để giúp cho trẻ có cơ hội hình thành và phát triển năng lực cảm thụ cái đẹp, thị hiếu thẩm mỹ thì trước hết bản thân GV, mọi người xung quanh trẻ phải là những con người nhìn nhận và thể hiện cảm xúc trước cái đẹp, làm gượng cho trẻ, phải tỏ rõ thái độ, tình cảm, xúc cảm của bản thân mình khi đứng trước một sản phẩm, bức tranh đẹp. Cần nói lên cảm nhận của bản thân cho trẻ biết được, đẹp là như thế nào và đẹp ở điểm nào và cách bày tỏ khen ngợi một sản phẩm, bức tranh đẹp ra làm sao. GV cần tránh cường điệu hoá hoặc giả vờ khen ngợi trước mặt trẻ nên khuyến khích và tôn trọng sự tự do sáng tạo của trẻ. Sự quan tâm, tạo điều kiện và thái độ trân trọng của người lớn đối với những "tác phẩm" đầu đời ấy sẽ góp phần nuôi dưỡng hứng thú sáng tạo ở trẻ ngày một lớn mạnh.

Nhiều trò chơi với đồ chơi, đồ vật tạo cơ hội cho trẻ làm ra cái đẹp trong sản phẩm của mình như xâu những bông hoa, những chiếc lá, hạt…thành chiếc vòng đeo tay, đeo cổ. Những khối gỗ, mảnh xốp, tấm bìa, hộp sữa, hòn sỏi…bằng trí

tưởng tượng sáng tạo non nớt của trẻ có thể tạo thành con đường, chiếc cầu, ngôi nhà ngô nghĩnh mang tính hình tượng (Phan Thị Minh Hà, 2017).

❖ **Hoạt động với đồ vật là cơ hội để hình thành các trò chơi tiêu biểu của trẻ mẫu giáo**

Theo tác giả Fratkinna đã chỉ ra trong các công trình nghiên cứu về trò chơi của trẻ em từ 1-3 tuổi vào năm 1946 cho rằng "Tiền đề của trò chơi sắm vai của trẻ mẫu giáo phát sinh từ trò chơi giả bộ của trẻ 1 tuổi rưỡi đến 3 tuổi, đó là sự xuất hiện hành động chơi trên nền hành động với đồ vật"

Tác giả Nguyễn Thị Thanh Hà (2006) cũng dựa trên cơ sở này để khẳng định "Những trò chơi giả bộ đầu tiên được hình thành trên nền các trò chơi bắt chước người lớn sử dụng đồ dùng, dụng cụ" trong sinh hoạt hàng ngày" (Nguyễn Thị Thanh Hà, 2006).

Trong quá trình trẻ chơi trò chơi phản ánh sinh hoạt, giúp cho trẻ luyện tập với sự phức tạp hoá các công cụ lao động, đồng thời trẻ cũng được làm quen với xã hội của người lớn nhưng được "thu nhỏ" lại trong mối quan hệ giữa trẻ với nhà trường và gia đình. Do đó trẻ cho phép mình hợp nhất lại các nhóm trẻ và tổ chức trong cá nhóm đó một cuộc sống vui chơi đặc biệt-tái tạo mối quan hệ xã hội và hoạt động lao động của người lớn (V.X. Mukhina, 1980).

Những hành động bắt chước xúc cho em bé ăn, cho em bé uống nước, tắm cho em, chải đầu cho em.. Khi trẻ hai, ba tuổi là tiền đề cho những vai "mẹ", vai "bố" sâu sắc, biểu cảm khi trẻ lên mẫu giáo. Những "công trình xây dựng" như "công viên", "trang trại chăn nuôi" của trẻ mẫu giáo cũng có mầm móng từ các hành động xếp chồng, xếp canh, xếp cách có chủ đề của trẻ lứa tuổi nhà trẻ.

1.2.3. Yếu tố ảnh hưởng tới việc tổ chức HĐVĐV cho trẻ

❖ **Vai trò của người lớn trong việc tổ chức HĐVĐV cho trẻ**

Việc tổ chức HĐVĐV cho trẻ 24-36 tháng là cần thiết. Bởi vì ở lứa tuổi này trẻ thường học qua chơi và chính cô giáo là người trực tiếp tham gia và tổ chức hướng dẫn trẻ chơi.

Quá trình lĩnh hội HĐVĐV diễn ra tương đối dài và cần phải có sự hỗ trợ trực tiếp của người lớn, vì cách thức sử dụng đồ vật không thể hiện qua hình dáng

bên ngoài của chúng. Điều này khẳng định lại nhận định của V.X.Mukhina rằng : "Chức năng của đồ vật là thuộc tính tàng ẩn của chúng", thuộc tính này không dễ dàng phát hiện bằng "hành động chơi-nghịch đơn giản" của trẻ (V.X. Mukhina, 1980).

Vai trò của người lớn trong việc giáo dục trẻ đã được khái quát bằng hình tượng "thang đỡ" trong học thuyết "Vùng cận phát triển của L.X.Vưgốtxki. Tầm quan trọng của GV làm "thang đỡ" cho trẻ được các tác giả phương Tây như. Isenberg, Reynold, Perry...(Nguyễn Thị Thanh Hà, 2006) cho rằng, để thực sự tạo điều kiện giúp đỡ trẻ chơi, là người công tác, là người lên kế hoạch, là người cổ vũ khuyến khích trẻ, là người làm mẫu, là người điều hoà, dàn xếp, là người đảm bảo an toàn cho trẻ khi chơi (Nguyễn Thị Thanh Hà, 2006).

Nhờ sự hỗ trợ của GV, trẻ có thể học nhiều điều bổ ích thú vị. Qua đó trẻ ngày càng phát triển. Thật vậy, nhu cầu, hứng thú của trẻ luôn có liên quan tới người lớn. Các đồ vật xung quanh thu hút trẻ không chỉ bởi sự hấp dẫn của nó mà còn do sự khơi gợi của GV bằng nhiều cách khác nhau. Sau đây là một số lưu ý khi GV tổ chức HĐVĐV cho trẻ:

- Cô phải hiểu từng cá nhân trẻ, hiểu đặc điểm phát triển, mức độ phát triển để từ đó chọn những trò chơi phù hợp giúp trẻ vừa có thể rèn luyện kĩ năng đã có. Đồng thời có thể tạo điều kiện cho trẻ học thêm những kĩ năng mới.
- Khi hướng dẫn trẻ chơi, cô cần kịp thời thay đổi một cách hợp lí tính chất trò chơi của trẻ, không bắt trẻ chơi những trò chơi quá cao so với khả năng của chúng và cũng không lặp đi lặp lại nhiều lần trò chơi mà trẻ đã chán.
- Chú ý phát triển hứng thú và tính chủ động, tính tích cực của trẻ khi chơi.
- Tân dụng mọi trường hợp để làm cho cảm xúc và ấn tượng của trẻ thêm phong phú, tạo cho trẻ nhiều dịp được khám phá, tìm hiểu thế giới đồ vật.
- Tôn trọng trẻ, coi trẻ là chủ thể, là trung tâm trong HĐVĐV.
- Không áp đặt trẻ theo ý muốn chủ quan của người lớn, cho trẻ HĐVĐV theo nhu cầu là hứng thú của trẻ.
- Quan sát trẻ trong lúc chơi với đồ vật để nắm được tốc độ phát triển, khả năng thực của trẻ sau đó mới đưa ra thêm nhiều tình huống, nhiệm vụ mới.

- Khi hướng dẫn trẻ hoạt động không nên quá nóng vội, vội vàng làm thay trẻ khi thấy trẻ còn lóng ngóng trong lúc sử dụng công cụ.
- Sự hướng dẫn của giáo viên phải tinh tế, phải nhận ra khi nào đứa trẻ không đủ sức giải quyết vấn đề và tìm cách giúp đỡ trẻ kịp thời vào đúng thời điểm mà trẻ cần sự trợ giúp (Nguyễn Thị Hoà, 2013).

❖ **Xây dựng môi trường vật chất đa dạng, phong phú**

Xây dựng môi trường vật chất đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ MN. Môi trường hoạt động dành cho trẻ lứa tuổi 24-36 tháng không chỉ là đồ dùng, đồ vật do con người tạo ra để dùng trong sinh hoạt, trong hoạt động hằng ngày mới là đối tượng hoạt động của trẻ mà đồ chơi cũng là một phương tiện quan trọng giúp trẻ bước vào thế giới tìm hiểu, khám phá.

Đặc biệt để tổ chức HĐVĐV cho trẻ lứa tuổi 24-36 tháng, nhất là với hai hình thức chơi-tập có chủ đích và chơi tư do, phương tiện chủ yếu của GV là đồ chơi-thể loại mô phỏng hình dạng đồ dùng vật dụng, hoặc là các đối tượng khác trong tự nhiên cuộc sống. Mặc dù có những hạn chế nhất định, nhưng không thể phủ nhận hiệu quả thực tế của việc sử dụng đồ chơi để nhằm mục đích phát triển năng lực HĐVĐV của trẻ.

Bên cạnh các đồ dùng, đồ chơi trong lớp học, GV nên chú trọng đến những đồ dùng, vật dụng phục vụ cho cuộc sống của trẻ, như đồ dùng để ăn uống (chén, muỗng, ly, cốc..); đồ dùng cá nhân còn có: quần, áo, giày dép, mũ, gối, khăn mặt, bàn chải đánh răng..kể cả bàn ghế, kệ để giày dép hay tủ để túi xách của trẻ..Những vật dụng đó mới thực sự giúp ích cho trẻ trong việc hình thành kĩ năng thực tiễn trên những đồ dùng đích thực, giúp trẻ sử dụng công cụ đúng chức năng mà xã hội đã quy định cho chúng.

Sau đây là một số lưu ý để GV xây dựng môi trường trang thiết bị đồ dùng, đồ chơi và cách sắp xếp:

- Tận dụng các nguyên vật liệu có sẵn trong thiên nhiên của địa phương.
- Cần trang bị cho lớp học một môi trường đồ dùng, đồ chơi vừa phải vì cả hai khía cạnh quá nhiều hoặc qua ít đều chứa đựng những hạn chế nhất định.

- Đồ chơi, đồ vật phải có màu sắc trung thực, sặc sỡ đảm bảo yêu cầu vệ sinh và trẻ có thể hành động.
- Đồ dùng, đồ chơi phải phong phú về chủng loại và vừa phải phong phú về nguyên vật liệu.
- Chọn lựa đồ chơi cần chứa đựng các giá trị hướng tới mục tiêu phát triển trí tuệ, hình thành khả năng cảm thụ cái đẹp, hỗ trợ phát triển và hoàn thiện thể chất.
- Các món đồ chơi cần đảm bảo tính năng động có nghĩa là trẻ có thể chơi bằng nhiều cách trong nhiều trò chơi khác nhau và sử dụng cho nhiều lứa tuổi.
- Đồ chơi phải bày biện sắp xếp trong trạng thái "mở" vừa tầm vừa tay của trẻ để trẻ dễ nhìn thấy, dễ lấy ra và dễ cất vào nơi quy định (Phan Thị Minh Hà, 2017)

1.2.4. Khái niệm tri giác

Tri giác (tiếng anh. Perception) hoặc định hướng bằng mắt (Visual perception)

Mỗi vật xung quanh ta đều có những thuộc tính bề ngoài riêng biệt như màu sắc, hình dạng, kích thước. Khác với cảm giác, TG là hình thức phản ánh cao hơn trong cùng một bậc thang nhận thức cảm tính và TG phản ánh một cách trọn vẹn các thuộc tính của đồ vật. TG được kết hợp thực hiện trên cơ sở phối hợp của nhiều cơ quan phân tích, giúp con người có thể TG đối tượng một cách đầy đủ, chính xác hơn.

Theo Nguyễn Quang Uẩn đưa ra định nghĩa về TG : "TG là quá trình tâm lí phản ánh một cách trọn vẹn các thuộc tính bề ngoài của sự vật, hiện tượng đang trực tiếp tác động vào các giác quan của chúng ta" (Nguyễn Quang Uẩn, 2007, tr.90).

❖ **Có thể vắn tắt về TG như sau:**

- TG phản ánh trọn vẹn các thuộc tính sự vật, hiện tượng.
- TG phản ánh sự vật, hiện tượng theo một cấu trúc nhất định. Ví dụ: Nhìn vào một bức tranh trẻ biết bức tranh đó vẽ cánh đồng hoặc vẽ công viên.
- TG là một quá trình tích cực mang tính tự giác của chủ thể nhằm giải quyết một nhiệm vụ nhận thức.

- TG có các quy luật là tiêu chí để phân biệt với cảm giác: tính đối tượng, tính ý nghĩa, tính trọn vẹn, tính ổn định, tính tổng giác..
- TG có hai loại chủ yếu sau: nếu dựa trên cơ quan phân tích giữ vai trò chính, trực tiếp tham gia vào quá trình TG, có thể chia thành: TG bằng thị giác, TG bằng thính giác, TG bằng khứu giác, TG bằng tay. Sự phân loại chủ yếu của TG là dựa vào sự phản ánh những hình thức tồn tại khác nhau của sự vật, hiện tượng trong thế giới. Phân chia theo loại này có ba loại TG chủ yếu: TG các thuộc tính không gian của đối tượng, TG các thuộc tính thời gian của đối tượng, TG sự chuyển động (Trương Thị Xuân Huệ, 2013).

Vai trò lớn nhất trong quá trình phát triển nhận thức cảm tính cho trẻ lứa tuổi 24-36 tháng là hình thành chuẩn cảm giác và tạo tiền đề cho lứa tuổi MG là biết sử dụng chuẩn cảm giác trong tri giác.

Theo tác giả Jean Piaget định nghĩa chuẩn cảm giác như sau *:"Chuẩn cảm giác là những biểu tượng về các biến thể cơ bản nhất của các thuộc tính do nhân loại đúc kết được, xuất hiện trong tiến trình phát triển lịch sử nhân loại, được con người sử dụng như hình mẫu, thước đo để xác định và gọi tên các thuộc tính và quan hệ tương ứng"* (Jean Piaget, 1979).

Hệ thống các chuẩn cảm giác tương ứng với hệ thống các đặc điểm cảm tính của sự vật, hiện tượng như thang âm, các hình hình học, bảy màu quang phổ…Trẻ sử dụng các chuẩn cảm giác như các đơn vị đo lường cảm tính riêng của mình và đối chiếu thuộc tính của các đối tượng với những chuẩn đó trong quá trình TG.

Quy luật hình thành và phát triển các chuẩn cảm giác có thể được tóm tắt như sau:

- Trong quá trình hình thành các hành động TG các chuẩn cảm giác lần đầu xuất hiện ở dạng vật chất bên ngoài (hình mẫu là hình vẽ, hình bìa, hình nhựa..) và sự đối chiếu các thuộc tính của sự vật với các chuẩn đòi hỏi phải thực hiện bằng hành động bên ngoài (sờ đường viền ,đặt cạnh, đặt chồng,..).
- Ở giai đoạn kế tiếp chuẩn cảm giác vẫn giữ lại các hình thức vật chất bên ngoài của chúng, nhưng các hành động đối chiếu các thuộc tính của các sự vật với chuẩn được thay thế bằng chuyển động của mắt- đối chiếu bằng mắt thuộc tính của

sự vật với chuẩn cảm giác. Ví dụ: Đường viền của đồ vật với hình hình học (bên cạnh TG bằng mắt còn TG bằng tai).

- Ở giai đoạn cuối cùng các biểu tượng (hình ảnh trong não) hình thành ở trẻ xuất hiện như các chuẩn cảm giác,chuyển động của mắt giảm dần và hành động đối chiếu chuyển dần vào bình diện ý nghĩ (hành động trí não). Khi đó trẻ có thể chọn các vật thể theo dấu hiệu cho trước, mà không cần chuẩn cảm giác ở dạng vật chất (hình mẫu) (Trương Thị Xuân Huệ, 2013).

❖ Sự phát triển hành động tri giác

Bản chất của quá trình TG thể hiện ở chỗ : bảo đảm sự thu nhận và xem xét sơ bộ các thông tin từ thế giới bên ngoài: nhận biết và phân biệt các thuộc tính riêng lẻ của đối tượng và tên gọi của chúng. TG giúp trẻ phân biệt một đối tượng này với đối tượng khác,phân biệt các sự vật và hiện tượng từ hàng loạt những cái giống nhau hoặc không giống nhau (Trương Thị Huỳnh Mai, 2005).

Cấu trúc của dạng TG ban đầu hoàn toàn lệ thuộc vào thuộc tính của đối tượng TG, cái tác động trực tiếp lên cơ quan thụ cảm của trẻ. Sự phân hóa các hình ảnh đó về lâu dài tiến triển trong sự liên kết giữa thị giác và xúc giác và các cảm giác cơ xương vận động: trẻ với tay về phía đồ vật nhờ sự hỗ trợ của mắt, sờ mó liên tục và lâu dài đồ vật đó.

Trong số các điều kiện nêu trên, hành động bên ngoài với đồ vật có ý nghĩa quan trọng đối với trẻ. Các công trình nghiên cứu Zaporozhets, Galperin cho thấy: hành động có vai trò quan trọng trong nhận thức cảm tính của trẻ.

Xúc giác và cảm giác cơ xương vân động có vai trò hai mặt: 1) Làm quen trẻ với các đặc điểm của sự vật, những đặc điểm chỉ có thể nhận biết được bằng cách sờ mó-đặc điểm bề mặt, hình dạng, trọng lượng…; 2) Xúc giác và cảm giác cơ xương vận động có vai trò làm chính xác hóa các đặc điểm của hình ảnh thị giác về đối tượng được TG.

Các nhà nghiên cứu xem xét hành động TG dưới hai góc độ: hành động TG được hình thành bởi hệ thống các chuẩn cảm giác, do nhân loại đúc kết được và trở thành hình mẫu về các thuộc tính của các đồ vật cụ thể với các hình mẫu đó.

Các dạng hành động TG cơ bản gồm:

- Hành động đồng nhất: được thực hiện trong quá trình khảo sát thuộc tính của đồ vật, mà các thuộc tính đó hoàn toàn ứng với chuẩn đã có. Ví dụ: lá cờ hình chữ nhật.
- Hành động so cho bằng chuẩn: là hành động tạo ra sự phù hợp với chuẩn. Nghĩa là các thuộc tính gần giống, nhưng không hoàn toàn giống với chuẩn. Chuẩn cảm giác xuất hiện như phương tiện TG cho phép xem xét vô số các biến thể của các thuộc tính của các vật thể.
- Hành động TG mang tính mô hình hóa (hành động TG phân tích): hành động này là hành động đối chiếu thuộc tính của sự vật được khảo sát không phải với một chuẩn cảm giác, mà với một nhóm chuẩn cảm giác,tức là xây dựng mô hình chuẩn cảm giác. Ví dụ con thỏ đầu tròn, tai ôvan, mình hình chữ nhật, đuôi tròn.

Tính chất hành động TG ở trẻ 24-36 tháng chủ yếu là khảo sát các thuộc tính của đồ vật ứng với chuẩn, có sự tham gia của tay và di chuyển một cách có suy nghĩ: thử- sai, quay đối tượng, đặt cạnh, đặt chồng,.. Các hành động TG mới đó là những hành động định hướng bên ngoài, trở thành công cụ của nhận thức và tạo tiền đề để thiết lập những hành động định hướng bên trong sau này.

❖ Vai trò của ngôn ngữ trong sự phát triển TG

Những từ vựng mà trẻ nghe được về bản chất đều khái quát và tác động đến sự hình thành hình ảnh khái quát của TG. Đồng thời thông qua từ vựng mà trẻ nghe được từ người lớn, kinh nghiệm nhận thức hiện thực khách quan của cả nhân loại được đưa vào trong TG của cá nhân trẻ, hình ảnh TG lúc này là hình ảnh TG của cá nhân trẻ.

TG được hoàn thiện và phát triển nhờ vào ngôn ngữ tích cực của trẻ nó có ý nghĩa lớn khi trẻ tự nói một từ hoặc câu chỉ đối tượng trẻ đang TG.

Vai trò của ngôn ngữ trong sự phát triển TG của trẻ.

- Đưa ngôn ngữ vào quá trình cảm giác và TG có ý nghĩa đối với quá trình hình thành chuẩn cảm giác và đặc biệt là hoạt động nhận thức. Tác nhận cụ thể tác động trực tiếp lên cơ quan của trẻ, là tín hiệu thứ nhất.

Tóm lại khi lựa chọn các biện pháp tổ chức HĐVĐV, chúng tôi sẽ lựa chọn các biện pháp hình thành chuẩn cảm giác và kích thích ngôn ngữ để hành động TG của trẻ được chuyển hóa từ hành động định hướng bên ngoài sang hành động định hướng bên trong, từ thử-sai sang dùng mắt. Sự phát triển TG diễn ra trong quá trình tổ chức HĐVĐV và một khi đã hình thành hành động TG góp phần phát triển nhận thức.

1.2.5. Đặc điểm tri giác của trẻ 24- 36 tháng

Phát triển nhận thức cảm tính là một trong các nội dung quan trọng giúp trẻ phát triển toàn diện bên cạnh các mặt phát triển khác. Thông qua quá trình trẻ TG trực tiếp, các thuộc tính và đặc điểm đặc trưng của đối tượng được bộc lộ rõ nét. Nhờ vậy mà trẻ nắm bắt sâu sắc và hình thành biểu tượng về đối tượng một cách trọn vẹn.

Đầu tuổi 24-36 tháng, khả năng TG của trẻ còn hết sức sơ sài, trẻ nhận biết đối tượng căn cứ vào một vài dấu hiệu nào đó của đồ vật đang đập vào mắt, đó chỉ là dấu hiệu bên ngoài mang tính chất ngẫu nhiên và còn mơ hồ.

Do có sự phối hợp của nhiều giác quan cùng tham gia vào quá trình TG nên TG ở độ tuổi 24-36 tháng phát triển rõ rệt. Trẻ hiểu được mọi sự vật đều có hình dạng, kích cỡ, màu sắc khác nhau. Theo như các tài liệu Chương trình Giáo dục năm (2016) và một số tài liệu nước ngoài mà đề tài tham khảo được thì sự thể hiện TG rõ nhất ở độ tuổi này là: (Hillary Rolston, 2017)

- Lựa chọn vật dụng, đồ dùng đồ chơi bằng tín hiệu thị giác
- Nhận biết hình dạng: hình tròn, hình vuông
- Nhận biết màu sắc: xanh dương, vàng, đỏ
- Nhận biết kích thước: to, nhỏ
- Chỉ và gọi tên đồ vật, con vật quen thuộc.
- TG tranh có chủ đề đơn giản
- Nhận biết được đồ vật khi chỉ thấy một vài dấu hiệu
- Nhận biết thời gian: sáng-tối, đêm- ngày

❖ Đặc điểm TG hình dạng

Hình dạng là một trong những dấu hiệu cơ bản của sự vật, không xác định và không nhận thức hình dạng thì không thể biết được sự vật. Trẻ phát triển TG hình dạng của đối tượng theo hai hướng: nhận thức các hình học như hệ thống chuẩn cảm giác và lĩnh hội các hành động TG hình dạng khác nhau. Các dấu hiệu hình dạng của đối tượng được trẻ dễ dàng xác định dựa vào các hình hình học, khi đó hình dạng được hiện lên rõ ràng hơn.

Sự phân biệt hình dạng phát triển theo quá trình khảo sát khai triển và phù hợp với đối tượng, quá trình đó bao gồm việc sờ bằng ngón tay vòng quanh đường viền của đối tượng và mắt theo dõi đường viền đó.

Ban đầu sự chuyển động của mắt giữ vai trò hỗ trợ, dõi theo đường viền và phối hợp với chuyển động của tay sờ quanh đường viền của hình hình học hoặc hình dạng của đối tượng dẫn trước. Về lâu dài trẻ chuyển sang định hướng bằng mắt hoàn toàn, một cách độc lập, trẻ có thể nhận biết đối tượng ngay cả khi đối tượng chỉ thấy một phần của đối tượng.

Sự phát triển TG của trẻ được thể hiện theo các mức độ hình thành hành động TG hình dạng. Ở lứa tuổi 24-36 tháng hành động TG này ở dạng hành động định hướng bên ngoài, nghĩa là trẻ đối chiếu, so sánh những thuộc tính của đối tượng bằng tay đó là hành động thử-sai, đặt cạnh hoặc đặt chồng các đồ vật với hình hình học. Sang đến cuối tuổi ấu nhi và mẫu giáo, trải qua quá trình giáo dục trẻ vẫn TG đối tượng bằng tay với mức độ hành động đặt cạnh, đặt chồng ở dạng rút gọn dần và chuyển sang so sánh, đối chiếu các thuộc tính của đối tượng bằng mắt (A.I.Xôrôkina, 1986).

❖ Đặc điểm TG màu sắc

Các đồ vật xung quanh trẻ được phân biệt nhờ vào màu sắc. Chính sự phân tích của thị giác, trẻ TG màu sắc của đồ vật được nhanh và nhạy bén hơn. Cũng giống như hình dạng, màu sắc là dấu hiệu của đồ vật cụ thể và là dấu hiệu khái quát hoá của nhiều đồ vật.

Trẻ lứa tuổi 24-36 tháng phân biệt các đối tượng theo màu sắc mà cụ thể là màu xanh, màu đỏ, màu vàng nhờ thao tác so sánh, đối chiếu các đối tượng giống

nhau và khác nhau về màu sắc, trong đó một trong hai sự vật đó sẽ giữ vai trò là chuẩn cảm giác. Với mục đích đó GV khi tổ chức cho trẻ làm quen, nhận biết, gọi tên màu sắc bằng hành động định hướng bên ngoài như đặt cạnh các đối tượng với nhau, đối chiếu bằng mắt.

Thông qua các hoạt động, các bài tập của GV tổ chức sẽ giúp trẻ hình thành chuẩn cảm giác- hình ảnh về các màu sắc cơ bản và tạo tiền để trẻ phát triển cách xác định màu sắc của các đối tượng bên trong não, có nghĩa là suy ngẫm hành động nhưng thực hiện ở trong não một cách nhanh chóng ở lứa tuổi mẫu giáo.

Quá trình phát triển TG màu sắc ở trẻ sẽ theo một trình tự nhất định phù hợp với đặc điểm lứa tuổi của trẻ và các nhiệm vụ phức tạp dần: bắt đầu từ việc phân biệt các màu cơ bản (xanh dương, vàng, đỏ) của đối tượng bằng các hành động bên ngoài, sau đó tăng độ khó của các nhiệm vụ, bài tập có tính sáng tạo.

Theo Xôrôkina các công trình nghiên cứu đã chứng minh rằng trẻ lên ba tuổi hoàn toàn có thể tiếp nhận được những biểu tượng của năm hình (tròn, bầu dục, vuông, chữ nhật, hình tam giác và tám màu (đỏ, da cam, vàng, lục, xanh, tím, trắng và đen), tuy chưa biểu thị được bằng ngôn ngữ một cách chính xác. (A.I.Xôrôkina, 1986).

❖ TG các thuộc tính đặc biệt của đối tượng

Nhờ vào cơ quan cảm giác bên ngoài mà trẻ có thể TG các thuộc tính của đối tượng: thị giác, xúc giác, vị giác, khứu giác, thính giác. Quá trình TG dựa vào các cơ quan cảm giác và ngôn ngữ đi kèm tạo các biểu tượng trọn vẹn và chính xác về đối tượng, giúp trẻ nhận ra đối tượng theo một hoặc nhiều dấu hiệu khác nhau.

Việc lĩnh hội các hành động mới (sờ đối chiếu độ nóng, độ nhẵn, nếm để đối chiếu độ mặn, ngọt,ngửi để đối chiếu tính chất mùi vị..) trong TG các đối tượng và làm quen với các thuộc tính mới sẽ làm phong phú biểu tượng của trẻ về thế giới xung quanh.

Nghe độ cao của âm thanh tức là TG mối quan hệ giữa các âm thanh theo độ cao cũng được phát triển tốt ở trẻ 24-36 tháng, nhưng với điều kiện có sự giáo dục chu đáo. Cần giúp trẻ TG những âm thanh có độ cao khác nhau, bằng các bài hát

đơn giản và hấp dẫn và chỉ cho trẻ biết những âm thanh có độ cao khác nhau phát ra từ những đối tượng quen thuộc.

Trong quá trình sử dụng các cơ quan cảm giác khác nhau vào TG, các năng lực cá nhân của trẻ được bộc lộ trong đó có độ nhạy cảm của cơ quan cảm giác nào đó.

❖ **TG đối tượng trọn vẹn**

Ở lứa tuổi 24-36 tháng trẻ có khả năng nhận ra đối tượng khi chỉ thấy một vài bộ phận. TG các thuộc tính khác nhau của đối tượng-là sự chuẩn bị cho việc thực hiện chức năng quan trọng nhất của TG: TG đối tượng trọn vẹn trong sự tổng thể của các thuộc tính của nó, để TG được như vậy trẻ cần lĩnh hội các hành động phức tạp hơn với các đối tượng như: lắp ráp đồ vật từ các thành tố của nó, nhận biết được đối tượng bất kể những thay đổi nhỏ về màu sắc, kích thước.

Việc TG trọn vẹn đối tượng giúp cho hình ảnh của đối tượng trẻ đã TG được được lưu giữ lâu hơn trong trí nhớ. Các hình ảnh của đối tượng được hình thành nhờ các cơ quan như tay, mắt và các cơ quan cảm giác khác, nhanh chóng trở nên giống hết các đối tượng tuỳ vào nhiệm vụ trong cuộc sống.

Để phát triển kỹ năng nhận biết đối tượng trọn vẹn, trẻ cần nắm vững hành động định hướng bên ngoài. Việc nắm vững hành động định hướng bên ngoài không diễn ra ngay lập tức mà phụ thuộc vào sự dạy dỗ của GV. Nếu trẻ được GV hướng dẫn sử dụng các đồ chơi được chế tạo sao cho trong cấu tạo của chúng đã chứa sẵn các thao tác lắp ráp các bộ phận với nhau buộc trẻ phải so sánh đối chiếu lựa chọn sao cho phù hợp, nếu không sẽ không đứa đến một kết quả nào hết. Chẳng hạn, trẻ phải tháo lắp các bộ phận đầu cá, mình cá, vây cá để hình thành một con cá hoặc xếp hình tương ứng vào hộp. Những đồ chơi như thế đã dạy trẻ hình những hành động định hướng bên ngoài nhằm giúp trẻ tìm hiểu các thuộc tính của đối tượng.

1.2.6. Biểu hiện tri giác của trẻ 24-36 tháng

Trong cuốn sách Foundation of Low Vision: Clinical and Functional Perspectives ở phụ lục 9A: Visual Development có đề cập đến các biểu hiện TG của

trẻ từ 18 tháng đến 36 tháng thể hiện rõ qua bảng 1.1 sau như sau: (Annie Lesley Corn, Jane N.Erin, 2010).

Bảng 1.1. Biểu hiện TG của trẻ từ 18 tháng đến 36 tháng

Lứa tuổi	**Các dạng**	**Biểu hiện**
18-24 tháng	**Lĩnh vực thị giác (Visual sphere)**	Nhận ra sự thay đổi vị trí, cách sắp xếp các đồ đạc trong căn phòng quen thuộc đối với trẻ.
	Vận động thị giác (Visual motor)	Mô tả hình vẽ trong không gian
18-36 tháng	**TG hình dạng (Form perception)**	Lựa chọn các đối tượng giống nhau bằng thị giác
		Chơi các đồ chơi ở dạng ghép hình từng mảnh, mẫu..một cách kĩ thuật
19-24 tháng	**Vận động thị giác (Visual motor)**	Xếp chồng, xếp cạnh các đối tượng
24 tháng	**Màu sắc/độ tương phản (Color/Contrast)**	Khả năng nhận diện màu sắc nhanh hơn
	TG hình dạng (Form perception)	Xác định đối tượng cụ thể từ một nhóm tương tự
		Lựa chọn đúng đối tượng khi chỉ nhìn thấy một phần của đối tượng
		Lựa chọn đúng đối tượng thành một cặp khi đã cho một hình tương tự
		Xác định, gọi tên đối tượng quen thuộc trong bức ảnh
	Nhận dạng vật mẫu (Pattern recognition)	Chỉ ra bộ phận khác nhau của búp bê

	Mặt sinh lí học (Physiology)	Các dây thần kinh đã chỉnh chu, phát triển
24-36 tháng	**TG hình dạng (Form perception**	Gọi tên các hình ảnh có đường nét đơn giản bằng hình tương tự, Ví dụ: Trẻ gọi hình bầu dục là gọi tên hình tròn
		Nhận biết các yếu tố đơn giản trong hình
		Nhận biết nhiều bộ phận của đối tượng trong hình.
	Hằng định đối tượng (Object constancy)	Xác định đối tượng bất kể những thay đổi hoặc chỉ nhìn thấy một phần của đối tượng. Vì dụ: Trẻ vẫn xác định được đó là cái ghế dù là thay đổi kích thước, màu sắc.
	Nhận dạng vật mẫu (Pattern recognition)	Hành động đúng các trò chơi: khuôn thủng, ghép hình 2-4 miếng, bộ hột hạt (peg board)
		Sao chép 1 mô hình 3 chiều đơn giản thông qua sự bắt chước
36 tháng	**Màu sắc/độ tương phản (Color/Contrast)**	Nhận biết và gọi tên 2 màu
		Lựa chọn chính xác 4 màu cơ bản phù hợp đối tương và hình hình học cơ bản. Ví dụ: Trẻ chọn màu xanh là màu của lá cây.
		Nhạy cảm màu sắc ở mức độ cao
	Nhận dạng vật mẫu (Pattern recognition)	Lựa chọn phù hợp các hình hình học đơn giản. Ví dụ: Dùng hình tam giác làm mái nhà, hình vuông làm ngôi nhà…v…vv..
	Vận động thị giác (Visual motor)	Sao chép và vẽ vòng tròn chưa hoàn chỉnh (thô)
		Ném và bắt được quả bóng to

1.3. Lý luận về biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ 24-36 tháng

1.3.1. Khái niệm biện pháp

Theo Từ điển Tiếng Việt, phương pháp được hiểu là cách thức, con đường để đạt được mục đích. Biện pháp là cách làm, cách giải quyết một vấn đề cụ thể (Viện ngôn ngữ học, 2004).

Theo định nghĩa của "Từ điển Tiếng Việt" do tác giả Hoàng Phê- Viện khoa học xã hội nhân văn (1992): " Biện pháp là "cách làm, cách giải quyết một số vấn đề cụ thể nào đó". (Hoàng Phê, 1992) (Nguyễn Thị Hoà, 2009).

Trong tiếng Anh, khi nói đến "measure" tức là "biện pháp", từ điển dịch như một kế hoạch hoặc một hành động để đạt được mục đích cụ thể đã đề ra.

Như vậy, biện pháp là những thành tố cụ thể của một phương pháp nào đó. Một phương pháp càng có nhiều biện pháp khác nhau thì càng hữu hiệu cho việc giải quyết các nhiệm vụ phát triển. Phương pháp hướng tới việc giải quyết nhiệm vụ chung còn biện pháp hướng tới việc giải quyết từng phần của nhiệm vụ đó hoặc một nhiệm vụ cụ thể.

Trong biện pháp hàm chứa các yếu tố nội dung, phương tiện, hình thức tổ chức. Những yếu tố này tác động qua lại với nhau.

Riêng về biện pháp giáo dục mầm non thì tác giả Nguyễn Thị Hoà định nghĩa : "Biện pháp giáo dục mầm non là cách làm cụ thể trong hoạt động hợp tác cùng nhau giữa cô và trẻ nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục đã đặt ra ở lứa tuổi mầm non" (Nguyễn Thị Hoà, 2009).

Như vậy, nói đến biện pháp là nói đến những cách thức tác động nhằm thay đổi, chuyển biến một hệ thống, một quá trình, một trạng thái nhất định. Nhằm đạt được mục đích hoạt động. Biện pháp càng thích hợp,càng tối ưu, càng giúp con người nhanh chóng giải quyết được những vấn đề đặt ra. Tuy nhiên, để có những biện pháp như vậy, cần phải dựa trên những cơ sở lý luận và thực tiễn tin cậy.

1.3.2. Khái niệm tổ chức

Theo Từ điển tiếng Việt, tác giả Hoàng Phê quan niệm : Tổ chức là làm những gì cần thiết để có một hoạt động nào đó đạt kết quả tốt nhất (Hoàng Phê, 1992).

Tổ chức có nghĩa là tiến hành một hoạt động nhằm có được hiệu quả tốt nhất. Đó là sự sắp xếp làm cho thành một chỉnh thể, có một cấu trúc có những chức năng chung nhất định. Trong tổ chức có bao hàm cả sự hướng dẫn (hướng dẫn để thực hiện vai trò tổ chức) cho biết phương hướng, cách thức tiến hành một hoạt động cụ thể nào đó (Nguyễn Thị Thanh Hà, 2006).

Tổ chức hoạt động là sự sắp xếp quá trình trong hoạt động. Vì vậy, ngày nay con người có rất nhiều dạng và phương thức tổ chức hoạt động.Việc tổ chức không phụ thuộc vào phương thức, mà phương thức tổ chức phụ thuộc vào nguồn lực và mục tiêu

Dựa trên sơ sở khái niệm chung về tổ chức và quan điểm của các tác giả về tổ chức hoạt động, chúng tôi cho rằng: *Tổ chức hoạt động là quá trình sắp xếp, bố trí điều kiện, phương tiện vật chất về nội dung, hình thức, môi trường hoạt động trên cơ sở vận dụng những tri thức, kinh nghiệm liên quan đến hoạt động đó nhằm đạt mục đích đã đề ra.*

1.3.3. Khái niệm biện pháp tổ chức HĐVĐV cho trẻ 24-36 tháng

Tổ chức HĐVĐV là quá trình người lớn tổ chức, hướng dẫn cho trẻ tiếp xúc với đồ vật, đồ chơi nhằm giúp trẻ nắm được tên gọi, đặc điểm, chức năng và cách sử dụng chúng, qua đó nắm được hành vi ứng xử con người (Phan Thị Minh Hà, 2017)

Trong phạm vi của để tài, khái niệm tổ chức HĐVĐV được xác định là quá trình giáo viên xây dựng kế hoạch mục tiêu, nhiệm vu, nội dung, hình thức tổ chức sắp xếp phương tiện nhằm tạo điều kiện để trẻ lĩnh hội các thuộc tính (màu sắc, hình dạng, kích thước) của đồ vật, đồ chơi.

Quá trình tổ chức HĐVĐV bao gồm nhiều thành tố như phương pháp, biện pháp tổ chức, hình thức và điều kiện tổ chức hoạt động. Chủ yếu quá trình tổ chức HĐVĐV diễn ra ở hai môi trường cơ bản: trong gia đình- nơi trẻ sinh sống và trong trường mầm non-nơi trẻ học. Trong gia đình, quá trình này diễn ra một cách tự

nhiên, không được lên kế hoạch và xác định mục tiêu cụ thể. Ví dụ: mẹ dạy con cầm cái muỗng, ngồi lên bàn ăn, đội nón khi bé chuẩn bị đi ra ngoài và những hành động bày vẽ một cách ngẫu nhiên kể trên thông thường chỉ là những hiện tượng giáo dục.

Phương pháp, biện pháp giáo dục chịu sự chi phối bởi mục tiêu giáo dục và có quan hệ chặt chẽ với điều kiện giáo dục cũng như đặc điểm của trẻ. Với mục tiêu phát triển TG cho trẻ 24-36 tháng, GV phải có những việc làm cụ thể để giúp trẻ phát triển TG đồng thời đạt được hiệu quả giáo dục chung.

Theo Vũ Thị Ngân biện pháp tổ chức HĐVĐV là những cách thức tổ chức, hướng dẫn cụ thể của giáo viên nhằm làm phát triển HĐVĐV ở trẻ MN (Vũ Thị Ngân).

Dựa vào cách hiểu trên, chúng tôi xác định khái niệm "Biện pháp tổ chức HĐVĐV của trẻ 24-36 tháng" trong phạm vi đề tài như sau:

Biện pháp tổ chức HĐVĐV của trẻ 24-36 tháng là quá trình GVMN tổ chức xây dựng kế hoạch mục tiêu, nhiệm vu, nội dung, hình thức, hướng dẫn hoạt động cho trẻ nhằm tạo điều kiện để trẻ lĩnh hội các thuộc tính (màu sắc, hình dạng, kích thước) của đồ vật, đồ chơi và đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra

1.3.4. Mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, yêu cầu cần đạt trong viêc tổ chức HĐVĐV cho trẻ 24- 36 tháng

❖ Mục tiêu tổ chức HĐVĐV

Mục tiêu của việc tổ chức HĐVĐV là mức độ phát triển mong muốn (những yêu cầu cần đạt) đối với HĐVĐV của trẻ ở lứa tuổi 24-36 tháng mà những tác động sư phạm hướng đến giải quyết. Nó vừa mang tính định hướng, vừa mang tính định tính, vùa mang tính định lưỡng để giúp cho việc đánh giá sự phát triển của trẻ một cách khách quan và thuận lợi. Điều đó đòi hỏi cần xác định rõ những mục tiêu mà GV cần hướng đến khi tổ chức HĐVĐV.

Căn cứ theo Chương trình Giáo dục Mầm non (2016) thì mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung tổ chức HĐVĐV được xác định rõ ràng ở giai đoạn 24-36 tháng cụ thể như sau: (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2016)

- Trẻ 24-36 tháng bước đầu có nề nếp tự phục vụ như rửa mặt, rửa tay, thu dọn đồ chơi…; nhận biết một số đồ vật gần gũi xung quanh; biết dùng một số đồ vật thay thế cho đồ chơi; làm được những động tác xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách nhau theo chủ đề; biết phân biệt 3 màu: đỏ, xanh, vàng; phân biệt được các đồ vật có sự khác nhau rõ rệt về kích thước.

❖ Nhiệm vụ tổ chức HĐVĐV

- Cung cấp cho trẻ biểu tượng, khái niệm về một số đối tượng trong thế giới đồ vật xung quanh và dạy trẻ những kỹ năng liên quan đến chúng
- Phát triển các quá trình nhận thức và các năng lực nhận thức. Nuôi dưỡng các phẩm chất trí tuệ và các tố chất của cơ thể.
- Phát triển trí nhớ, tưởng tượng, hình thành tư duy trực quan hình ảnh.
- Giáo dục các phẩm chất trí tuệ, tính mục đích, độc lập, hứng thú tích cực, sáng tạo, thông minh
- Giáo dục ý thức, thái độ đúng đắn trong quan hệ với đồ vật, đồ chơi và trong quá trình HĐVĐV.

❖ Nội dung tổ chức HĐVĐV

Trong chương trình giáo dục trẻ lứa tuổi 24-36 tháng, các nội dung HĐVĐV được tiến hành theo chủ đề gần gũi với chúng như chủ đề bản thân, gia đình, thế giới thực vật, thế giới động vật…Nội dung HĐVĐV là hệ thống những tri thức sơ đẳng liên quan đến thế giới đồ vật cần trang bị cho trẻ trong giai đoạn tuổi lứa tuổi 24-36 tháng. Hệ thống tri thức này bao gồm những kiến thức dưới dạng thông tin-khái niệm, biểu tượng,đặc điểm, tính chất, ngôn ngữ..và đa dạng các kĩ năng thực hành liên quan. Những nội dung này có thể xác định dựa trên các loại hành động với đồ vật bao gồm:

❖ Phát triển hành động khám phá

Hành động khám phá giúp trẻ phát triển một số tố chất vận động ban đầu, khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay đồng thời thoả mãn nhu cầu tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh, có sự nhạy cảm cảm giác giác quan và có một số hiểu biết ban đầu về sự vật gần gũi quen thuộc.

Giai đoạn 24-36 tháng, nhằm phát triển cảm giác ở mức độ cao hơn, nội dung sờ nắn đồ vật có thể kết hợp thêm yêu cầu nhận biết đặc điểm, tính chất nổi bật của đối tượng như cứng- mềm, trơn (nhẵn)- xù xì..,có thể bổ sung thêm một số trò chơi mới như vò giấy, xé giấy, đóng cọc gỗ...

❖ **Phát triển hành động thiết lập mối tương quan**

Ngoài mục đích thoả mãn nhu cầu vui chơi- khám phá nhóm nội dung thuộc hành động thiết lập mối tương quan còn giúp phát triển ở trẻ các chức năng tâm lí như cảm giác-tri giác, tưởng tượng, đặc biệt là tư duy trực quan hành động còn làm cơ sở cho tư duy trực quan hình ảnh, tư duy sơ đồ phát triển ở lứa tuổi sau.

Giai đoạn 24-36 tháng, đối tượng xếp chồng, xếp cạnh được tăng dần theo khả năng của trẻ trên thực tế, ở những tháng 30-36 trở đi có thể mở rộng thêm kĩ năng xếp cách. Những chủ đề chơi xếp hình đa dạng hơn và chứa đựng ngày càng nhiều chi tiết hơn như "hàng rào", "cái cầu", "cái cổng"..Mặc dù chủ đề chơi vẫn khá đơn giản, nhưng đòi hỏi ở trẻ phải kết hợp ít nhất hai kĩ năng trong cùng một mô hình. Để giúp cho đôi mắt trẻ ngày càng tinh nhạy và đôi tay ngày càng khéo léo hơn, thì lỗ của đối tượng xâu ngày càng nhỏ đi, dây xâu ngày càng mảnh hơn. Các kĩ năng được yêu cầu cao hơn như xâu theo màu, xen kẽ màu, xe kẽ hình dạng.. (Hillary Rolston, 2017).

Các trò chơi như: xếp hình từ 2-4 mảnh, luồn dây, buộc dây hay chơi bộ hột hạt (peg board)..nhằm giúp trẻ phát triển hành động thiết lập mối tương quan (Development., 2017).

❖ **Phát triển hành động công cụ**

Mảng nội dung phát triển hành động công cụ được thực hiện nhằm mục đích phát triển ở trẻ hoạt động tìm hiểu chức năng, công dụng, tên gọi và nguyên tắc sử dụng đồ dùng, vật dụng đơn giản trong cuộc sống hằng ngày.

Trẻ 24-36 tháng học cách ăn bằng muỗng, uống bằng ly/cốc…tập thói quen tự phục vụ; tự rửa tay, tự cởi mặc quần áo, tự đi giày dép, lau mặt, lau tay lau miệng bằng khăn hoặc bằng khăn giấy, có thể tự đi vệ sinh..Các nội dung trên có thể tổ chức trong giờ chơi-tập và chơi tự do hoặc giáo viên có thể linh hoạt hướng dẫn trẻ trong mọi tình huống, lồng ghép một cách nhẹ nhàng.

Ngoài ra, GV có thể hướng dẫn trẻ cách cầm bút, tô, vẽ, lật mở trang sách. Trẻ còn có thể sao chép 1 mô hình 3 chiều đơn giản thông qua sự bắt chước hoặc sao chép và vẽ vòng tròn chưa hoàn chỉnh (thô) (Development., 2017).

Trong các trò chơi với đồ chơi, đồ vật thì hành động công cụ bắt đầu từ giai đoạn 12 tháng trở đi với những trò chơi thao tác công cụ đơn giản như đội mũ, chải tóc, đút cho em bé ăn. Những trò chơi phản ánh sinh hoạt này sẽ làm cơ sở để phát triển lên trò chơi đóng vai ở lứa tuổi mẫu giáo.

Trong các sinh hoạt hằng ngày, có các nội dung như xếp cất đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, kéo/ mở dây kéo ba lô, cởi/cài cúc áo..

Các nội dung giúp trẻ hình thành kĩ năng tự phục vụ trong nhu cầu vệ sinh, nhu cầu ăn uống cũng nên được chú trọng phát triển một cách tự nhiên ở trẻ trong sinh hoạt hằng ngày như biết đóng/mở vòi nước; biết sử dụng xà phòng để rửa tay; biết cầm muỗng chén, ly đúng cách..

❖ **Làm quen, nhận biết, phân biệt màu sắc, hình dạng và kích thước của đồ chơi, đồ vật**

Nội dung giúp làm quen, nhận biết, phân biệt màu sắc, hình dạng và kích thước của đồ chơi, đồ vật giúp trẻ nhận biết thế giới đồ vật xung quanh về đặc điểm, tính chất, màu sắc. Bước đầu hình thành các chuẩn cảm giác để nhận biết sự vật xung quanh. Đây là một nội dung quan trọng giúp cho trẻ phát triển TG.

Bất kì một đồ vật, đồ chơi nào cũng chứa đựng những đặc điểm về màu sắc, hình dạng, kích thước (nhỏ/to). Khi tổ chức HĐVĐV, người lớn giúp hình thành dần dần ở trẻ các chuẩn cảm giác này. Chẳng hạn, bằng cách hết sức tự nhiên, khi cho trẻ chơi với quả bóng, giáo viên sẽ nói về màu sắc, hình dạng của quả bóng và chỉ cho trẻ phân biệt đâu là quả bóng to còn đâu là quả bóng nhỏ; khi cho trẻ ăn, cô có thể giúp trẻ biết tên gọi, công dụng, cách thức sử dụng những đồ dùng trên bàn ăn…

Từ 18-24 tháng tuổi trở đi GV có thể giúp trẻ nhận biết đặc điểm, chức năng, công dụng của đồ dùng trong sinh hoạt như bát để ăn cơm, thìa để xúc cơm/canh, cốc để uống nước..giúp trẻ nhận ra đồ dùng vật dụng của bản thân.

Đến 24-36 tháng có thể mở rộng thêm vốn hiểu biết của trẻ về thế giới đồ vật với những vật dụng khác như bàn ghế, tủ, giường, vật dụng bếp núc..

Nếu GV tổ chức tốt các trò chơi, các hoạt động có nội dung giúp làm quen, nhận biết, phân biệt màu sắc, hình dạng và kích thước của đồ chơi, đồ vật thì đây chính là phương tiện chủ yếu và tốt nhất để phát triển hoạt động nhận cảm cho trẻ. Nhờ được chơi, được luyện tập với đồ vật, đồ chơi và với các vật liệu chơi khác nhau về màu sắc, về độ lớn, hình dáng, vật liệu cũng như khác nhau về ý nghĩa sử dụng, về cách thức sử dụng mà trẻ được làm quen với các thuộc tính, đặc tính của nhiều đồ vật khác nhau.

1.3.5. Biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ 24-36 tháng.

Trong đề tài này tập trung xác định các biện pháp, các bước tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển chủ yếu TG cho trẻ 24-36 tháng Để đạt được mục tiêu đã đề ra, khi tổ chức hoạt động GV tuỳ theo trọng tâm đã xác định mà lựa chọn biện pháp tổ chức một cách có hệ thống. Để tổ chức HĐVĐV, GV có thể sử dụng nhiều biện pháp tổ chức khác nhau.

Nghiên cứu các quan điểm khác nhau về việc tổ chức HĐVĐV, đặc điểm TG của trẻ 24-36 tháng, việc tổ chức HĐVĐV diễn ra theo trình tự thời gian bao gồm các bước:

Bước 1: Chuẩn bị- (lập kế hoạch tổ chức: dự kiến, ý tưởng về nội dung, mục tiêu, yêu cầu, hình thức tổ chức, biện pháp thực hiện) và xây dựng môi trường chơi (địa điểm hoạt động, chuẩn bị, sắp xếp, bày biện đồ vật, vật liệu chơi cần thiết, chuẩn bị tâm thế cho trẻ)

Bước 2: Tổ chức, hướng dẫn-các biện pháp tác động vào tổ chức HĐVĐV (Vận dụng các biện pháp đã lựa chọn để tổ chức, hướng dẫn) nhằm mục đích phát triển TG cho trẻ

Bước 3: Đánh giá kết quả dựa theo mức độ phát triển TG của trẻ, đây cũng chính là cơ sở để GV điều chỉnh và xây dựng kế hoạch tổ chức HĐVĐV tiếp theo.

❖ **Bước 1: Chuẩn bị cho trẻ HĐVĐV để phát triển TG (trước khi tổ chức hoạt động)**

Để thực hiện bước này, GV cần có sự quan sát hằng ngày để nắm rõ khả năng thao tác của trẻ và các mức độ TG của trẻ trong HĐVĐV. Quan tâm đến nhu cầu, hứng thú của trẻ để từ đó làm cơ sở lập kế hoạch tổ chức HĐVĐV cho trẻ.

- Lập kế hoạch tổ chức HĐVĐV
  - Xác định mục tiêu, yêu cầu
  - Lựa chọn nội dung HĐVĐV và hình thức tổ chức
  - Căn cứ vào mức độ phát triển TG của nhóm trẻ cũng như của từng cá nhân mà GV lựa chọn biện pháp và phương tiện tiến hành các hoạt động của cô và trẻ
- Tổ chức cho trẻ quan sát tranh, ảnh, mô hình..kèm theo lời giải thích để cung cấp, làm giàu, chính xác hoá lại biểu tượng về công cụ xung quanh.
- Chuẩn bị vật liệu, đồ dùng, đồ chơi có sẵn trong thiên nhiên, của địa phương, lớp học phù hợp vùng miền
- Lựa chọn đồ vật, đồ chơi phải có màu sắc sặc sỡ, đảm bảo an toàn, vệ sinh để trẻ có thể hành động tự do
- GV chuẩn bị nhiều câu hỏi gợi mở, kích thích trẻ suy nghĩ, tìm tòi.
- Tạo ra môi trường chơi: Bố trí địa điểm (không gian chơi), đồ dùng, đồ chơi phải bày biện sắp xếp trong trạng thái mở vừa với tầm tay của trẻ để trẻ dễ nhìn thấy, dễ lấy ra và dễ cất vào nơi quy định

❖ **Bước 2: Tổ chức, hướng dẫn tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG**

- Để tạo cho trẻ có hứng thú với hoạt động hoặc trò chơi có nhiều cách khác nhau, chẳng hạn những câu hỏi ngắn gọn, tạo ra tình huống chơi, cùng trẻ đàm thoại, đưa ra lời gợi ý... để dẫn dắt trẻ vào trò chơi.
- Khi đưa ra chỉ dẫn bằng lời, giáo viên chú ý sử dụng những từ trong vốn ngôn ngữ của trẻ, vì những từ lạ dễ làm trẻ nhầm lẫn.
- Trẻ em thường học qua chơi, do đó GV cần hỗ trợ cho trẻ chơi, theo dõi, bao quát, nhắc nhở, hướng trẻ vào kết quả cuối cùng (phải giải quyết được nhiệm vụ mà hoạt động, trò chơi đã đặt ra).

- Không nên bày quá nhiều đồ chơi trên giá gây sự phân tâm cho trẻ. Những đồ chơi cũ hoặc thừa phải cất đi vì món đồ chơi đã trở thành quen thuộc và không còn tác dụng kích thích.
- Tạo điều kiện cho trẻ được độc lập giải quyết nhiệm vụ TG.
- Vận dụng, kết hợp các hình thức hoạt động khác nhau (hoạt động tự do, hoạt động hướng dẫn có chủ đích, hoạt động theo nhóm nhỏ, nhóm vừa, cả lớp tập thể, hoạt động ở trong phòng học, ngoài trời) nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo của trẻ.
- Tạo cơ hội, khuyến kích cho trẻ chơi cùng với bạn, cùng cô đôi khi giúp trẻ dễ dàng thiết lập mối quan hệ khi chơi, từ chơi một mình với sự khuyến khích của cô trẻ có thể xích lại gần nhau dùng chung một chai dầu đề tắm em, dùng chung cây lược để chải đầu cho búp bê..Cứ như vậy, trẻ học được cách chơi cùng nhau, chia sẻ cho nhau.
- Khuyến kích trẻ tích cực giao tiếp với GV và các bạn trong lúc chơi, tích cực hoá vốn từ ở trẻ.
- Khi hướng dẫn trẻ hoạt động không nên nôn nóng, vội vàng làm thay trẻ khi thấy trẻ còn lóng ngóng lức sử dụng các các công cụ.
- Người giáo viên phải tinh tế, nhận ra khi nào đứa trẻ không đủ sức giải quyết vấn đề và tìm cách giúp đỡ kịp thời.
- Khuyến kích trẻ hoạt động tích cực, tự mình tìm kiếm khám phá, thăm dò thử nghiệm trước các đồ vật đồ chơi.
- Trong quá trình chơi, GV luôn chú ý khuyến kích, động viên, khen ngợi các ý tưởng của trẻ hoặc câu hỏi hay..giúp trẻ cố gắng vượt qua khó khăn và hoàn thành nhiệm vụ, bài tập được giao, duy trì hứng thú của trẻ với trò chơi.
- GV khi quan sát trẻ hoạt động thì nên chú ý đến quá trình trẻ tham gia vào hoạt động, quan sát sự cố gắng, sự chú ý…Vì kết quả không quan trọng bằng quá trình mà trẻ tham gia.

.

❖ **Bước 3: Kiểm tra đánh giá kết quả phát triển TG của trẻ**

Đánh giá sự phát triển HĐVĐV của trẻ là một trong những vấn đề quan trọng không thể xem thường. Kết quả đánh giá là cơ sở để lựa chọn cách thức tác động nhằm tiếp tục phát triển HĐVĐV của trẻ (Nguyễn Thị Thanh Hà, 2006).

Kết quả đánh giá sự tiến bộ và những thành công của trẻ được GV sử dụng cho việc lên kế hoạch chương trình hoạt động tiếp theo của trẻ.

- GV cần đánh giá và nhận xét kết quả của hoạt động của trẻ một cách tỉ mỉ, cụ thể để trẻ tự tin và cố gắng hơn ở các hoạt động sau.
- Việc đánh giá kết quả hoạt động, cụ thể đánh giá theo mức độ phát triển TG của trẻ thông qua HĐVĐV được thực hiện thường xuyên qua việc quan sát, qua các bài tập theo các tiêu chí đã xây dựng.
- Trong quá trình đánh giá hoạt động của trẻ, GV sẽ nhìn nhận được những điểm mạnh và những hạn chế của từng trẻ thông qua đó có thể đưa ra những điều chỉnh cụ thể về kế hoạch tổ chức, bài tập..phù hợp cho trẻ ở chu kì tiếp theo nhằm đạt được mục đích giáo dục đã đề ra.

Kết quả từ nhiều tài liệu và công trình nghiên cứu của Daparodes, Venger đều chứng minh rằng: Không có sự tồn tại sự TG trực tiếp các sự vật, quá trình TG được gián tiếp hoá bởi các chuẩn cảm giác. Chuẩn cảm giác này xuất hiện các mức độ phát triển lứa tuổi khác nhau của quá trình TG và ở các dạng khác nhau. Dựa vào chuẩn cảm giác và các bước hình thành chuẩn cảm giác thông qua tiền chuẩn mang tính tâm vận và tính vật chất của nhà Tâm lí học A.V.Daparodes và Chương trình Giáo duc mầm non (2016) tôi xác định các tiêu chí để đánh giá sự phát triển TG của trẻ được thể hiện qua bảng 1.2 sau:

Bảng 1.2. Tiêu chí đánh giá sự phát triển TG của trẻ qua HĐVĐV

STT	Các tiêu chí	Các biểu hiện	Các tiêu chuẩn	Điểm số	
1	**Nhận biết chuẩn màu sắc (1)**	Nhận biết và phân biệt 3 màu: màu vàng, đỏ, xanh dương (1)	*Sai chuẩn*: trẻ nhận biết sai 3 màu	1	
			Nhầm lẫn: trẻ nhận biết chưa chính xác, còn nhầm lẫn 3 màu	2	
			Đúng chuẩn: trẻ nhận biết chính xác cả 3 màu	3	
		Gọi tên màu sắc 3 màu: màu vàng, đỏ, xanh dương (2)	*Không gọi đươc tên*: trẻ không nhận biết và không gọi tên được 3 màu sắc	1	
			Nhầm lẫn: trẻ phân biệt lẫn lộn giữa ba màu	2	
			Gọi tên chính xác: Trẻ nhận biết và gọi tên 3 màu	3	
2	**Nhận biết chuẩn hình dạng (theo hành động TG) (2)**	Nhận biết và phân biệt rõ ràng hình vuông, hình tròn theo hành động TG (3)	*Thử sai*: trẻ dùng tay thử-sai nhiều lần	1	
			Đặt cạnh, đặt chồng: trẻ ướm thử, đặt hờ.	2	
			Bằng mắt: trẻ sử dụng định hướng và nhận biết bằng mắt	3	
3	**Nhận biết chuẩn hình dạng (3)**	Nhận biết và phân biệt rõ ràng hình vuông, hình tròn	*Sai chuẩn*: trẻ nhận biết sai 2 hình	1	
			Nhầm lẫn: trẻ nhận biết chưa chính xác, còn	2	

		(4)	nhầm lẫn 2 hình		
			Đúng chuẩn: trẻ nhận biết chính xác cả 2 hình	3	
		Gọi tên hình tròn, hình vuông (5)	*Không gọi được tên*: trẻ không nhận biết và không gọi tên được 2 vật hình tròn, hình vuông	1	
			Nhầm lẫn: trẻ phân biệt lẫn lộn giữa 2 hình tròn, hình vuông	2	
			Gọi tên chính xác: Trẻ nhận biết và gọi tên 2 hình	3	
4	**Nhận biết kích thước (4)**	Nhận biết và phân biệt đồ vật to, nhỏ (6)	*Sai chuẩn*: trẻ nhận biết sai 2 đồ vật	1	
			Nhầm lẫn: trẻ nhận biết chưa chính xác, còn nhầm lẫn 2 kích thước	2	
			Đúng chuẩn: trẻ nhận biết chính xác cả 2 kích thước đồ vật	3	
		Gọi tên đồ vật to, nhỏ (7)	*Không gọi được tên*: trẻ không nhận biết và không gọi tên được 2 vật to, vật nhỏ	1	
			Nhầm lẫn: trẻ phân biệt lẫn lộn giữa 2 đồ vật to, nhỏ	2	
			Gọi tên chính xác: Trẻ	3	

			nhận biết và gọi tên 2 đồ vật to, nhỏ		
5	**Nhận biết đối tượng trọn vẹn (5)**	Nhận biết đối tượng qua vài dấu hiệu (8)	*Nhận biết sau khi hành động*: trẻ nhận ra sự vật, đồ vật sau khi hoạt động	1	
			Nhận biết trong khi hành động: trẻ nhận ra sự vật, đồ vật trong khi hoạt động	2	
			Nhận biết trước khi hành động: trẻ nhận ra sự vật, đồ vật trước khi hoạt động	3	
6	**Tính tích cực trong hoạt động (6)**	Kiên trì (9)	*Mức độ 1*: ngay sau lần thất bại đầu tiên trẻ ngừng hoạt động.	1	
			Mức độ 2 :trẻ thử giải quyết vấn đề 2,3 lần và sau đó không còn hứng thú với hoạt động đó nữa	2	
			Mức độ 3: trẻ thử nhiều lần để giải quyết vấn đề.	3	
		Độc lập trong hành động (10)	*Mức độ 1*: Trẻ thử tự hành động nhưng không tự tin sau khi thất bại lần đầu, trẻ nhờ người lớn giúp	1	
			Mức độ 2: Có độc lập trẻ, nhưng vẫn trông chờ	2	

			nhận giúp đỡ của 3người lớn		
			Mức độ 3: Trẻ không nhờ giúp đỡ, độc lập giải quyết nhiệm vụ	3	
7	**Ý chí và kết quả đạt được (7)**	Mong muốn đạt kết quả đúng (11)	*Không biểu hiện*:dễ nãn, ngay lập tức bỏ dỡ, nhờ người lớn giúp, không hoàn thành nhiệm vụ	1	
			Biểu hiện không rõ rệt: Trẻ có cố gắng nhưng vẫn bỏ dở nhiệm vụ	2	
			Biểu hiện rõ rệt: Trẻ kiên trì để đạt được kết quả đúng, hoàn thành đúng hết nhiệm vụ	3	

Tiểu kết Chương 1

Hoạt động với đồ vật (HĐVĐV) trở thành hoạt động chủ đạo và có ảnh hưởng to lớn đến sự phát triển trí tuệ, ngôn ngữ cũng như là bước ngoặt quan trọng trong sự phát triển toàn diện của trẻ ở lứa tuổi sau

Thông qua quá trình hành động thực tiễn với đồ vật, đồ chơi để lĩnh hội phương thức sử dụng, đồng thời trẻ cũng TG được màu sắc, hình dạng, kích thước Phát triển nhận thức cảm tính là một trong các nội dung quan trọng giúp trẻ phát triển toàn diện bên cạnh các mặt phát triển khác.

Sự phát triển tốt các cơ quan cảm giác sẽ là cơ sở cho sự hoàn thiện dần quá trình cảm giác-tri giác ở trẻ. Cùng với dưới sự hướng dẫn của người lớn (cô giáo, bố mẹ..) trong quá trình chơi thao tác với đồ vật khác nhau, trẻ nắm được các kiến thức và kĩ năng hành động với đồ vật.

Các biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG là các bước được xây dựng theo trình tự từ bước chuẩn bị, hướng dẫn các hoạt động và đánh giá cụ thể. Để đạt được mục tiêu đã đề ra, khi tổ chức hoạt động GV tuỳ theo trọng tâm đã xác định mà lựa chọn biện pháp tổ chức một cách có hệ thống. Sự quan sát hằng ngày để nắm được tốc độ phát triển, khả năng thao tác của trẻ và các mức độ TG của trẻ trong HĐVĐV. Quan tâm đến nhu cầu, hứng thú của trẻ để từ đó làm cơ sở lập kế hoạch tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ.

Chương 2. THỰC TRẠNG BIỆN PHÁP TỔ CHỨC HĐVĐV NHẰM PHÁT TRIỂN TRI GIAC CHO TRẺ 24-36 THÁNG

2.1. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu thực trạng

2.1.1. Mục đích

- Tìm hiểu nhận thức của GV về tổ chức HĐVĐV và đặc điểm TG của trẻ 24- 36 tháng. Thực trạng sử dụng biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ tại một số trường MN huyện Nhà Bè.

2.1.2. Nhiệm vụ

- Xác định nhận thức của GV về đặc điểm, vai trò của HĐVĐV đối với sự phát triển TG cho trẻ.
- Xác định biện pháp GV sử dụng để phát triển TG trong việc tổ chức HĐVĐV cho trẻ 24-36 tháng.
- Xác định biểu hiện phát triển TG trong HĐVĐV trên hoạt động học và hoạt động góc ở trẻ 24-36 tháng tại các trường MN huyện Nhà bè.
- Xác định mức độ TG của trẻ 24-36 tháng thông qua các bài tập tại 2 lớp 24- 36 tháng, mỗi lớp 20 trẻ tại trường MN Họa Mi huyện Nhà bè.

2.1.3. Phương pháp nghiên cứu thực trạng

2.1.3.1. Phương pháp điều tra

Điều tra bằng bảng hỏi gồm phần thông tin cá nhân và 8 câu hỏi. Nội dung chi tiết ở (Phụ lục 1)

Câu 1, 2, 3, 4, 7, 8 có mỗi mục của từng câu, GV có thể lựa chọn nhiều đáp án trả lời.

Câu hỏi 5,6 có 3 mức độ để GV lựa chọn: chưa bao giờ, thỉnh thoảng, thường xuyên.

❖ **Nội dung các câu hỏi**

- Đặc điểm phát triển TG và đặc điểm HĐVĐV cho trẻ 24-36 tháng (câu 1,2)
- Biểu hiện phát triển TG và vai trò tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ 24-36 tháng qua HĐVĐV (câu 3,4)
- Mức độ tổ chức HĐVĐV theo hình thức và nội dung (câu 5,6)

- Thực trạng sử dụng biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG (câu 7,8)

2.1.3.2. Phương pháp quan sát

Quan sát việc GV sử dụng biện pháp tổ chức HĐVĐV, hướng dẫn trẻ sử dụng đồ dùng, đồ chơi sinh hoạt nhằm phát triển TG trong giờ chơi tập và thời điểm khác trong ngày (đón trẻ, ăn sáng, chơi tự do).

Dự giờ chơi tập, giờ chơi tự do của trẻ.

Quan sát trẻ thực hiện bài tập, hoạt động học, hoạt động góc nhằm xem hoạt này có đạt mục tiêu phát triển TG hay không.

2.1.3.3. Phương pháp phỏng vấn

Sử dụng câu hỏi phỏng vấn (4 câu) (Phụ lục 2) cho CBQL và GVMN nhằm tìm hiểu quan điểm của CBQL và GVMN về việc phát triển TG thông qua tổ chức HĐVĐV.

2.1.3.4. Phương pháp sử dụng bài tập

Các bài tập được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu Chương trình giáo dục mầm non (2016) và tham khảo công trình nghiên cứu của A.V.Daparodes. V.P.Dintreno, L.A.Venger (Revival: Soviet Developmental Psychology: An Anthology, 1977) theo quy luật phát triển TG cơ bản và các bước hình thành chuẩn cảm giác nhằm đo mức độ phát triển TG của trẻ 24-36 tháng. Nội dung khảo sát mức độ phát triển TG gồm 5 bài tập (Phụ Lục 6).

2.1.3.5. Phương pháp toán thống kê

Xử lý số liệu bảng hỏi: Xử lý số liệu thu thập được qua phần mềm Excel.

2.1.4. Đối tượng nghiên cứu

Số liệu nghiên cứu sẽ được thu thập từ 20 CBQL và 60 giáo viên phụ trách lớp 24-36 tháng tại 10 trường MN công lập trên địa bàn huyện Nhà Bè.

Bảng 2.1. Phương pháp và đối tượng nghiên cứu

STT	Phương pháp nghiên cứu	Đối tượng nghiên cứu
1	Phiếu hỏi	20 CBQL và 60 GVMN các lớp 24-36 tháng tại 10 trường MN trên địa bàn huyện Nhà Bè
2	Phân tích kế hoạch giáo dục	3 lớp 24-36 tháng
3	Quan sát hoạt động góc	2 lớp 24-36 tháng
4	Quan sát hoạt động học	3 lớp 24-36 tháng
5	Đánh giá bằng hệ thống bài tập	40 trẻ 24-36 tháng

2.1.5. Thời gian nghiên cứu

- Điều tra khảo sát nhận thức của GV về nội dung HĐVĐV và đặc điểm phát triển TG. Điều tra việc thực trạng GV sử dụng biện pháp trong tổ chức HĐVĐV tiến hành từ 9/1/2018 đến 12/1/2018.

- Điều tra khảo sát bằng bảng tiêu chí đánh giá mức độ phát triển TG bằng bài tập đo (Phụ lục 6) của trẻ 24-36 tháng qua HĐVĐV ở trường MN từ 13/1/2018 đến 24/1/2018.

2.2. Kết quả nghiên cứu thực trạng

2.2.1. Một số thông tin của CBQL và GVMN tại địa bàn điều tra

Chúng tôi phát phiếu điều tra cho 20 CBQL và 60 GVMN, thu về 80 phiếu. Nhưng do có nhiều phiếu điều tra trả lời không đủ các câu nên số lượng phiếu sử dụng thống kê là 55 phiếu của GVMN và 20 phiếu CBQL. Kết quả về trình độ chuyên môn và thâm niên công tác của CBQL và GV như sau:

Bảng 2.2. Thông tin của GV tại địa bàn nghiên cứu

Trình độ đào tạo chuyên môn- kinh nghiệm	GVMN (N=55)	
	SL	%
Trình độ đào tạo		
Sau đại học	0	0
Đại học	32	58.2
Cao đẳng	17	31
Trung cấp	6	11
Số năm dạy trẻ 24-36 tháng		
Dưới 5 năm	28	51
Từ 5 đến 10 năm	20	36.3
Trên 10 năm	7	12.7

Kết quả bảng 2.2 cho thấy, Tất cả GVMN được điều tra đều đã qua đào tạo đúng chuyên môn, 100% GV đạt trình độ từ trung cấp đến đại học sư phạm mầm non. Cụ thể, trình độ đại học chiếm 58.2%, trình độ cao đẳng chiếm 31%, trình độ trung cấp có 11%

Đa số GV có thâm niên trong nghề cao, trong 55 GVMN được khảo sát có đến 36.3% GV có thâm niên dạy trẻ 24-36 tháng từ 5 đến 10 năm trở lên và có GV có thâm niên dạy trẻ trên 10 năm chiếm 12.7%và 51% GV có thâm niên công tác dưới 5 năm. Thực trạng này cũng ít nhiều ảnh hướng đến hiệu quả tổ chức các hoạt động cho trẻ 24-36 tháng nói chung và tổ chức HĐVĐV nói riêng

Nhận thức của GV về vai trò, nội dung của tổ chức HĐVĐV phát triển TG cho trẻ 24-36 tháng cũng là những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG. Chúng tôi đã tiến hành khảo sát GV và thu được kết quả được trình bày ở mục 2.2.2.

2.2.2. Thực trạng nhận thức của CBQL và GVMN về biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ 24-36 tháng.

Trên cơ sở điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn về thực trạng nhận thức của việc tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ 24-36. Chúng tôi thăm dò ý kiến của 20 CBQL và 55 GVMN với các câu hỏi trong bảng hỏi kết hợp với việc quan sát quá trình tổ chức HĐVĐV. Chúng tôi thu được kết quả như sau:

2.2.2.1. Nhận thức của CBQL và GVMN về đặc điểm TG và HĐVĐV của trẻ 24-36 tháng

Để tổ chức HĐVĐV đạt hiệu quả, CBQL và GVMN cần hiểu rõ về đặc điểm của TG và HĐVĐV của trẻ 24-36 tháng. Với mục đích đó, chúng tôi đưa ra câu hỏi số (1) và (2) được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 2.3. Đặc điểm TG của trẻ 24-36 tháng

STT	Đặc điểm TG	CBQL (N=20)		GVMN (N=55)	
		SL	%	SL	%
1	Lựa chọn vật dụng, đồ dùng đồ chơi bằng tín hiệu thị giác	19	95	54	98
2	Nhận biết hình dạng cơ bản: hình tròn, hình vuông	20	100	55	100
3	Nhận biết hình dạng cơ bản: hình tam giác, hình chữ nhật	14	70	45	82
4	Nhận dạng các hình dạng cơ bản trong thực tế	11	55	42	76
5	Nhận biết màu cơ bản: đỏ, xanh, vàng	20	100	54	98
6	Nhận biết kích thước to-nhỏ	19	95	48	87
7	Nhận biết vị trí không gian (trên-dưới), (trước-sau) so với trẻ	11	55	33	60
8	So sánh sự giống nhau và khác nhau của hình tròn và hình vuông	11	55	39	71
9	Nhận biết thời gian: sáng-tối, đêm- ngày	9	45	27	49
10	Nhận biết các vật quen thuộc trong tranh	16	80	37	67
11	Nhận ra đồ dùng, vật dụng của bản thân	16	80	39	71

Bảng 2.3 cho thấy giữa CBQL và GVMN có nhận thức đồng đều về đặc điểm TG như (1) *lựa chọn vật dụng, đồ dùng đồ chơi bằng tín hiệu thị giác và (2) nhận biết hình dạng cơ bản: hình tròn, hình vuông.* Giáo viên chiếm tỉ lệ (98%-100%) và CBQL (95%-100%). Ngoài ra các đặc điểm *(5) nhận biết màu cơ bản: đỏ, xanh, vàng và (6) nhận biết kích thước to-nhỏ* tỉ lệ của CBQL và GVMN tương đồng nhau, GVMN (98%- 87%) và CBQL (100%- 95%). Như vây, cho thấy giáo viên và CBQL đều nắm rõ các đặc điểm cơ bản về TG của lứa tuổi 24-36 tháng được thể hiện rõ trong chương trình giáo dục mầm non trang số 17. Chúng tôi quan sát tại lớp học những đặc điểm nêu trên là các nội dung chủ yếu được giáo viên tổ chức trong giờ chơi-tập có chủ đích và giờ chơi tự do. Nhằm mục đích tìm hiểu sâu hơn về thực trạng nhận thức đặc điểm TG lứa tuổi 24-36 tháng của CBQL và GVMN, chúng tôi đưa vào các đặc điểm TG ở lứa tuổi mẫu giáo để thăm dò như *(3) nhận biết hình dạng cơ bản: hình tam giác, hình chữ nhật, (4) nhận dạng các hình dạng cơ bản trong thực tế,* với tỉ lệ của CBQL chọn là (70%- 55%) thấp hơn so với GVMN (82%-76%) điều này có thể lí giải là do GVMN chưa có nhận thức rõ và kĩ về các đặc điểm TG lứa tuổi 24-36 tháng, còn nhầm lẫn với lứa tuổi sau so với CBQL. Ngoài ra, CBQL và GVMN chọn đặc điểm TG ở các dòng (9), (10), (11) với tỉ lệ lựa chọn thấp đều dưới 85%.

Bảng 2.4. Đặc điểm HĐVĐV của trẻ 24-36 tháng

STT	Đặc điểm HĐVĐV	CBQL (N=20)		GVMN (N=55)	
		SL	%	SL	%
1	Tìm hiểu đặc tính của đồ vật (màu sắc, hình dạng, kích thước)	18	90	49	89
2	Làm quen với chức năng, công dụng của đồ vật	17	85	44	80
3	Lĩnh hội phương thức sử dụng đồ vật thì đồng thời cũng tri giác được màu sắc, hình dạng, kích thước của đồ vật đó	16	80	42	76

STT	Đặc điểm HĐVĐV	CBQL (N=20)		GVMN (N=55)	
		SL	%	SL	%
4	Hành động thiết lập mối tương quan giúp trẻ nhận biết vị trí của đồ vật trong không gian	16	80	40	73
5	Hành động thiết lập mối tương quan giúp trẻ nhận biết sắp xếp đồ vật theo trình tự	18	90	38	69
6	Hành động công cụ và hành động thiết lập mối tương quan có tác dụng giáo dục và phát triển TG cho trẻ	15	75	43	78
7	Hoạt động chơi nghịch đơn giản với đồ vật, trẻ không thể phát triển chức năng, công dụng của đồ vật	5	25	19	35

Qua bảng 2.4 thể hiện GVMN và CBQL đều nắm được các đặc điểm HĐVĐV ở dòng (1), (2), thể hiện qua tỉ lệ lựa chọn giữa GVMN và CBQL đều trên 80%. Tuy nhiên, đặc điểm *(3) "lĩnh hội phương thức sử dụng đồ vật thì đồng thời cũng tri giác được kích thước, hình dạng của đồ vật đó"* có sự lựa chọn chênh lệch giữa CBQL 80% và GVMN 76%. Điều này có thể lí giải là do GVMN chưa nhận ra tầm quan trọng của việc thông quá trình tổ chức HĐVĐV của giúp trẻ phát triển TG và chưa nắm rõ các đặc điểm TG được thể hiện ở câu hỏi 1 vì vậy khi chúng tôi phân tích kế hoạch giáo dục, hoạt động góc các nội dụng giúp trẻ phát triển TG không được GVMN chú trọng và đưa nhiều vào các HĐVĐV. Tiếp theo, đặc điểm về nội dung thiết lập mối tương quan ở dòng (4), (5) GVMN lựa chọn tỉ lệ (73%-69%) thấp hơn so với các đặc điểm về hành động công cụ ở dòng (1), (2), (3) là trên 75% cho thấy rằng GVMN nắm vững kiến thức về nội dung hành động công cụ hơn so với nội dung thiết lập mối tương quan, qua quan sát góc chơi ở các lớp chúng tôi

nhận thấy các đồ dùng, đồ chơi về nội dung thiết lập mối tương quan được trang bị ít, không đa dạng hoặc có một số lớp là không có. Căn cứ vào phần "ý kiến khác" dưới câu hỏi, có một số câu trả lời của GVMN và CBQL cho rằng "*những đặc điểm mà chúng tôi đưa ra là quá cao so với lứa tuổi hoặc không phù hợp với chương trình, vài GVMN không hiểu rõ một số đặc điểm"*. Ví dụ như là đặc điểm (5) cụm từ "*sắp xếp theo trình tự*"..Nhìn chung, qua đó có thể nhận ra rằng GVMN có hiểu biết cơ bản về đặc điểm HĐVĐV, tuy nhiên còn một lượng đáng kể GV chưa hiểu rõ các đặc điểm khác, còn hạn chế so với nhận thức của CBQL.

2.2.2.2. Nhận thức của CBQL và GVMN về biểu hiện đặc điểm phát triển TG và vai trò tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG

Bảng 2.5. Biểu hiện đặc điểm phát triển tri giác của trẻ 24-36 tháng qua hoạt động với đồ vật

STT	Biểu hiện đặc điểm phát triển tri giác	CBQL (N=20)		GVMN (N=55)	
		SL	%	SL	%
1	Chỉ và nói tên đúng đồ vật màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu	16	80	48	87
2	Lấy hoặc cất đúng đồ vật màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu	18	90	54	93
3	Chỉ và nói tên đúng đồ vật có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu	19	95	46	84
4	Lấy hoặc cất đúng đồ vật có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu	18	90	49	89
5	Chỉ và nói tên đúng đồ vật có hình tròn/hình vuông theo yêu cầu	17	85	41	75
6	Lấy hoặc cất đúng đồ vật có hình tròn/hình vuông theo yêu cầu	16	80	47	85
7	Dùng mắt để lựa chọn đối tượng để hành động mà không cần thử sai.	9	45	33	60
8	Nhận ra đồ dùng, vật dụng của bản thân	15	75	39	71
9	Nhận biết được đồ vật khi chỉ thấy một vài dấu hiệu của đồ vật	10	50	35	64

Dựa vào bảng số liệu 2.5 các biểu hiện phát triển TG ở từ dòng (1) đến dòng (6) đa số CBQL và GVMN đều có sự lựa chọn cao đều trên 80% cho thấy rằng GVMN và CBQL có nhận thức rõ các nội dung, kết quả mong đợi của mặt phát triển nhận thức lứa tuổi nêu rõ trong Chương trình Giáo dục Mầm non. Tuy nắm rõ Chương trình Giáo dục Mầm non nhưng qua phân tích giáo án và dự giờ các giờ hoạt động chủ đích chúng tôi thấy rằng các nội dung trong mục đích, yêu cầu thường không cụ thể, chưa quan tâm đánh giá đến nhận thức của trẻ. Cụ thể qua dự giờ 2 giờ hoạt động có chủ đích của cô Tr với tiết *"Nhận biết to-nhỏ"* và "*Xâu hạt thành vòng theo màu"* chúng tôi thấy các cô thường ít hỏi hoặc không có hoạt động để rà soát lại, đánh giá trẻ nhận thức đã hiểu rõ nội dung hay chưa, đó là điều mà chúng tôi thấy GVMN còn thiếu sót nhiều. Để đánh giá khách quan về TG của trẻ ở các lớp, chúng tôi ngẫu nhiên hỏi các trẻ ở các giờ sinh hoạt và giờ chơi, thì hơn 50% trẻ còn nhầm lẫn giữa màu xanh, đỏ hoặc không nói được vật đó to hay nhỏ, phần lớn trẻ không thực hiện đúng yêu cầu khi chúng tôi đưa ra câu hỏi " *Con hãy tìm vật có hình tròn đem đến cho cô"*, trẻ khá lúng túng và đến khi chúng tôi đưa ra ví dụ hoặc giải thích thêm thì trẻ mới thực hiện được đúng. Nhìn chung là biểu hiện phát triển TG của trẻ ở 5 lớp chúng tôi quan sát là chưa phát triển tốt, đa số trẻ chỉ đạt ở mức hành động TG thử-sai, chưa có nhận thức rõ về hình dạng, màu sắc, kích thước của đồ vật.

Bảng 2.6. Vai trò tổ chức hoạt động với đồ vật nhằm phát triển tri giác cho trẻ

STT	Vai trò tổ chức hoạt động với đồ vật nhằm phát triển tri giác cho trẻ	CBQL (N=20)		GVMN (N=55)	
		SL	%	SL	%
1	Bộc lộ đặc điểm riêng biệt của sự vật-hiện tượng	16	80	48	87
2	Hình thành biểu tượng, thuộc tính về đồ vật	15	75	46	84
3	Nhận biết, phân biệt các đồ vật	17	85	47	85
4	Hình thành và phát triển hành động định hướng bằng mắt	16	80	45	82

STT	Vai trò tổ chức hoạt động với đồ vật nhằm phát triển tri giác cho trẻ	CBQL (N=20)		GVMN (N=55)	
		SL	%	SL	%
5	Hành động công cụ và hành động thiết lập mối tương quan giúp tri giác của trẻ phát triển	17	85	42	76
6	Tích luỹ biểu tượng và làm cơ sở so sánh với các vật khác	15	75	36	65
7	Hình thành chuẩn cảm giác ở trẻ	17	85	40	73

Qua bảng 2.6 cho thấy, chiếm tỉ lệ cao các ý kiến cho rằng tổ chức HĐVĐV có ý nghĩa đối với *việc (4) "hình thành và phát triển hành động định hướng bằng mắt"* ; *(5) "Hành động công cụ và hành động thiết lập mối tương quan giúp tri giác của trẻ phát triển"; (6) "Tích luỹ biểu tượng và làm cơ sở so sánh với các vật khác"* cả CBQL và GVMN đều lựa chọn cao. Tuy nhiên, khi chúng tôi tiến hành phỏng vấn câu (3) ở (Phụ lục 2) thì nhiều GV không trả lời được nhiều và cụ thể nội dung như trong phiếu hỏi, GV chỉ trả lời chung là "*Thông qua HĐVĐV thì trẻ sẽ biết được màu sắc, hình dạng, tên gọi, cách sử dụng của vật đó*" nhưng cũng với câu hỏi số (3) chúng tôi hỏi CBQL thì họ nói được nhiều nội dung như "*phát triển nhận thức cảm tính, nếu tổ chức tốt các HĐVĐV sẽ giúp trẻ có thêm nhiều biểu tượng về đồ vật đó,làm cơ sở so sánh với các vật khác ở lứa tuổi sau*". Trong đó được lựa chọn nhiều nhất với tỉ lệ trên 80% là ý kiến cho rằng tổ chức HĐVĐV có ý nghĩa là *(1)bộc lộ đặc điểm riêng biệt của sự vật-hiện tượng;(2) Hình thành biểu tượng, thuộc tính về đồ vật.* Qua đó cho thấy GVMN chưa biết hiểu rõ về vai trò tổ chức HĐVĐV. Mặc dù nhận thức của GVMN và CBQL về vai trò tổ chức HĐVĐV đối với sự phát triển TG là khác nhau nhưng đa số họ đều nhận thấy thông qua tổ chức HĐVĐV có ý nghĩa đối với sự phát triển TG của trẻ. Đây là điều kiện thuận lợi để cung cấp các biện pháp cho GV nhằm giúp họ tổ chức HĐVĐV cho trẻ đạt hiệu quả hơn.

Các hình thức tổ chức HĐVĐV mà GV có thể tổ chức cho trẻ 24-36 tháng gồm: hoạt động có chủ đích (giờ chơi- tập có chủ đích), Giờ chơi tư do, sinh hoạt

hằng ngày. Bảng 2.7 dưới dây thể hiện kết quả khảo sát cho thấy GV thường chọn hình thức tổ chức HĐVĐV.

Bảng 2.7. Hình thức tổ chức HĐVĐV phát triển TG

STT	Hình thức tổ chức hoạt động phát triển TG	Chưa bao giờ				Thỉnh thoảng				Thường xuyên			
		CBQL (N=20)		GVMN (N=55)		CBQL (N=20)		GVMN (N=55)		CBQL (N=20)		GVMN (N=55)	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Giờ chơi-tập có chủ đích	0	0	0	0	2	10	1	2	18	90	54	98
2	Giờ chơi tự do	0	0	0	0	6	30	26	47	14	70	29	53
3	Sinh hoạt hằng ngày	0	0	0	0	9	45	33	61	11	55	21	39

Bảng 2.7 cho thấy các hình thức được GV tổ chức đầy đủ. Trong đó, hình thức "*giờ chơi-tập có chủ đích"* được CBQL và GVMN lựa chọn hơn 90% là giờ tổ chức chủ yếu. Hình thức "*Giờ chơi tự do*" có sự lựa chọn của CBQL là 70% và GV chiếm 53%. Qua số liệu trên có thể thấy rằng hình thức tổ chức HĐVĐV chủ yếu mà GV tổ chức là giờ chơi-tập có chủ đích. Bên cạnh việc quan sát, chúng tôi kết hợp trò chuyện để tìm hiểu nguyên nhân vì sao GV chỉ thường xuyên tổ chức HĐVĐV trên giờ chơi –tập có chủ đích thì hầu hết các GV và CBQL cho rằng "*hình thức giờ chơi tự do, chơi ở ngoài trời rất khó thực hiện, vì tất cả các bé đều ra sân, trẻ đông, khó bao quát trẻ, trẻ không tập trung*". Từ kết quả khảo sát bằng phiếu hỏi, phiếu phỏng vấn và quá trình quan sát thực tế có thể nhận định rằng hình thức mà đa số GV lựa chọn là không phong phú, linh hoạt, chỉ lựa chọn hình thức tổ chức mà bản thân thuận tiện, dễ dàng và hay thường làm thay trẻ mà chưa chú ý nhiều đến nhu cầu, hứng thú ở nhiều thời điểm khác nhau của trẻ.

Bên cạnh hình thức tổ chức thì nội dung của giờ hoạt động là một yếu tố quan trọng giúp GV thực hiện tốt mục tiêu giáo dục đã đề ra, nội dung phải phù hợp

với độ tuổi và dựa trên nội dung chính của Chương trình Giáo dục mầm non. Bảng 2.8 dưới đây trình bày những nội dung chính và mức độ thực hiện tổ chức HĐVĐV mà chúng tôi đã khảo sát và thu được kết quả như sau:

Bảng 2.8. Nội dung và mức độ tổ chức hoạt động với đồ vật.

STT	Nội dung tổ chức hoạt động	Chưa bao giờ				Thỉnh thoảng				Thường xuyên			
		CBQL (N=20)		GVMN (N=55)		CBQL (N=20)		GVMN (N=55)		CBQL (N=20)		GVMN (N=55)	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Phát triển hành động khám phá	0	0	0	0	3	15	4	8	17	85	51	93
2	Phát triển hành động thiết lập mối tương quan	0	0	3	5.5	7	35	24	44	13	65	27	49
3	Phát triển hành động công cụ	0	0	0	0	5	25	10	18	15	75	45	82
4	Làm quen màu sắc, hình dạng, kích thước của đồ vật	0	0	0	0	3	15	14	26	17	85	40	73
5	Nhận biết màu sắc, hình dạng, kích thước của đồ vật	0	0	0	0	2	10	14	26	18	90	41	75
6	Phân biệt, màu sắc, hình dạng, kích thước của đồ vật	0	0	2	1.8	5	25	16	29	14	70	38	69

Qua kết quả bảng 2.8 đa số các nội dung đều được GV tổ chức đầy đủ. Các nội dung *(1)* "*phát triển hành động khám phá" và (2) "phát triển hành động công cụ"* được CBQL và GVMN tổ chức thường xuyên với tỉ lệ cao là 82% và qua phân tích kế hoạch giáo dục của 5 lớp thì nội dung khám phá, phát triển hành động công cụ được GV hiểu rõ và thường xuyên tổ chức. Chỉ chiếm 75% mức độ tổ chức "*thường xuyên*" là hai nội dung *(4), (5) làm quen, nhận biết màu sắc, hình dạng, kích thước của đồ vật.* Cả CBQL và GV đều có lựa chọn đồng đều mức độ tổ chức "*thường xuyên"* nội dung ở dòng (2), (6) là không cao với tỉ lệ lần lượt (65%-49%) và (70%-69%) *)* điều đó cũng được thấy rõ khi chúng tôi quan sát ở 5 lớp thì các bộ đồ chơi phát triển hành động thiết lập mối tương quan được trang bị rất ít. Ở các

góc đều có chung một tình trạng là tuy được trang bị đầy đủ bộ đồ chơi lồng tháp, đồ chơi tháo lắp tương ứng, các bộ đồ chơi xâu hột, hạt nhưng số lượng mỗi bộ đồ chơi là rất ít chỉ có 2 bộ và vật liệu, hình thức chơi rất đơn điệu. Trên các mảng tường ở góc tạo hình các GV vẫn thiết kế các trò chơi như "*nhận biết màu sắc, hình dạng*" nhưng vật liệu không được đầu tư kĩ lưỡng, chủ để chơi không được thay đổi, một số bộ còn bị mất, hư hỏng nhưng vẫn chưa được GV thay mới hoặc dán lại. Theo chúng tôi quan sát, thì trong lớp có rất ít đồ chơi mà các cô tự thiết kế với các nội dung HĐVĐV và chính vì số lượng đồ chơi ít và nội dung của các trò chơi không mới mẻ, đa dạng nên một bộ đồ chơi thường từ 3-4 trẻ ngồi chơi chung. Trong giờ hoạt động góc, chúng tôi quan sát thấy có vài trẻ chỉ ngồi đó không chơi gì mà những trường hợp đó ở 5 lớp chúng tôi quan sát đều có. Để tìm hiểu rõ hơn lí do nên chúng tôi thì đến hỏi trẻ và nhận được câu trả lời là "*bạn không cho chơi chung*" *"con không muốn chơi nữa*" với vẻ mặt của trẻ là không hứng thú và buồn. Nhìn chung thì các nội dung HĐVĐV đều được GV tổ chức đầy đủ, tuy nhiên mức độ tổ chức các nội dung là không đồng đều, các bộ đồ chơi chưa được GV quan tâm và đầu tư cao đó là một thiết sót lớn ảnh hưởng đến việc phát triển hành động TG bằng mắt của trẻ sau này.

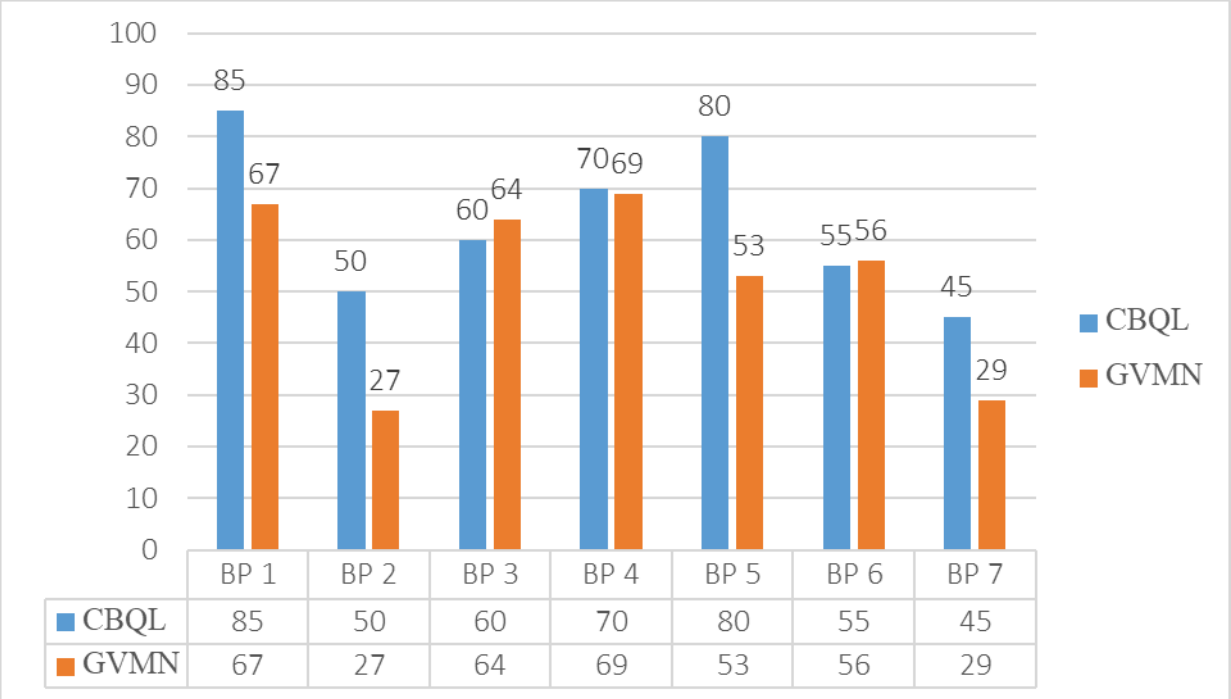
2.2.2.3. Ý kiến của CBQL và GVMN về sử dụng biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển tri giác cho trẻ 24-36 tháng

Chúng tôi xây dựng câu hỏi số (7) để điều tra về thực trạng sử dụng các biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển tri giác và kết quả như sau:

Bảng 2.9. Thực trạng sử dụng các biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển tri giác

STT	Thực trạng sử dụng biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển tri giác	CBQL (N=20)		GVMN (N=55)	
		SL	%	SL	%
1	Xây dựng môi trường đồ dùng-đồ chơi khuyến khích trẻ phát triển tri giác	85	17	67	34
2	Sử dụng trò chơi phù hợp đặc điểm TG	50	10	27	14

STT	Thực trạng sử dụng biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển tri giác	CBQL (N=20)		GVMN (N=55)	
		SL	%	SL	%
3	Sử dụng đồ dùng trực quan phù hợp	60	12	64	32
4	Làm mẫu cho trẻ thực hiện theo	70	14	69	35
5	Dùng lời hướng dẫn trẻ cách thức hành động	80	16	53	27
6	Tạo tình huống, trò chơi, đặt câu hỏi gợi ý nội dung hoạt động	55	11	56	28
7	Tạo cơ hội cho trẻ được lựa chọn đồ dùng, đồ chơi theo ý thích	45	9	29	15



Biểu đồ 2.1. Sự cần thiết các biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển tri giác

Theo kết quả của bảng 2.9 và biểu đồ 2.1 các biện pháp như (1) "*Xây dựng môi trường đồ dùng-đồ chơi khuyến khích trẻ phát triển tri giác"*, (4) "*Làm mẫu cho trẻ thực hiện theo", (3)"Sử dụng đồ dùng trực quan phù hợp"* đều được sự lựa chọn cao của CBQL và GVMN với tỉ lệ là hơn 70%. Các biện pháp còn lại là (2) "*Sử dụng trò chơi phù hợp đặc điểm TG*", (8) "*Tạo cơ hội cho trẻ được lựa chọn đồ*

dùng, đồ chơi theo ý thích" cũng nhận được sự lựa chọn thấp với lần lượt sự lựa chọn của CBQL (50%-45%) cao hơn GVMN với tỉ lệ là (27%-29%) có thể giải thích vì sao GV lại có sự lựa chọn thấp của biện pháp (2), (7) vì trong phần *Ý kiến khác* dưới bảng hỏi, có ý kiến cho rằng *"các biện pháp sử dụng trò chơi phù hợp đặc điểm TG là các dạng khá mới, lạ so GV chưa nắm rõ cụ thể các đặc điểm"* hoặc vài ý kiến chung cho rằng *"khó có thể thực hiện biện pháp sử dụng trò chơi theo đặc điểm TG vì số lượng trẻ đông và không có thời gian"*. Dựa trên các giờ hoạt động chủ đích *"Xâu hạt thành vòng theo màu xen kẽ"; "Phân biệt to-nhỏ"* thì chúng tôi nhận thấy GV chủ yếu sử dụng biện pháp hướng dẫn, làm mẫu bằng lời và đồ dùng trực quan nhưng biện pháp dùng lời thì lời nói của GV chưa ngắn gọn, dễ hiểu và chưa chú ý nhiều đến cá nhân trẻ chưa thực hiện được, các lời hướng dẫn của GV chưa làm trẻ hứng thú, gợi mở suy nghĩ của trẻ như "*Con nên xâu hạt màu xanh rồi tới màu đỏ*" ; "*cái tô này nhỏ hay to vậy các con"* . Đồ dùng trực quan không cụ thể, nhiều màu sắc nếu không là nội dung dạy thì không nên đưa vào sẽ làm giảm sự chú ý của trẻ. Ví dụ như ở giờ hoạt động học-có chủ đích "*Phân biệt to-nhỏ*" thì vật mẫu của cô độ lớn của 2 vật không rõ ràng. Để tìm hiểu cụ thể hơn các biện pháp các GV hay sử dụng chúng tôi đã phỏng vấn cô Trần Th. M là GVMN của trường Ng.S.Nh với câu hỏi số (2) trong (Phụ lục 2) thì cô chia sẻ là: "*tôi thiết kế và cho trẻ chơi các trò chơi phù hợp lứa tuổi, sở thích, quan sát và hướng dẫn bằng lời cho trẻ*" và cô Võ Q. T là hiệu phó trường H.M thì cô đưa ra vài biện pháp: "*Tôi thường khuyến khích GV Làm mẫu cho trẻ, sử dụng các đồ dùng trực quan, hình tranh ảnh sinh động, mở rộng môi trường tổ chức ngoài lớp, thiết kế các trò chơi phát triển hành động thử-sai"*

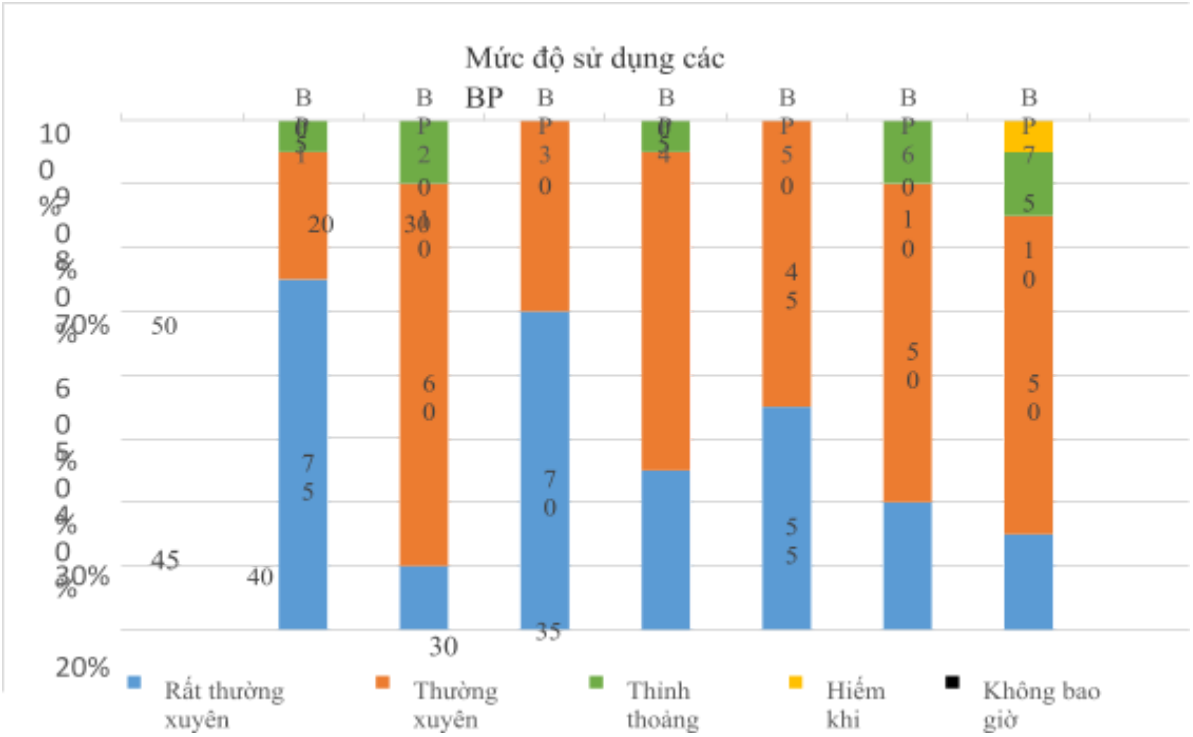
Để tổ chức các HĐVĐV một cách hiệu quả nhằm mục đích phát triển TG cho trẻ thì ngoài các biện pháp phù hợp nêu trên, chúng tôi đã khảo sát CBQL và GVMN về mức độ sử dụng các biện pháp tổ chức HĐVĐV và thu được kết quả ở mục 2.2.2.4 như sau

2.2.2.4 Mức độ sử dụng biện pháp tổ chức hoạt động với đồ vật để phát triển tri giác cho trẻ 24-36 tháng

Để tổ chức các HĐVĐV một cách hiệu quả nhằm mục đích phát triển TG cho trẻ thì ngoài các biện pháp phù hợp nêu trên, chúng tôi đã khảo sát CBQL và GVMN về mức độ sử dụng các biện pháp tổ chức HĐVĐV và thu được kết quả như sau:

Bảng 2.10a. Đánh giá của CBQL về mức độ sử dụng biện pháp tổ chức của GVMN

STT	Biện pháp	Các mức độ									
		Rất thường xuyên		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi		Không bao giờ	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Xây dựng môi trường đồ dùng-đồ chơi khuyến khích trẻ phát triển tri giác	15	75	4	20	1	5	0	0	0	0
2	Sử dụng trò chơi phù hợp đặc điểm TG	6	30	12	60	2	10	0	0	0	0
3	Sử dụng đồ dùng trực quan phù hợp	14	70	6	30	0	0	0	0	0	0
4	Làm mẫu cho trẻ thực hiện theo	9	45	10	50	1	5	0	0	0	0
5	Dùng lời hướng dẫn trẻ cách thức hành động	11	55	9	45	0	0	0	0	0	0
6	Tạo tình huống, trò chơi, đặt câu hỏi gợi ý nội dung hoạt động	8	40	10	50	2	10	0	0	0	0
7	Tạo cơ hội cho trẻ được lựa chọn đồ dùng, đồ chơi theo ý thích	7	35	10	50	2	10	1	5	0	0



Biểu đồ 2.2. Đánh giá của CBQL về mức độ sử dụng các BP của GVMN

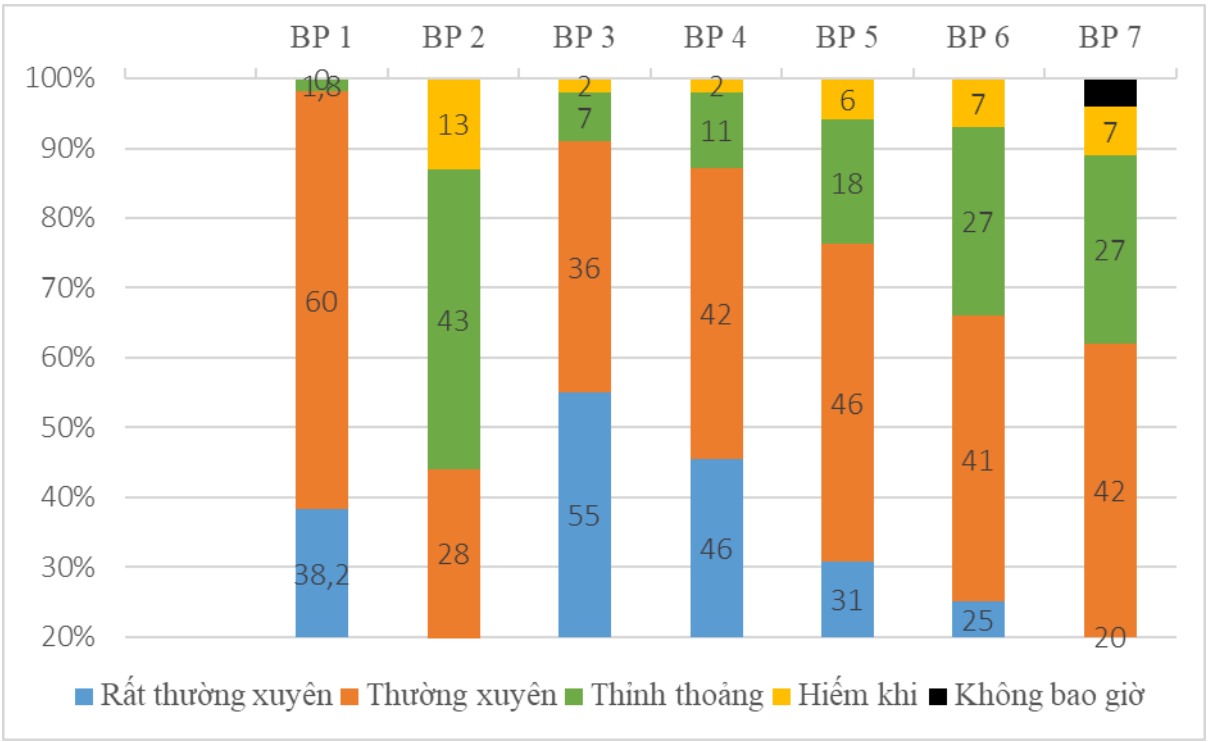
Qua kết quả của bảng 2.10a và biểu đồ 2.2 có thể nhận thấy các biện pháp mà CBQL đánh giá GV thường sử dụng qua các giờ dự giờ giáo viên hoặc qua quan sát là các biện pháp (1) "*Xây dựng môi trường đồ dùng-đồ chơi khuyến khích trẻ phát triển tri giác*" được CBQL đánh giá GV tổ chức ở mức độ rất thường xuyên là 75%. Các biện pháp (3) *"Sử dụng đồ dùng trực quan phù hợp"*, biện pháp (5) "*Dùng lời hướng dẫn trẻ cách thức hành động"* là rất thường xuyên hơn 55%. Để hiểu rõ hơn chúng tôi đã phỏng vấn cô Nguyễn Tr.V.A là Hiệu trưởng và cô Võ Q. T là hiệu phó của trường M.N thì chúng tôi rút ra nhận định chung ý kiến của hai cô là: *các biện pháp như tạo môi trường, lựa chọn và sử dụng đồ dùng trực hoặc dùng lời hướng dẫn là các biện pháp chủ yếu luôn được các GV ở trường cô sử dụng rất thường xuyên trong các hoạt động khác như hoạt động tạo hình, kể chuyện..chứ không chỉ trong HĐVĐV. Các nội dung cụ thể là phát triển TG thì các cô vẫn có đề ra trong mục đích-yêu cầu của kế hoạch giáo dục cụ thể tuy nhiên về cách tổ chức là chưa cụ thể và còn hạn chế*. Dựa theo số liệu lựa chọn trên biểu đồ 2.2 cho thấy các biện pháp còn lại được CBQL đánh giá là GV tổ chức đều ở mức

độ "*thường xuyên" là* hơi chủ quan so với thực tế dự giờ 5 giờ hoạt động chơi-tập có chủ đích các biện pháp chúng tôi đưa ra thì không được GV tổ chức và thực hiện các biện pháp một cách "thường xuyên" và hiệu quả mà đó là một trong các nguyên nhân ảnh hưởng đến quá trình phát triển nhận thức trẻ chúng tôi đã nêu ở mục 1.2.1.2 ở chương I. Ngoài ra,các biện pháp ở cột (2),(6),(7) trong bảng 2.8 vẫn có CBQL đánh giá là GV tổ chức ở mức độ *"thỉnh thoảng*" chiếm tỉ lệ 10% điều đó có thể giải thích với ý kiến của 3 CBQL ghi trong phần "Ý kiến khác" với các lí do chung như sau: "*Biện pháp sử dụng trò chơi phù hợp đặc điểm TG và Tạo cơ hội cho trẻ được lựa chọn đồ dùng, đồ chơi theo ý thích sẽ ít được tổ chức theo tôi vì do GV không có nhiều thời gian và không phù hợp lứa tuổi, trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ khả năng tập trung không cao nên cho trẻ được tự lựa chọn là không mang lại nhiều hiệu quả so với các biện pháp còn lại.* Nhìn chung, CBQL đã có đánh giá và có nhiều ghi nhận cụ thể về mức độ thực trạng sử dụng các biện pháp tổ chức của GV ở trường mình, tuy nhiên cũng có nhiều lựa chọn mang tính chủ quan, chưa thực tế.

Bảng 2.10b. Mức độ sử dụng các biện pháp tổ chức của GVMN

STT	Biện pháp	Các mức độ									
		Rất thường xuyên		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi		Không bao giờ	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Xây dựng môi trường đồ dùng-đồ chơi khuyến khích trẻ phát triển tri giác	19	38	30	60	1	2	0	0	0	0
2	Sử dụng trò chơi phù hợp đặc điểm TG	8	16	14	28	22	43	7	13	0	0
3	Sử dụng đồ dùng trực quan phù hợp	28	55	18	36	13	7	1	2	0	0
4	Làm mẫu cho trẻ thực hiện theo	23	45	21	42	6	11	1	2	0	0

STT	Biện pháp	Các mức độ									
		Rất thường xuyên		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi		Không bao giờ	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
5	Dùng lời hướng dẫn trẻ cách thức hành động	16	31	23	46	9	18	3	6	0	0
6	Tạo tình huống, trò chơi, đặt câu hỏi gợi ý nội dung hoạt động	13	25	21	41	14	27	4	7	0	0
7	Tạo cơ hội cho trẻ được lựa chọn đồ dùng, đồ chơi theo ý thích	10	20	22	42	14	27	4	7	2	4



Biểu đồ 2.3. Mức độ tổ chức biện pháp của GV

Dựa theo bảng 2.10 b và biểu đồ 2.3 có thể thấy các biện pháp (3) "*Sử dụng đồ dùng trực quan phù hợp"*, (4) "*Làm mẫu cho trẻ thực hiện theo"* được GV đánh giá là tổ chức ở mức độ "*rất thường xuyên"* với tỉ lệ lựa chọn chiếm 45%. Số liệu lựa chọn tuy khá cao nhưng so với thực tế quan sát và dự giờ chúng tôi nhận thấy GV có sử dụng đồ dùng trực quan phù hợp với nội dung đã đề ra, nhưng dụng cụ, vật liệu là chưa có nhiều mới mẻ và phong phú, kích thước và màu sắc của các đồ dùng là chưa phù hợp, có những đồ dùng quá nhiều màu sắc. Ở các giờ hoạt động ngoài trời thì đa phần là GV để cho trẻ tự do hoạt động, chơi các trò chơi có sẵn trên sân, chưa quan tâm đến giờ hoạt động này. Trong các góc lớp, có đồ chơi, trò chơi học tập về nội dung TG như ghép hình, trò chơi tháo lắp vòng nhưng không được sử dụng ở mức độ "*rất thường xuyên"* vì theo chúng tôi quan sát thì có những bộ đồ chơi bị thiếu mất đi bộ phận hoặc hư thì vẫn để trong góc, có những bộ còn để trong thùng, trong bao bì còn nguyên vẹn. Đó cũng là một trong các nguyên nhân dẫn đến TG của trẻ ở các lớp là mức độ nhầm lẫn và thử-sai. Các biện pháp ở dòng (5), (6) được GV sử dụng mức độ "*thường xuyên*" với với tỉ lệ lựa chọn trên 40%, qua phỏng vấn với câu hỏi số 3 cô Trịnh X.M của lớp Gấu Bông thì cô trả lời: *"Dùng lời nói và làm mẫu hướng dẫn cho trẻ đối với những cái mới mà trẻ chưa biết, còn cái trẻ đã biết rồi thì không làm mẫu chỉ nói thôi*" và chúng tôi đã hỏi kĩ thêm: "*Nếu nội dung đã dạy rồi nhưng trẻ quên hoăc không thực hiện được thì cô có làm mẫu hoặc hướng dẫn lại ngay không?"* thì cô trả lời: "*Nếu làm mẫu hoặc chỉ lại ngay thì sẽ không có thời gian để cho các hoạt động sau nên sẽ hướng dẫn trẻ nào chưa biết ở những giờ sinh hoạt buổi chiều"* nhưng qua quan sát thì chúng tôi chưa thấy GV dành thời gian để hướng dẫn lại cho trẻ, lời hướng dẫn trẻ ở những giờ chơi tự do hoặc giờ sinh hoạt chưa được GV chú ý, nói chưa nhẹ nhàng. Biện pháp (2)*"Sử dụng trò chơi phù hợp đặc điểm TG"* có sự lựa chọn tổ chức ở mức độ *"thỉnh thoảng*" chiếm tỉ lệ cao là 42.7% có thể dễ dàng giải thích vì qua phỏng vấn thì đa số nhiều GV không đề cập đến các biện pháp trên và qua dự giờ cũng không sử dụng biện pháp tổ chức đó.

2.3. Thực trạng biểu hiện mức độ phát triển TG qua HĐVĐV của trẻ 24-36 tháng.

2.3.1. Tiêu chí và thang đo đánh giá

Để khảo sát thực trạng và đưa ra biện pháp tổ chức nhằm phát triển TG qua HĐVĐV của trẻ 24-36 tháng, đề tài đưa ra 7 tiêu chí (1,2,3,4,5), mỗi tiêu chí được đánh giá quá từng bài tập tương ứng (1,2,3,4,5) (Phụ lục 6). Riêng tiêu chí 6,7 dùng để đánh giá trong quá trình trẻ thực hiện bài tập. Nội dung bảng tiêu chí đánh giá mức độ phát triển TG của trẻ qua HĐVĐV được trình bày ở (Phụ lục 3).

Thang đo đánh giá điểm tổng

Thang điểm tổng	Mức độ
$x \leq 11$	Thấp
$11 < x \leq 22$	Trung Bình
$22 < X \leq 33$	Cao

Thang đo đánh giá tiêu chuẩn của từng tiêu chí

Thang điểm tương ứng với tiêu chuẩn	Mức độ
1	Thấp
2	Trung Bình
3	Cao

2.3.2. Cách tiến hành

- Để có kết luận chính xác về biểu hiện các mức độ phát triển TG qua HĐVĐV chúng tôi sử dụng các bài tập đo được kết hợp với quan sát.
- Bài tập đo được thể hiện ở (Phụ Lục 6)
- Việc khảo sát được thực hiện tại khu vực riêng và làm việc với từng cá nhân trẻ. Trẻ lắng nghe, quan sát và thực hiện từng bài tập.

2.3.3. Kết quả nghiên cứu

Quá trình nghiên cứu thực tiễn cần xác định rõ thực trạng mức độ TG của trẻ Trên cơ sở đó xây dựng biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG của trẻ 24-36 tháng phù hợp.

Chúng tôi phát phiếu tiêu chí đánh giá sự phát triển TG của trẻ qua HĐVĐV (Phụ Lục 3) cho GVMN tại 2 nhóm lớp, mỗi nhóm 20 trẻ trên địa bàn huyện Nhà Bè. Kết quả được chúng tôi tổng hợp ở bảng 2.11

N=40

Bảng 2.11. Mức độ phát triển TG của trẻ qua HĐVĐV

Các tiêu chí	Các biểu hiện	Mức độ						ĐTB
		Thấp		Trung bình		Cao		
		N	%	N	%	N	%	
Nhận biết chuẩn màu sắc (1)	Nhận biết và phân biệt 3 màu: màu vàng, đỏ, xanh dương (1)	6	15.0	25	62.5	9	22.5	2.075
	Gọi tên màu sắc 3 màu: màu vàng, đỏ, xanh dương (2)	4	10.0	31	77.5	5	12.5	2.025
Nhận biết chuẩn hình dạng (theo hành động TG) (2)	Nhận biết và phân biệt rõ ràng hình vuông, hình tròn theo hành động TG (3)	21	52.5	14	35	5	12.5	1.6
Nhận biết chuẩn hình dạng (3)	Nhận biết và phân biệt rõ ràng hình vuông, hình tròn (4)	9	22.5	27	67.5	4	10	1.875
	Gọi tên hình vuông, hình tròn (5)	10	25.0	24	60	6	15	1.9

Các tiêu chí	Các biểu hiện	Mức độ						ĐTB
		Thấp		Trung bình		Cao		
		N	%	N	%	N	%	
Nhận biết kích thước (4)	Nhận biết và phân biệt đồ vật to, nhỏ (6)	7	17.5	29	72.5	4	10	1.925
	Gọi tên đồ vật to, nhỏ (7)	9	22.5	26	65	5	12.5	1.9
Nhận biết đối tượng trọn vẹn (5)	Nhận biết đối tượng qua vài dấu hiệu (8)	19	47.5	16	40	5	12.5	1.65
Tính tích cực trong hoạt động (6)	Kiên trì (9)	12	30.0	24	60	4	10	1.8
	Độc lập trong hành động (10)	20	50.0	15	37.5	5	12.5	1.625
Ý chí và kết quả đạt được (7)	Mong muốn đạt kết quả đúng (11)	19	47.5	16	40	5	12.5	1.65

Qua bảng 2.11 cho thấy thực trạng mức độ TG của trẻ 24-36 tháng ở từng tiêu chí của 4 bài tập được đánh giá qua các mức độ và các điểm trung bình phân bổ khác nhau, cụ thể như sau:

❖ **Tiêu chí 1: Nhận biết chuẩn màu sắc và tiêu chí 2: Nhận biết chuẩn hình dạng (theo hành động TG); Tiêu chí 3: Nhận biết chuẩn hình dạng**

Tiêu chí (1) và (3) đều có ĐTB khá cao từ 1.875 đến 2.1 so với các tiêu chí còn lại. Với tiêu chí "*Nhận biết và phân biệt 3 màu: màu vàng, đỏ, xanh dương"* thì giá trị ĐTB đạt cao nhất trong bảng tiêu chí là 2.075. Đa số ở biểu hiện *"nhận biệt và phân biệt*" trẻ đều đạt mức độ *"trung bình"* là khá cao của cả tiêu chí (1) và (3) lần lượt với tỉ lệ là 62,5%-67.5% .Như GV cho rằng bài tập (1) này là dễ so với trẻ, nội dung nhận biết, phân biệt màu sắc, hình dạng là nội dung chính luôn được GV

tổ chức rất thường xuyên trong các giờ chơi-tập có chủ đích và giờ hoạt động góc, đa số các lớp đều có trang bị đầy đủ các đồ chơi có 3 màu sắc chính vàng, đỏ, xanh dương, hình tròn-hình vuông tạo điều kiện cho trẻ được tiếp xúc nhiều với các màu sắc, hình dạng đó. Tuy nhiên, theo chúng tôi quan sát trong quá trình trẻ làm 2 bài tập (1) "*phân biệt màu sắc" và (3) "phân biệt hình dạng*", thì có nhiều trẻ phân biệt chưa chính xác và trẻ không nhận biết ngay mà phải mất thời gian suy nghĩ rồi mới nhận biết đúng. Để đánh giá khách quan và tránh trường hợp trẻ nhận biết một cách ngẫu nhiên nên chúng tôi yêu cầu GV cho trẻ thực hiện bài tập (1) 2 lần, ở lần thứ 2 là thay đổi vị trí các túi màu. Thì số lượng trẻ đạt tiêu chuẩn nhận biết, phân biệt "*đúng chuẩn*"đạt tỉ lệ thấp = 22.5%, khi đổi vị trí các túi màu thì trẻ lúng túng, có trẻ thì lần 1 nhận biết đúng nhưng lần 2 thì lại nhầm lẫn.

Ở tiêu chí (3) với biểu hiện "*nhận biết và phân biệt rõ hình tròn, hình vuông*" có đến 27 trẻ đạt mức độ *"trung bình"* chiếm tỉ lệ cao là 67.5% .Chúng tôi khảo sát và hỏi vài trẻ trong giờ sinh hoạt, giờ chơi tự do thì đa số trẻ nhận biết chính xác màu các vật quen thuộc với mình so với các vật không quen thuộc, các vật quen thuộc như: ly nước, cặp, bàn chải đánh răng..hoặc khi chúng tôi hỏi trẻ "*Đồng hồ có hình gì, hoặc bánh xe có hình gì vậy con*?" thì rất ít trẻ trả lời chính xác.

Tiêu chí (3) "*Nhận biết và phân biệt rõ ràng hình vuông, hình tròn theo hành động TG"*số lượng trẻ đạt mức độ thấp *"thử sai: dùng tay thử sai nhiều lần"* chiếm cao nhất so với các biểu hiện còn lại là 52.5%, theo quan sát khi trẻ làm bài tập (2) thì đa số trẻ gặp nhiều khó khăn, trẻ thường dùng hình nhấn mạnh vào khuôn thủng và sau khi được cô gợi ý, hướng dẫn sờ cạnh của 2 hình thì có nhiều trẻ đã làm đúng, chỉ có một vài trẻ dùng hình thử và ướm vào các khuôn. *Vì vậy*, qua 2 nhóm trẻ khảo sát, chúng tôi đánh giá hành động TG của trẻ đạt ở mức độ thử- sai .

Tiếp theo, chúng tôi đánh về mặt ngôn ngữ của trẻ trong lớp với biểu hiện (2) "*Gọi tên màu sắc 3 màu: màu vàng, đỏ, xanh dương; Gọi tên hình tròn, hình vuông"* thì trẻ đạt mức độ trung bình "*Nhầm lẫn: trẻ phân biệt lẫn lộn*" chiếm tỉ lệ cao = 77.5%, tỉ lệ đó có thể dễ dàng nhận thấy trong quá trình chúng tôi quan sát trẻ làm bài tập, đa số trẻ không gọi được tên chính xác, còn nhầm lẫn giữa màu xanh với màu vàng hoặc màu đỏ và màu xanh dương và có 10 trẻ "*không gọi tên được 2*

hình". Khi ở bài tập (1) GV chỉ vào cái túi và hỏi "*túi này màu gì vậy con?*" thì chỉ có 5 trẻ đạt được mức độ *"cao"* trẻ gọi tên chính xác, nói to rõ, tự tin khi trả lời và chiếm tỉ lệ thấp là 12.5%. Còn hầu hết trẻ khi được GV hỏi thì có 2 trường hợp: không gọi tên chính xác và nhẫm lẫn, trẻ trả lời rất rụt rè, nói nhỏ, phát âm không rõ chữ. Theo chúng tôi quan sát thì khi trẻ trả lời nhỏ và phát âm không rõ chữ, GV thường không chú ý nên không khuyến kích trẻ nói lớn, sửa sai và lặp lại âm đúng cho trẻ hoặc tạo không khí để trẻ thoải mái trả lời. Để tìm hiểu nguyên nhân thì chúng tôi quan sát các giờ chơi góc, giờ sinh hoạt thì trẻ thường chơi một mình, các hành động chơi nghịch chiếm đa số, trong quá trình đó GV thường rất ít đặt câu hỏi, trò chuyện với trẻ đây là một trong những nguyên nhân khiến ngôn ngữ nói chưa phát triển tốt.

❖ **Tiêu chí 4: Nhận biết kích thước**

Với biểu hiện (6) "*Nhận biết và phân biệt đồ vật to-nhỏ" và (7) "Gọi tên đồ vật to-nhỏ"* cũng đạt điểm trung bình cao là 1.9. Cũng giống như tiêu chí (1), (2) đa số trẻ đạt ở mức độ "*trung bình"*chiếm tỉ lệ khá cao là trên 60%*."*.Theo chúng tôi quan sát trong lớp học, các góc chơi thì không có nhiều đồ chơi, đồ dùng hoặc hoạt động có nội dung "*Nhận biết và phân biệt đồ vật to-nhỏ".* Trong lúc trẻ làm bài tập, có đến 9 trẻ "*không gọi được tên",* luôn tỏ ra ngập ngừng khi gọi tên đồ vật nào to, đồ vật nào nhỏ.

❖ **Tiêu chí 5: Nhận biết đối tượng trọn vẹn**

Đối với tiêu chí (5) tỉ lệ ở các mức độ có độ chệnh lệch nhau nhiều và ĐTB của tiêu chí (4) là 1.65 thấp nhất so với các tiêu chí còn lại. Qua quan sát trẻ làm bài tập (5), khi GV vừa đưa ra yêu cầu của bài tập, thì chúng tôi nhận thấy đa số trẻ rất thích thú, hăng say làm ngay, làm rất nhanh nhưng thường mắc nhiều lỗi sai, không ghép hoàn thành được sự vật. Khi GV đưa 2 mảnh ghép hình trong bài tập và hỏi trẻ "*Con có biết được đây là gì hay không?"* để xem trẻ có nhận biết được đối tượng trước khi hành động động hay không, thì chỉ có 5 trẻ đạt tiêu chuẩn "*nhận biết trước hành động*", trẻ nhận biết được ngay đó là "hình con heo", "hình chiếc xe ô tô" mà không cần phải ghép xong rồi mới nhận biết được. Tỉ lệ trẻ đạt được ở mức độ "*trung bình"* chiếm cao nhất là 47.5%, trẻ chỉ nhận ra đối tượng sau khi đã thực

hiện xong hoạt động bài tập (5), trẻ ở nhóm mức độ *"trung bình"* phải ghép đến mảnh ghép thứ 3 hoặc 4 mới nhận biết được đối tượng. Có trường hợp trẻ nói chính xác tên của đối tượng là "con gì" "vật gì" nhưng trong lúc thực hiện bài tập, trẻ gặp nhiều khó khăn, không ghép được hoàn chỉnh đối tượng, trẻ ghép ra sai vị trí mảnh ghép. Theo như chúng tôi quan sát, lúc trẻ ghép không đúng thì GV thường làm thay ghép lại ngay vị trí đúng, không đưa ra gợi ý cho trẻ sửa sai, tự thực hiện lại bằng hành động của chính mình nên khi trẻ không ghép được trẻ thường ngồi chờ GV, không tự tin thực hiện. Chúng tôi hỏi thêm GV để tìm hiểu nguyên nhân thì GV cho rằng "bài tập này khá khó so với trẻ nên ít trẻ sẽ làm được", tuy nhiên theo quan sát trong lớp ở góc chơi, vẫn có bộ đổ chơi "ghép hình 3-4 mảnh" nhưng có 2 bộ vẫn chưa mở bao bì, 2 bộ thì bị thiếu mảnh ghép và trong quan sát giờ chơi tự do trẻ cũng không chơi nhưng bộ đồ chơi ghép hình. Qua đó, chúng tôi cho rằng trẻ rất ít được chơi với các bộ đồ chơi đó nên khả năng thực hiện hành động ghép của nhóm trẻ chúng tôi khảo sát là còn yếu, khả năng nhận biết đối tượng của trẻ là ở mức độ "thấp" chiếm khá cao nên GV cần tổ chức, đưa ra những chỉ dẫn hợp lí để TG của trẻ được phát triển ở mức độ cao hơn và hoạt động tích cực hơn

❖ **Tiêu chí 6: Tính tích cực trong hoạt động và tiêu chí 7: Ý chí và kết quả đạt được**

Ở biểu hiện (10) *"độc lập trong hành động*" đạt ĐTB thấp là 1.625. Trẻ đạt mức độ "*thấp*" chiếm tỉ lệ cao nhất đến 50% .Theo chúng tôi quan sát toàn bộ quá trình trẻ thực hiện các bài tập, đa số trẻ đều thích thú với các bài tập, có thử tự hành động nhưng không tự tin sau khi thất bại lần đầu, trẻ thường nhờ GV giúp hoặc không muốn tiếp túc thực hiện tiếp. Trẻ thường gặp nhiều lúng túng trước các bộ đồ chơi trong bài tập chúng tôi đưa ra, trẻ có biểu hiện hơi sợ sệt, không thoải mái khi thực hiện. Nhưng khi quan sát trẻ vào các giờ chơi góc, chúng tôi nhận thấy các bé thường chơi, hành động rất thoải mái, độc lập với các bộ đồ chơi thường ngày các bé hay chơi. Tuy nhiên vẫn có 5 bé, thực hiện hành động rất tốt, tự tin làm một mình sau khi được cô đưa ra yêu cầu bài tập. Ở biểu hiện (9) " *kiên trì"* trẻ đạt mức độ *"cao"* với tỉ lệ thấp là 10%, khi thực hiện bài tập, nếu gặp lỗi sai trẻ thường có thử lại lần nữa, nhưng nếu vẫn chưa ra được kết quả, trẻ không muốn tiếp tục nữa

.Chỉ thực hiện tiếp khi được GV nói hoặc hướng dẫn thêm, nhưng chúng tôi nhận thấy thì lời chỉ dẫn của GV chưa mang tính gợi mở, chưa tạo được không khí thoải mái cho trẻ. Biểu hiện "sự kiên trì" của trẻ là không cao còn được thể hiện qua giờ sinh hoạt, giờ ăn, chúng tôi quan sát thấy trong lúc trẻ đánh răng xong thì có phải cất bàn chải của mình vào tủ, cắm bàn chải vào móc treo thì đa số trẻ khi không móc được thường luôn phía dưới tủ, không có cố gắng móc lại lần nữa hoặc vào giờ ra về, trẻ sẽ ngay lập tức nhờ người lớn hoặc GV nếu trẻ không mang được dép hay mở tủ lấy cặp của mình. Qua đến tiêu chí (7) với biểu hiện (11) "*Mong muốn đạt kết quả đúng"* có tỉ lệ các mức độ chênh lệnh khác nhau, chiếm cao nhất là mức độ "*thấp"* với tỉ lệ 47.5%, điều đó thể hiện sự cố gắng và nỗ lực để hoàn thành bài tập của trẻ là chưa cao .Vì vậy, để trẻ có được sự tự tin và kiên trì trong hành động thì GV và cha mẹ nên tạo điều kiện cho trẻ được tự hành động, tạo không khí thoải mái, tránh la mắng trẻ, khiến trẻ sợ khi trẻ gặp lỗi sai.

Tiểu kết chương 2

Qua khảo sát thực trạng sử dụng biện pháp phát triển TG thông qua HĐVĐV của trẻ 24- 36 tháng, chúng tôi nhận thấy phần lớn CBQL và GVMN đều nhận thấy sự cần thiết của việc phát triển TG của trẻ thông qua HĐVĐV. Tuy nhiên, GV chưa có sự nhận thức sâu sắc về nội dung, đặc điểm và biểu hiện phát triển TG, ít quan tâm nên chưa tạo nhiều cơ hội cho trẻ được rèn luyện và phát triển. Các nội dung tổ chức HĐVĐV ở các giờ hoạt động có chơi-tập có chủ đích hoặc hoạt động khác là chưa phong phú, đa số chỉ tập trung chủ yếu là phát triển hành động công cụ.

Các hình thức tổ chức chưa có nhiều mới mẻ và vật liệu của học cụ chưa thật sự được GV quan tâm, đầu tư thay mới. Thực tiễn GV tổ chức HĐVĐV cho trẻ 24-36 tháng sử dụng các biện pháp còn riêng lẻ, chưa phong phú. GV còn lúng túng trong tiến trình tổ chức một hoạt động gồm ba bước: bước 1: chuẩn bị (môi trường, lập kế hoạch, đồ dùng), bước 2: hướng dẫn, gợi ý hoạt động, bước 3: đánh giá hoạt động. Lựa chọn và sử dụng biện pháp tổ chức HĐVĐV chưa dựa theo các đặc điểm phát triển TG cụ thể. Môi trường đồ dùng-đồ chơi chưa phù hợp với số lượng trẻ và chưa phong phú, mới mẻ về cách thức chơi.

Điều đó ảnh hưởng đến sự phát triển nói chung và sự phát triện nhận thức cảm tính của trẻ lứa tuổi 24-36 tháng nói riêng. Kết quả khảo sát trên cho thấy GV chưa quan tâm thực hiện việc đánh giá mức độ phát triển TG của trẻ trong HĐVĐV. Khi thực hiện đánh giá còn theo cảm tính chứ không xây dựng các tiêu chí đánh giá cụ thể. Mức độ phát triển TG của nhóm trẻ mà chúng tôi khảo sát đa số đạt mức độ "thấp" "trung bình", trẻ chưa có nhiều nhận thức cụ thể màu sắc, hình dạng, kích thước của đồ vật. Trẻ chưa tự tin thực hiện các hành động của mình, còn trông chờ vào sự hướng dẫn giúp đỡ từ phía GV.

Thực tế trên là cơ sở chúng tôi để ra các biện pháp tác động phù hợp góp phần khắc phục những hạn chế trên chính là những hoạt động tích cực nhằm nâng cao chất lượng trong việc tổ chức các trò chơi, hoạt động phủ hợp phát triển TG của trẻ thông qua HĐVĐV .

Chương 3. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VỚI ĐỒ VẬT NHẰM PHÁT TRIỂN TRI GIÁC CHO TRẺ 24-36 THÁNG

3.1. Căn cứ và nguyên tắc đề xuất biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ 24-36 tháng

Chúng tôi đề xuất một số biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ 24-36 tháng dựa trên nền tảng của cơ sở lí luận, từ sự nhận thức của GV về tổ chức HĐVĐV đối với sự phát triển TG của trẻ và thực trạng sử dụng các biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ 24-36 tháng. Các biện pháp này được đề xuất dựa trên các cơ sở:

- Phù hợp các đặc điểm đăc trưng phát triển tâm sinh lí của trẻ 24-36 tháng
    - Chức năng sinh lí của các cơ quan trong cơ thể đang hình thành và phát triển cân đối. Hệ thần kinh phát triển mạnh, hoạt động của não phải chiếm ưu thế, quá trình hưng phấn mạnh hơn ức chế
    - Quá trình tâm lí được hình thành và phát triển đặc biệt là nhận thức cảm tính. Thông qua quá trình HĐVĐV trẻ khám phá được chức năng, công dụng, thuộc tính của đồ vật. Nắm được phương thức hành động và phát triển khả năng định hướng vào môi trường xung quanh
- Phù hợp mục tiêu, nội dung giáo dục và kết quả mong đợi trong lĩnh vực phát triển nhận thức của Chương trình Giáo dục Mầm non (2016) lứa tuổi 24-36 tháng
    - Mục tiêu: Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh. Có sự nhạy cảm của các giác quan. Có một số hiểu biết ban đầu về các sự vật gần gũi, quen thuộc
    - Nội dung giáo duc: Nhận biết một số màu cơ bản (màu đỏ, vàng, xanh), kích thước (to-nhỏ), hình dạng (hình tròn, hình vuông), vị trí trong không gian (trên-dưới, trước-sau) so với bản thân trẻ

- Kết quả mong đợi: Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật quen thuộc. Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu vàng/đỏ/xanh theo yêu cầu. Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu

- Bám sát với quan điểm tích cực hóa-lấy trẻ làm trung tâm
- Dựa vào điều kiện thực tế và phù hợp với trường, lớp, địa phương
- Kết quả phân tích thực trạng sử dụng các biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ 24-36 tháng.

3.2. Biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ 24-36 tháng

Các biện pháp mà chúng tôi xây dựng căn cứ vào cơ sở lí luận, cơ sở thực tiễn và nguyên tắc xây dựng biện pháp tổ chức HĐVĐV, các biện pháp có mối quan hệ chặt chẽ, bổ sung cho nhau và thống nhất trong quá trình tổ chức HĐVĐV. GV nên linh hoạt, phối hợp sử dụng một cách sáng tạo các biện pháp tổ chức, hướng dẫn dựa trên khả năng và nhu cầu phát triển của trẻ. Quan trọng hơn hết là phải phù hợp điều kiện thực tế của trường, lớp, địa phượng và phù hợp với điều kiện đặc điểm tâm sinh lí của trẻ 24-36 tháng.

3.2.1. Biện pháp xây dựng kế hoạch tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG

❖ **Mục đích yêu cầu**: Thông qua tổ chức các nội dung HĐVĐV (*hành động công cụ, hành động thiết lập mối tượng quan, hành động nhận biết và phân biệt màu sắc, hình dạng, kích thước*) sẽ giúp trẻ hình thành và phát triển TG

❖ **Cách sử dụng:** GV sử dụng biện pháp này kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch nhằm giúp trẻ nắm được các thuộc tính (màu sắc, hình dạng, kích thước) của đồ vật. (xem chi tiết ở phụ lục 7)

❖ **Điều cần lưu ý:** GV lưu ý cần xây dựng các kế hoạch tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG dựa trên hình thức và mục đích tổ chức HĐVĐV là hoạt động thao tác với đồ vật mới hoặc hoạt động và trò chơi củng cố, luyện tập. Phù hợp với khả năng và hứng thú của trẻ. Sử dụng các vật liệu dạy đa dạng, gần gũi với trẻ.

❖ **Ví dụ :**Tổ chức HĐVĐV nhằm mục đích nhận biết chuẩn hình dạng của đồ vật, phát triển hành động thiết lập mối tượng quan

- *Trong hoạt động trẻ thao tác với đồ vật mới, trẻ thực hiện hành động TG lần đầu.*

+ GV cần sử dụng vật mẫu khi tổ chức giờ học. Hướng dẫn trẻ TG trực tiếp bằng tay, thử-sai, đặt cạnh, đặt chồng, sờ đường viền của đồ vật, đồ chơi để kiểm tra nhận thức về hình dạng đồ vật

+ Sử dụng đồ vật đồ vật, đồ chơi có hình dạng rõ ràng để dạng về hình dạng. Ví dụ: Sử dụng trái banh, quả cầu để dạy cho trẻ biết hình tròn .

+ Gọi tên hình dạng đồ vật bằng từ chính xác. Ví dụ: bánh xe, cái đĩa hình tròn, cái khăn hình vuông..vv…v.

+ GV cần dạy hình dạng đồ vật một cách đa dạng: sờ tay, lăn, ôm bằng hai tay, dấu trong lòng bàn tay..vv..vv để trẻ nắm được các đặc điểm của quả cầu: hình *tròn, có khả năng di chuyển.*

- *Trong hoạt động và trò chơi củng cố, luyện tập*

+ Trong các trò chơi, GV nhắc lại tên các hình và đặc điểm của đồ vật. Ví dụ: Trái banh hình tròn, lăn đi rồi lăn lại…vv..v..Việc nhắc lại đó sẽ hướng sự chú ý của trẻ vào đặc điểm của hình dạng trái banh, củng cố biểu tượng về hình dạng.

+ Sử dụng các bài tập luyện tập để làm sâu sắc sự hiểu biết về vai trò của hình dạng trong các đồ vật thường dùng hằng ngày, trong các hoạt động tạo hình, trong nghệ thuật..v..vv..

- *Trong hoạt động bổ sung, nâng cao khi trẻ đã có nhận thức cơ bản về hình dạng của đồ vật.*

+ GV tổ chức giờ học mà không cần sử dụng vật mẫu. Tổ chức các hoạt động trò chơi phân biệt đồ vật theo hình dạng. Hoặc phân biệt đồ vật có hình dạng tròn, vuông theo màu sắc. Sự phức tạp hóa này mang lại tính đa dạng cho trò chơi, giờ học, làm giàu thêm biểu tượng.

+ Dạy cho trẻ đồ vật khác nhau, tên gọi khác nhau nhưng có chung 1 đặc điểm hình dạng. Ví dụ: Bánh xe, trái banh là hai vật khác nhau, tên gọi khác nhau nhưng chung 1 đặc điểm là hình tròn và đều lăn qua, lăn lại.

+ GV gọi tên hình này hay hình khác và đề nghị trẻ gọi tên những đồ vật có hình dạng tương ứng. Ví dụ: Vật gì có hình vuông? (nhà, cái hộp..vv…v)

3.2.2. Biện pháp xây dựng môi trường đồ dùng, đồ chơi đảm bảo tính năng động nhằm phát triển TG cho trẻ

❖ **Mục đích yêu cầu:** Trẻ học hỏi thông qua việc hoạt động, việc chơi với đồ vật-đồ chơi. Giúp trẻ cảm thấy thích thú, tạo điều kiện cho trẻ cảm giác mới mẻ, khơi gợi tính tò mò, sáng tạo, tăng hứng thú tích cực tham gia hoạt động.

❖ **Cách sử dụng:** GV xây dựng môi trường, sắp xếp đồ dùng, đồ chơi đảm bảo tính năng động nhằm phát triển TG cho trẻ qua môi trường hoạt động trong phòng nhóm/lớp.

❖ **Điều cần lưu ý:** Trẻ lứa tuổi 24-36 tháng về ý tưởng chơi thường mờ nhạt, chưa ổn định nên GV cần trang bị thêm các tranh, mẫu mô hình, các hướng dẫn để kích thích sự sáng tạo và thêm nhiều gợi ý, ý tưởng cho trẻ. Đồ chơi cần có hình thức giúp hình thành khái niệm, biểu tượng và kĩ năng cần thiết cho trẻ; tốt hơn nữa nếu đồ chơi có khả năng phản ánh văn hóa dân tộc, giáo dục thị hiếu nghê thuật.

❖ **Ví dụ:**

- *Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng/lớp*

+ Một món đồ chơi, đồ vật hoặc góc chơi đảm bảo tính năng động và có khả năng kích thích tính tích cực của trẻ khi nó chứa đựng nhiều đặc điểm như: Màu sắc, hình dạng, hoa văn. Phát ra âm thanh vui nhộn .Thao tác bằng nhiều cách khác nhau, dễ dàng thao tác. Cấu tạo đa năng và dễ dàng triển khai ý tưởng chơi

- *Hoạt động góc:*

+ Tính năng động của đồ dùng, đồ chơi còn thể hiện ở giá trị sử dụng hiệu quả. Món đồ chơi có thể chơi ở nhiều góc, hoạt động khác nhau đem lại hiệu quả kinh tế, tránh lãng phí. Ví dụ: Bộ đồ chơi khối gỗ, ở góc xây dựng trẻ dùng khối gỗ để xếp hàng rào nhưng ở trò chơi sắm vai thì khối gỗ trở thành xà phòng để tắm cho búp bê. Ví dụ: Từ vật liệu là cây que trong hoạt động góc được sử dụng ở trò chơi phát triển TG tính trọn vẹn của đối tượng "Ghép hình con vật từ cây que" nhưng ở góc tạo hình có thể sử dụng cây que để tạo nên các hình hình học.

- *Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời*

+ Ví dụ: GV giấu hình các con vật ở xung quanh góc chơi. Trẻ tìm và phân loại hình con vật theo kích thước to-nhỏ hoặc trong hoạt động ngoài trời, GV sử dụng

trò chơi "Vịt lạc đường" với mục tiêu phân biệt màu vàng-đỏ được tiến hành như sau cô thả vịt nhựa trong thau nước yêu cầu trẻ tìm nhà cho vịt theo màu (vàng-đỏ)

3.2.3. Biện pháp sử dụng trò chơi nhằm phát triển TG

❖ **Mục đích yêu cầu:** Trò chơi nhằm phát triển TG là các trò chơi như trò chơi nặn bột, trò chơi lắp ráp, xếp hình, xâu hạt, trò chơi vận động, cát, nước phù hợp với độ tuổi, trong mỗi trò chơi có mục đích rõ ràng về nội dung hoặc kĩ năng mà trẻ cần đạt như: nhận biết và phân biệt *màu sắc, hình dạng, kích thước, mối tương quan của sự vật*..Môi trường trò chơi trẻ sẽ nhớ lâu hơn và cảm thấy thích thú trong hoạt động, giúp cho trẻ tiếp thu kiến thức một cách nhẹ nhàng, gần gũi (xem chi tiết ở phụ lục 10)

❖ **Cách sử dụng :** Một trò chơi có chứa nội dung, nhiệm vụ rõ ràng sẽ giúp trẻ tăng cường khả năng ghi nhớ các đặc điểm nổi bật của đồ vật, dễ dàng trong việc gọi tên và phân biệt chức năng, công dụng hoặc mối tương quan giữa đồ vật này với đồ vật khác.

❖ **Cần lưu ý:** GV nên sử dụng các từ ngữ dễ hiểu, câu nói ngắn gọn để giải thích nhiệm vụ của trò chơi, cách chơi món đồ chơi

- Mở rộng môi trường, hình thức tổ chức các trò chơi để trẻ cảm thấy mới lạ và thích thú

- GV cần tổ chức các trò chơi một cách linh hoạt, lồng ghép khéo léo, nhẹ nhàng. Các trò chơi có thể là hoạt động chính trong giờ chơi-tập chủ đích hoặc chỉ là một hoạt động nhỏ trong giờ chơi, giờ sinh hoạt của trẻ.

❖ **Ví dụ:**

- Các đồ chơi mà GV sử dụng trong trò chơi cần chứa nội dung chính trong giờ hoạt động cần cụ thể, rõ ràng về màu sắc, hình dạng, kích thước. Những đồ chơi sử dụng trong trò chơi cần nổi bật mục đích chính mà GV muốn trẻ đạt được, tránh lồng ghép hoặc thêm nhiều chi tiết thừa. Ví dụ: Mục đích của trò chơi là giúp trẻ "*phân biệt màu vàng-đỏ"* với yêu cầu trò chơi là dán hình tròn có màu đỏ vào cột đỏ và dán hình tròn có màu vàng vào cột vào màu vàng việc sử dụng hình tròn cho cả hai màu vàng-đỏ sẽ giúp trẻ chú ý đến màu và phân biệt hai màu vàng-đỏ, làm

rõ mục đích của trò chơi. Tránh sử dụng những biểu tưởng khác như bông hoa màu vàng-đỏ hoặc lồng ghép quá nhiều nội dung, kĩ năng trong cùng một trò chơi.

- Trò chơi cần chứa đựng nhiệm vụ, mục đích mà GV mong muốn trẻ đạt được một cách rõ ràng và cách chơi GV có thể thay đổi nhiều hình thức, môi trường chơi phù hợp đặc điểm TG .Ví dụ: Trò chơi vận động "Bé tìm đúng màu" với mục đích là "Nhận biết 3 màu:đỏ, xanh, vàng" và có nhiều cách chơi khác nhau: *"Bé hãy chọn trái banh có màu giống cái cửa này và lăn trái banh đến cửa đó" hoặc"Hôm nay, bạn nào mặc áo màu đỏ (xanh, vàng) hãy về góc có lá cờ* màu *đỏ(xanh, vàng) kia", "Hãy tìm xung quanh lớp mình và dán hình tròn vào vật có hình tròn (hình vuông)…*

- Mở rộng môi trường

+ Hoạt động ngoài trời: Trò chơi "Bóng của các con vật" với mục đích phát triển hành động thiết lập mối tương quan, nhận biết kích thước to-nhỏ. Chuẩn bị: Các con vật bằng nhựa và giấy A4. Tiến hành: ánh nắng sẽ soi bóng của con vật lên giấy và cho trẻ quan sát. Sau đó dùng bút để viễn theo bóng các con vật.

+ Hoạt động góc: Trò chơi: "Chọn màu phù hợp" với mục đích nhận biết và phân biệt màu sắc. Phát triển thao tác dùng kẹt giấy, vặn nắp chai. Chuẩn bị:
kẹt giấy có ba màu hoặc nắp chai đủ màu. Tiến hành: trẻ nhận biết và lựa chọn kẹt giấy, nắp chai theo màu

3.2.4. Biện pháp tạo hứng thú, kích lệ trẻ thể hiện khả năng, sở thích trong HĐVĐV nhằm phát triển TG

❖ **Mục đích yêu cầu**: Tạo cơ hội cho trẻ được thể hiện khả năng chính là tạo ra cơ hội cho trẻ được tự mình thử-sai chính hành động của mình, được tự lựa chọn cách chơi, được tự do chơi theo hứng thú và sở thích của mình. Khi đó, được hoạt động theo suy nghĩ, sở thích, trẻ sẽ cảm thấy được tôn trọng, tự tin và là nền tảng cho sự phát triển tính độc lập. Việc để trẻ tự thể hiện bản thân mình cũng chính một điều kiện tốt để trẻ trải nghiệm những kiến thức, kỹ năng, bộc lộ những ưu điểm, khuyết điểm của trẻ. Thông qua đó, giúp GV đánh giá được sự phát triển tâm lí của trẻ.

❖ **Cách sử dụng**: Biện pháp tạo hứng thú, kích lệ trẻ thể hiện khả năng, sở thích trong HĐVĐV nhằm phát triển TG được sử dụng trong suốt quá trình trẻ HĐVĐV. Trong quá trình trẻ tham gia hoạt động GV nên quan sát từng nhóm chơi và ghi chú lưu ý nếu cá nhân trẻ có biểu hiện đặc biệt, tiến bộ hoặc những hành vi không tốt.

❖ **Cần lưu ý**

- Để thực hiện tốt biện pháp, GV nên dành thời gian ngắn để trò chuyện, đưa ra gợi ý về chủ đề chơi trong hoạt động ổn định. Lần lượt giới thiệu các góc chơi, tên gọi của trò chơi-đồ chơi mới và hỏi ý kiến xem trẻ nào muốn hoạt động trong góc nào, muốn chơi bộ đồ chơi nào. Khi đã thỏa thuận và thống nhất về các góc chơi, GV cho từng nhóm trẻ về góc chơi hoặc đến lấy bộ trò chơi về nhóm mình.Và để tránh trường hợp trẻ tranh giành nhau hoặc nhiều trẻ chọn cùng một góc chơi, một bộ đồ chơi thì GV nên chuẩn bị số lượng vừa đủ với số lượng trẻ trong lớp, đưa ra gợi ý khéo léo để trẻ có sự lựa chon khác.
- Sau khi trẻ đã vào các góc chơi, GV nên để cho trẻ được tự khám phá, suy nghĩ cách chơi.Cần tránh hướng dẫn một cách cụ thể các bước chơi, cách chơi ngay từ ban đầu, sẽ làm giảm sự hứng thú và tò mò. Khi trẻ được tự hoạt động, trẻ có thể sáng tạo ra nhiều cách chơi khác nhau, kích thích những tiềm năng khác trong bản thân trẻ.
- Đối với những trường hợp trẻ không biết cách thức hành động, thì GV cần đưa ra gợi ý, hướng dẫn khéo léo, nhẹ nhàng tránh việc trẻ chơi không đúng mục đích.
- Khi trẻ mắc sai lầm, hãy để trẻ tự khắc phục khó khăn dưới sự hỗ trợ của GV. Nên sửa sai cho trẻ bằng hành động thực tế để trẻ thấy rõ được hành động sai của mình. Đừng quát mắng, khiến trẻ sợ hãi, dẫn tới tâm lý sợ làm sai, mất đi sự tự tin vào bản thân lau ngày sẽ dẫn đến hành vi che giấu hành vi sai trái của mình.
- Khi trẻ làm được một hành động đúng, hoàn thành tốt trò chơi hoặc thậm chí là có chút tiến bộ hơn so với những lần hoạt động trước thì GV cần khen ngợi, kích lệ trẻ cả về thành quả lẫn quá trình nỗ lực trẻ đạt được thành quả đó.

❖ **Ví dụ**

- *Tạo hứng thú bằng phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích, tạo tình huống có vấn đề)*

+ GV tạo ra tình huống: Khi thu hoạch xong bạn gấu không biết phân loại trái táo theo màu. Bây giờ các con hãy giúp bạn gấu phân loại trái táo xanh, vàng, đỏ vào đúng tổ màu xanh, vàng, đỏ

+ GV kể các mẫu truyện tạo hứng thú cho trẻ trước khi hoạt động. Các mẫu truyện kể phải ngắn gọn, phù hợp lứa tuổi 24-36 tháng

3.2.5. Biện pháp đánh giá quá trình trẻ HĐVĐV

❖ **Mục đích yêu cầu:** Việc đánh giá toàn bộ quá trình trẻ tham gia HĐVĐV nhằm giúp GV đánh giá một cách tổng thể các mặt phát triển,các tiến bộ của trẻ. Việc đánh giá quá trình hoạt động là đánh giá không chỉ dựa vào sản phẩm, hay kết quả của hành động mà là đánh giá suốt cả quá trình trẻ tham gia hoạt động, ở thời điểm chuẩn bị trước hoạt động, trong và sau hoạt động. Việc đánh giá toàn bộ quá trình hoạt động của trẻ, giúp GV có thể nhìn nhận những mặt phát triển khác của trẻ bên cạnh những yêu cầu,mục đích cần đạt chính trong hoạt động đó. GV có thể tham khảo bảng tiêu chí đánh giá mức độ phát triển TG (Phụ lục 3) mà chúng tôi đã nghiên cứu soạn thảo kết hợp để đánh giá và nhận xét trẻ.

❖ **Cách sử dụng**

- Dựa vào bảng tiêu chí đánh giá mức độ phát triển TG để đánh giá cụ thể mức độ phát triển TG của từng trẻ.

- GV quan sát và đánh giá toàn bộ quá trình trẻ tham gia hoạt động. Ngay cả thời điểm trước hoạt động, GV cũng cần lưu ý những biểu hiện,thái độ của trẻ, có tích cực tham gia hoạt động hoặc giúp cô chuẩn bị những đồ dùng,vật dụng

- Đánh giá trẻ trong quá trình trẻ hoat động, những hành động, cách trẻ giao tiếp với trẻ khác có những tiến bộ so với hoạt động trước hay không, mức độ phát triển hành động cần có những lưu ý như thế nào, GV có thể quan sát và ghi chép để có những điều chỉnh hợp lí. Trong quá trình hoạt động, GV đưa ra hỗ trợ, hướng dẫn đối với những trẻ gặp khó khăn, còn lúng túng hoặc động viên những trẻ không tham gia hoạt động. Quan sát trong lúc trẻ hoạt động, dành lời khen, khích lệ với

những cá nhân trẻ có sự sáng tạo hoặc tiến bộ. Lưu ý đưa ra lời hướng dẫn, động viên nhẹ nhàng tránh làm trẻ mất đi sự tư tin hoặc dành lời khen một cách khéo léo để tránh làm ảnh hưởng đến các trẻ khác.

- Đánh giá sau quá trình hoạt động, GV đánh giá và nhận xét dựa vào sản phẩm hoặc kết quả hành động. Đưa ra lời nhận xét, đánh giá ngắn gọn, GV cần nêu rõ, chỉ rõ những hành động cụ thể mà trẻ làm tốt, hoặc sản phẩm mà trẻ làm có sự khác biệt sáng tạo như thế nào. Tránh lời nhận xét không rõ ràng, hoặc dành quá nhiều lời khen cho một cá nhân. Đối với những trẻ hành động chưa làm tốt, thì tổ chức thêm giờ ôn luyện, tránh nhận xét trước cả lớp.

3.3. Tổ chức thực nghiệm các biện pháp

3.3.1. Mục đích thực nghiệm

Chúng tôi tiến hành thực nghiệm nhằm mục đích kiểm chứng hiệu quả giáo dục của các biện pháp tổ chức HĐVĐV được xây dựng phù hợp với đặc điểm phát triển TG của trẻ 24-36 tháng được đề xuất

3.3.2. Thời gian và địa điểm thực nghiệm

Từ tháng 2/2018 đến tháng 5/2018 ở trường mầm non Họa Mi huyện Nhà Bè.

3.3.3. Nội dung thực nghiệm

Nội dung thực nghiệm được chúng tôi tiến hành thực hiện thông qua các hình thức tổ chức HĐVĐV bao gồm: giờ chơi góc và giờ hoạt động có chủ đích. Chúng tôi tiến hành phối hợp một cách linh hoạt các biện pháp đề xuất trong nghiên cứu này nhằm phát triển TG cho trẻ.

3.3.4. Khách thể thực nghiệm

Khách thể thực nghiệm được chọn ở 2 lớp tại trường mầm non Họa Mi huyện Nhà bè với số lượng trẻ là 20 trẻ bao gồm 2 nhóm:

- Nhóm 1 (10 trẻ lớp Gấu Bông): Nhóm đối chứng (NĐC)
- Nhóm 2 (10 trẻ lớp Gấu Misa): Nhóm thực nghiệm (NTN)

Chúng tôi lựa chọn trường và lớp ngẫu nhiên để tăng hiệu quả khi thực nghiệm và giới hạn mỗi nhóm 10 trẻ để quan sát và theo dõi từng biểu hiện phát triển TG cụ thể nhất. Số lượng trẻ ở mỗi lớp cũng được chọn ngẫu nhiên theo danh sách GV lớp cung cấp.

3.3.5. Phương pháp thực nghiệm

❖ **Phương pháp xử lí số liệu (định tính)**

- Xác định chủ đề phân tích
- Đọc dữ liệu và lập cơ sở mã hoá
- Thiết lập tiêu chuẩn để chọn lọc dữ liệu
- Sắp xếp dữ liệu theo chủ đề
- Đếm dữ liệu ở mỗi chủ đề, chọn lọc dữ liệu
- Liên hệ kết quả với lí thuyết, phân tích và lý giải kết quả

❖ **Phương pháp xử lý số liệu (định lượng)**

Sử dụng phần mềm SPSS 20.0 để xử lí số liệu thu thập và hệ số T-test để kiểm nghiệm hiểu quả khác biệt giữa hai nhóm ĐC và TN.

3.4. Kế hoạch thực nghiệm

3.4.1. Điều kiện thực nghiệm

Thực nghiệm được tiến hành trong tại môi trường lớp học hằng ngày của trẻ. Sự khá biệt giữa NĐC và NTN

- *Nhóm đối chứng:* GV tự soạn kế hoạch, giáo án và tổ chức hoạt động về hình thức, biện pháp như thường ngày mà GV vẫn tổ chức. Trẻ sẽ vẫn hoạt động theo kế hoạch hằng ngày của GV.
- *Nhóm thực nghiệm:* Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho GV về nội dung biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ. GV sẽ soạn giáo án, chuẩn bị đồ dùng dạy học với hình thức, biện pháp mà chúng tôi đề ra

3.4.2. Chuẩn bị thực nghiệm

3.4.2.1. Đối tượng thực nghiệm và địa bàn

- Đối tượng thực nghiệm là 20 trẻ có sự tượng đồng về độ tuổi (24-36 tháng) và mức độ phát triển nhận thức

- Thu thập thông tin chung của trẻ (tên, tuổi, giới tính, quá trình phát triển). Các thông tin được kiểm tra, quan sát thực tế quá trình hoạt động của trẻ.

- Địa điểm thực nghiệm: Tiến hành thực nghiệm tại trường mầm non Họa Mi huyện Nhà bè

3.4.2.2. Bồi dưỡng chuyên môn cho GV thực nghiệm

- Trao đổi với GV về chi tiết kế hoạch thực nghiệm, củng cố và bồi dưỡng về nội dung, mục đích, quy trình

- Bồi dưỡng GV về nội dung thực nghiệm như:

  - Đặc điểm TG và những biểu hiện phát triển TG trong HĐVĐV
  - Hướng dẫn GV lập kế hoach (Phụ lục 10), đánh giá biểu hiện phát triển TG.

3.5. Tiến trình thực hiện

3.5.1. Kế hoạch cụ thể

Bảng 3.1. Kế hoạch thực hiện cụ thể

STT	Nội dung	Phương pháp
1	**Giai đoạn 1: Đo trước thực nghiệm**	- Sử dụng bài tập đo (Phụ lục 6) để đánh giá mức độ phát triển TG
2	**Giai đoạn 2: Áp dung biện pháp thực nghiệm** ❖ Hướng dẫn GV cách thức tổ chức ❖ Đánh giá sự tiến bộ của trẻ ❖ So sánh giữa NĐC và NTN để làm rõ kết quả quá trình thực nghiệm	- Bồi dưỡng chuyên môn - GV tổ chức HĐVĐV theo đặc điểm TG (Phụ luc10) - Sử dụng bài tập đo
3	**Giai đoạn 3: Đánh giá quá trình thực nghiệm** ❖ Đánh giá mức độ phát triển TG tại thời điểm kết thúc thực nghiệm	- Dựa vào kết quả đo đầu ra - Đánh giá của GV

3.5.2. Đo trước thực nghiệm

Sử dụng bài tập khảo sát để đo đầu vào trước thực nghiệm để xác định mức độ phát triển TG của trẻ NTN và NĐC. Đánh giá bằng bảng đo mức độ phát triển TG bằng tiêu chí và thang đo mức độ. Tiêu chí 1,2,3,4,5 được đánh giá bằng bài tập

1,2,3,4,5 (Phụ lục 6) tương đương từng tiêu chí, riêng tiêu chí 6,7 để đánh giá quá trình trẻ thực hiện bài tập. Tổng cộng có 7 tiêu chí và 11 biểu hiện, bảng tiêu chí đánh giá được trình bày ở (Phụ lục 3)

Chúng tôi dự giờ quan sát trẻ trong các hoạt động chủ đích, giờ chơi ở các góc trong lớp

3.5.3. Tiến hành thực nghiệm

Củng cố và bồi dưỡng GV về đặc điểm phát triển TG trong tổ chức HĐVĐV của trẻ 24-36 tháng

Thống nhất mục đích, nội dung thực nghiệm và GV soạn giáo án tổ chức HĐVĐV vận dụng các biện pháp (Phụ lục 10).

3.5.4. Đánh giá sau thực nghiệm

So sánh kết quả giữa NĐC và NTN để làm rõ kết quả của quá trình thực nghiệm

Quan sát và ghi chép quá trình GV sử dụng các biện pháp trong các giờ hoạt động. Đánh giá biểu hiện phát triển TG của trẻ.

3.6. Kết quả thực nghiệm

3.6.1. Nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm trước thực nghiệm

3.6.1.1Kết quả tổng điểm các tiêu chí đánh giá mức độ phát triển TG của trẻ NĐC và NTN trước thực nghiệm

Chúng tôi tiến hành cho trẻ thực hiện 5 bài tập (Phụ lục 6) đánh giá mức độ phát triển TG và kết hợp với dự giờ hoạt động chơi-tập có chủ đích, hoạt động chơi của cả 2 nhóm. Kết quả được tính bằng tổng điểm của 7 tiêu chí, mỗi tiêu chí có từ 1 đến 2 biểu hiện, từng tiêu chí được đánh giá bằng bài tập thể hiện trong phiếu đánh giá mức độ phát triển TG được trình bày ở (Phụ lục 3). Số liệu được thống kê và phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0 nhằm kiểm định độ chính xác tin cậy về kết quả thực hiện các bài tập của NĐC và NTN trước thực nghiệm và sử dụng công cụ T-Test để kiểm tra sự tin cậy mức độ chênh lệch ý nghĩa kết quả thực hiện bài tập của 2 nhóm trước thực nghiệm. Kết quả so sánh tổng điểm của trẻ NĐC và NTN trước thực nghiệm thực hiện các bài tập được trình bày ở bảng 3.2 và bảng số liệu điểm từng biểu hiện cụ thể của 2 nhóm ở (Bảng 3.2.1-Phụ luc 9)

Bảng 3.2. Kết quả tổng điểm mức độ phát triển TG của trẻ NĐC và NTN trước thực nghiệm

CÁC TC	Nhóm	Mức độ phát triển TG						ĐTB	Độ lệch chuẩn	Kiểm nghiệm t
		Thấp		Trung Bình		Cao				
		N	%	N	%	N	%			
TỔNG ĐIỂM	ĐC	4	40%	6	60%	0	0	1.60	0.516	**0.449**
	TN	3	30%	6	60%	1	10%	1.80	0.632	

Nhìn vào bảng 3.2 cho thấy **Kiểm nghiệm t (Sig-2 tailed**) của NĐC và NTN trước thực nghiệm là **Sig=0.449 > 0.05 chứng tỏ giữa 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm là không có ý nghĩa và không có sự khác biệt về mức độ phát triển TG của trẻ cả 2 nhóm ở thời điểm ban đầu trước khi áp dụng các biện pháp đối với NTN**. Cụ thể ở bảng 3.2.1 (Phụ lục 9) giá trị Sig 2-tailed của từng biểu hiển giữa NĐC và NTN đều > 0.05 **chứng tỏ trung bình mẫu của hai mẫu là tương đương với độ tin cậy là 95**%. Bên cạnh đó, kết quả của 2 nhóm trước thực nghiệm đều đạt ở mức độ "trung bình" là 60%. Cụ thể là NĐC đạt điểm trung bình là 1.60 và NTN là 1.80 có thể thấy độ chênh lệnh không cao. Chính vì thế, dựa theo kết quả đã phân tích trên có độ tin cậy cao và mức độ phát triển TG của 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm là tương đương nhau

3.6.1.2. Kết quả của từng tiêu chí đánh giá mức độ phát triển TG của trẻ NĐC và NTN trước thực nghiệm

Để nhận định rõ hơn kết quả tổng điểm mức độ phát triển TG ở mục 3.6.1.1 chúng tôi tiến hành phân tích đánh giá mức độ phát triển TG của trẻ 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm dựa theo phiếu kết quả đánh giá của trẻ và kết hợp với quan sát trong quá trình trẻ thực hiện bài tập, phân tích và mô tả cụ thể kết quả mức độ phát triển TG, điểm trung bình và kiểm nghiệm t của 2 nhóm trong 7 tiêu chí được đánh giá qua 5 bài tập (Phụ lục 6). Nội dung tên các tiêu chí và biểu hiện phát triển TG được trình bày chi tiết ở (Phụ lục 3). Chi tiết số liệu so sánh điểm từng tiêu chí

của 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm được trình bày cụ thể ở Bảng 3.2.1 (Phụ lục 9)

Bảng 3.3. So sánh kết quả từng tiêu chí được đánh giá qua bài tập phát triển TG của trẻ NĐC và NTN trước thực nghiệm

CÁC TC	Biểu hiện	Nhóm	Mức độ phát triển TG						ĐTB
			Thấp		Trung Bình		Cao		
			N	%	N	%	N	%	
TC 1 (BT 1)	1	NĐC	7	70%	2	20%	1	10%	1,40
		NTN	4	40%	4	40%	2	20%	1,80
	2	NĐC	6	60%	3	30%	1	10%	1,50
		NTN	5	50%	4	40%	1	10%	1,60
TC 2 (BT 2)	3	NĐC	8	80%	2	20%	0	0%	1,20
		NTN	6	60%	4	40%	0	0%	1,40
TC 3 (BT 3)	4	NĐC	7	70%	3	30%	0	0%	1,30
		NTN	6	60%	4	40%	0	0%	1,40
	5	NĐC	6	60%	4	40%	0	0%	1,40
		NTN	5	50%	5	50%	0	0%	1,50
TC 4 (BT 4)	6	NĐC	5	50%	5	50%	0	0%	1,50
		NTN	5	50%	4	40%	1	10%	1,60
	7	NĐC	7	70%	3	30%	0	0%	1,30
		NTN	6	60%	4	40%	0	0%	1,40
TC 5 (BT 5)	8	NĐC	7	70%	3	30%	0	0%	1,30
		NTN	5	50%	5	50%	0	0%	1,50
TC 6	9	NĐC	8	80%	2	20%	0	0%	1,20
		NTN	6	60%	3	30%	1	10%	1,50
	10	NĐC	8	80%	2	20%	0	0%	1,20
		NTN	7	70%	3	30%	0	0%	1,30
TC 7	11	NĐC	7	70%	3	30%	0	0%	1,30
		NTN	6	60%	4	40%	0	0%	1,40

a) Tiêu chí 1: Nhận biết chuẩn màu sắc đánh giá qua bài tập 1

Biểu hiện 1: Nhận biết và phân biệt 3 màu: màu vàng, đỏ, xanh dương và biểu hiện 2: Gọi tên màu sắc 3 màu: màu vàng, đỏ, xanh dương

Ở biểu hiện 1: Nhận biết và phân biệt 3 màu: màu vàng, đỏ, xanh dương, ĐTB của NĐC là 1.40 và NTN là 1.80 chênh lệch nhiều 0.20, số lượng trẻ đạt mức độ "thấp" của NĐC chiếm số lượng cao đến 70%, đáng chú ý là ở NĐC là 2 trẻ đạt được mức độ cao chiếm 20%. Biện hiện 2: Gọi tên màu sắc 3 màu: màu vàng, đỏ, xanh dương, độ chênh lệch ĐTB và số lượng trẻ đạt mức độ cao, trung bình, thấp của 2 nhóm là tương đương nhau. Chúng tôi phân tích cụ thể như sau:

+ *Nhóm trẻ đạt mức độ thấp*: Ở mức độ này, trẻ khi thực hiện bài tập thường không nhận biết được 3 màu đỏ xanh, vàng, có vài trẻ không trả lời, chỉ ngồi im lặng. Ở biển hiện 2 "gọi tên màu sắc 3 màu", trẻ thường gọi tên xác định sai màu sắc. Tỉ lệ này ở 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm chiếm rất cao hơn 50%

+*Nhóm trẻ đạt mức độ trung bình*: Trẻ ở mức độ này, chủ yếu nhận biết chính xác được từ 1 đến 2 màu, nhưng còn nhầm lẫn trong lúc thực hiện bài tập 1 ở lần 2. Trẻ cũng gọi tên nhầm lẫn giữa 3 màu, hoặc gọi tên chính xác một cách ngẫu nhiên. Ví dụ, ở lần 1, khi được hỏi trẻ gọi đó là "màu vàng", nhưng ở lần 2 trẻ nhầm lẫn gọi là "màu xanh". Số lượng trẻ ở mức độ trung bình ở cả 2 nhóm tương đương nhau, chiếm khá cao đến 40%.

+*Nhóm trẻ đạt mức độ cao*: Ở nhóm này, trẻ thường nhận biết, xác định chính xác cả 3 màu trong 2 lần làm bài tập, biểu hiện 2"gọi tên 3 màu" trẻ gọi tên chính xác, không mất nhiều thời gian để nhận biết gọi tên.Tuy nhiên tỉ lệ này cả hai nhóm đối chứng và thực nghiệm đều chiếm không cao chỉ 20% ở NTN.

b) **Tiêu chí 2: Nhận biết chuẩn hình dạng (theo hành động TG)**

Biểu hiện 3: Nhận biết và phân biệt rõ ràng hình vuông, hình tròn theo hành động TG (3)

Đa số trẻ ở 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm đều đạt ở mức độ *"thấp",* NĐC là 80% và NTN là 60%. Có thể nhận thấy là bài tập này trẻ thực hiện lúng túng, gặp khó khăn. Cụ thể như sau:

+ *Nhóm đạt mức độ thấp*: Tiêu chí 2 được đánh giá qua bài tập 3 *"Khuôn thủng*" khá mới so với trẻ, trẻ thường đạt ở mức độ hành động *"thử-sai", dùng tay* nhấn mạnh, cố gắng đè hình vào khuôn thủng, hoặc có trẻ không thực hiện bài tập,thực hiện sai mắc nhiều lỗi. Mức độ này chiếm tỉ lệ cao là 80%

+*Nhóm đạt mức độ trung bình*: Quan sát trẻ ở nhóm đạt mức độ *"trung bình"* thường có cố gắng thực hiện bài tập sau khi được GV hướng dẫn, trẻ có hành động *"đặt cạnh"* vào khuôn thủng, ướm thử và sau đó để đúng hình tròn, hình vuông vào khuôn thủng. Nhưng tỉ lệ ở mức độ *"trung bình"* của 2 nhóm là không cao chỉ NĐC là 20%, NTN là 40%

+*Nhóm đạt mức độ cao*: Ở mức độ *"cao"* trẻ hành động "*bằng mắt",* nhận biết hình tròn, hình vuông ngay lập tức mà không qua hành động "thử-sai" hoặc "đặt cạnh, ướm thử". Tuy nhiên, ở cả 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm đều không có trẻ nào đạt được mức độ *"cao"* trong tiêu chí 2.

c) **Tiêu chí 3: Nhận biết chuẩn hình dạng đánh giá qua bài tập 3**

Biểu hiện 4: Nhận biết và phân biệt rõ ràng hình vuông, hình tròn; biểu hiện 5: Gọi tên hinh tròn, hình vuông

Số liệu của tiêu chí 3 của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm, qua đó độ chênh lệch ĐTB của 2 nhóm là không nhiều là 0.10. Ở biển hiện 4 và 5, không có trẻ đạt mức độ "cao". Cụ thể từng mức độ:

+ *Nhóm trẻ đạt mức độ thấp*: Ở biểu hiện 4 và 5 nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm chiếm tỉ lệ cao là hơn 50%, khi thực hiện bài tập 3, đa số trẻ không xác định và gọi tên chính xác hình tròn, hình vuông. Ở NĐC có đến 7 trẻ chiếm 70% xác định không đúng và không gọi được tên hình tròn, hình vuông.

+ *Nhóm trẻ đạt mức độ trung bình*: Trẻ ở nhóm này, còn nhầm lẫn giữa hai hình, nhận biết khá lúng túng. Có trẻ nhận biết chính xác chỉ 1 hình vuông hoặc tròn. Biển hiện 5 *"gọi tên hình tròn, hình vuông"* trẻ gặp khó khăn trong việc gọi tên, gọi tên còn nhầm lẫn giữa 2 hình, hoặc chỉ gọi đúng tên 1 hình. Tỉ lệ ở mức độ "trung bình" của cả 2 nhóm là khá cao đến 50%

+ *Nhóm trẻ đạt mức độ cao*: Không có trẻ nào của NĐC và NTN đạt được mức độ "cao" chiếm tỉ lệ 0%. Vì số lượng trẻ ở cả 2 nhóm còn nhầm lẫn khá nhiều, chưa có sự phân biệt nhận biết chính xác.

d) **Tiêu chí 4: Nhận biết kích thước to-nhỏ đánh giá qua bài tập 4**

Biểu hiển 6: Nhận biết và phân biệt đồ vật to, nhỏ (6) và biểu hiện 7: Gọi tên đồ vật to, nhỏ (7)

Điểm trung bình của 2 nhóm chênh lệnh không nhiều là 0.10, mức độ *"thấp*", *"trung bình"* của cả 2 nhóm là gần tương đương nhau trên 50%. Ở biểu hiện 7 *"gọi tên kích thước to-nhỏ"* NTN chiếm tỉ lệ ở mức độ "thấp" là khá cao 70%. Cụ thể như sau:

+ Nhóm đạt mức độ thấp: Ở biểu hiện 6 và 7 cả nhóm đối chứng và thực nghiệm đều đạt tỉ lệ gần bằng nhau, không chênh lệnh nhiều. Ở bài tập 4, trẻ nhận biết và phân biệt và gọi tên đồ vật to-nhỏ chưa chính xác chiếm tỉ lệ cao đến 70%

+ Nhóm đạt mức độ trung bình: So với các tiêu chí trước, ở tiêu chí 4 số lượng trẻ đạt mức độ "*trung bình*" của cả 2 nhóm chênh lệnh nhau chỉ 1 trẻ, tỉ lệ của mức độ "trung bình" cũng thấp hơn chỉ 50%

+ Nhóm đạt mức độ cao: Trẻ của NĐC đạt mức độ "cao" là xác định và gọi tên chính xác kích thước to-nhỏ của đồ vật chiếm tỉ lệ thấp là 0%. Ở NTN có 1 trẻ đạt được ở mức độ *"cao"*.

***e)* Tiêu chí 5: Nhận biết đối tượng trọn vẹn đánh giá qua bài tập 5**

Biểu hiện 8: Nhận biết đối tượng qua vài dấu hiệu

Ở NĐC và NTN đạt mức độ *"thấp*" chiếm tỉ lệ cao là trên 50%, ĐTB của 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm cũng chênh lệnh nhau là 0.20. Cụ thể như sau:

+ *Nhóm đạt mức độ thấp:* Trẻ ở nhóm này đạt tiêu chuẩn "*Nhận biết sau khi hành động: trẻ nhận ra sự vật, đồ vật sau khi hoạt động"* có nghĩa là trẻ phải thực hiện xong hết bài tập mới nhận ra được đối tượng, trẻ ở nhóm này thường gặp nhiều khó khăn, ghép các mảnh ghép hay sai vị trí và mức độ này trẻ NĐC chiếm tỉ lệ cao hơn là 70% so với trẻ NTN là 50%.

+*Nhóm đạt mức độ trung bình*: Ở mức độ này, trẻ đạt tiêu chuẩn *"Nhận biết trong khi hành động: trẻ nhận ra sự vật, đồ vật trong khi hoạt động",* trẻ trong lúc thực hiện bài tập, ghép đến mảnh thứ 2 sẽ nhận ra được đó là hình con heo hoặc là hình ô tô, trẻ chỉ sai một vài lỗi nhỏ, ghép sai nhưng sau đó biết ghép lại cho đúng. Nhưng tỉ lệ này chiếm không cao, NĐC là 30%, NTN là 50%.

+ *Nhóm đạt mức độ cao:* Tiêu chí 5, ở cả 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm không có trẻ đạt được mức độ *"cao"* là đạt tiêu chuẩn *"nhận biết trước khi hành*

động: trẻ nhận ra sự vật, đồ vật trước khi hoạt động", không có trẻ nào nhận biết ngay sự vật khi chỉ thấy 1 mảnh ghép, không nói được tên sự vật, đồ vật.

***f)* Tiêu chí 6: Tính tích cực trong hoạt động**

Biểu hiện 9: Sự kiên trì và biển hiện 10: Độc lập trong hành động

Số liệu thể hiện ở biển hiện 9 và biểu hiện 10 cả NĐC và NTN chiếm tỉ lệ ở mức độ "thấp" là rất cao đến 80%. Cụ thể như sau:

+Nhóm đạt mức độ thấp: Ở biểu hiện 9: sự kiên trì thì tỉ lệ của NĐC là 80% cao hơn NTN là 60%, theo quan sát trong lúc trẻ thực hiện 5 bài tập thì đa số trẻ thiếu sự kiên nhẫn, trong lúc thực hiện nếu gặp khó khăn hoặc là sai trẻ sẽ dừng ngay hoạt động, không muốn tiếp tục thực hiện, bỏ ngang bài tập. Còn ở biểu hiện 10: Độc lập trong hành động, cả 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm cũng chiếm tỉ lệ cao là trên 70%, biểu hiện này được thể hiện rõ trong quá trình trẻ làm bài tập, trẻ thường nhờ cô giúp ngay, nhìn cô trông chờ sự giúp đỡ hoặc nhìn xung quanh các bạn, hoặc cũng có bé không làm tiếp bài tập.

+Nhóm đạt mức độ trung bình: Tỉ lệ của trẻ ở nhóm đạt mức "*trung bình*" không cao chiếm 30%. Trẻ ở nhóm này,chỉ tập trung, hứng thú tiếp tục bài tập đối với những bài có nội dung dễ như bài tập 1 "nhận biết và phân biệt 3 màu", trẻ thể hiện sự kiên trì, khi không thực hiện đúng bài tập trẻ có sự cố gắng nhưng đối với những bài tập mới và khó như bài tập 5 "nhận biết trọn vẹn" trẻ nhóm này sẽ không bỏ ngay nếu làm sai, có thử làm lại nhưng không còn sự hứng thú như ban dầu nữa.

+Nhóm đạt mức độ cao: Ở biểu hiện 9 và 10 cả 2 NĐC và NTN đều không có trẻ đạt được tiêu chuẩn cao nhất của biểu hiện 9 là "tr*ẻ thử nhiều lần để giải quyết vấn đề."* và biểu hiện 10 là "*Trẻ không nhờ giúp đỡ, độc lập giải quyết nhiệm vụ"*. Mức độ này, NTN có tỉ lệ là 10%, NTN chiếm là 0%.

***g)* Tiêu chí 7: Ý chí và kết quả đạt được**

Biểu hiện 11: Mong muốn đạt kết quả đúng

Thể hiện số liệu của tiêu chí 7, với kết quả ĐTB của NĐC và NTN chênh lệnh nhau là 0.10, số lượng trẻ chủ yếu đạt mức độ *"thấp"* chiếm tỉ lệ cao là trên 60%. Cụ thể như sau:

+ *Nhóm đạt mức độ thấp*: Trẻ của cả 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm đa số đạt ở mức độ "thấp" cụ thể là NĐC là 70%, NTN là 60%, trẻ chỉ đạt tiêu chuẩn "*Không biểu hiện:dễ nãn, ngay lập tức bỏ dỡ, nhờ người lớn giúp, không hoàn thành nhiệm vụ"*, dù GV đưa ra gợi ý hoặc hướng dẫn trẻ cũng thể hiện sự cố gắng, mong muốn đạt được kết quả. Có từ 3 đến 4 trẻ bài tập nào cũng không muốn tham gia hoặc có tham gia bài tập nhưng thụ động, chưa tích cực trong hành động của mình, luôn tìm kiếm sự giúp đỡ từ cô hoặc ngồi im, trẻ không biệu hiện mình muốn hoàn thành bài tập.

+*Nhóm đạt mức độ trung bình*: Ở nhóm này, trẻ có "*biểu hiện không rõ rệt: Trẻ có cố gắng nhưng vẫn bỏ dở nhiệm vụ",* quan sát trong quá trình trẻ thực hiện bài tập,có những trẻ chỉ cố gắng hoàn thành bài tập đơn giản hoặc bài tập bản thân trẻ thích, sau khi cô đưa ra yêu cầu trẻ nhanh chóng thực hiện, nhưng cũng có bài tập ban đầu trẻ rất cố gắng nhưng khi mắc lỗi sai trẻ không muốn tiếp tục hoàn thành để đạt kết quả nữa, bỏ dở nhiệm vụ, bài tập. Thể hiện ý muốn hoàn thành bài tập không rõ ràng. Tỉ lệ mức độ "*trung bình"* NĐC là 30% và NTN là 40% là không cao.

+ *Nhóm đạt mức độ cao:* Cũng như các tiêu chí trên, số lượng trẻ đạt mức độ "cao" thường rất ít, hoặc không có trẻ nào. Ở tiêu chí 7 cũng vậy, cả 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm không có trẻ nào đạt được tiêu chuẩn ở mức độ "cao" là "*Biểu hiện rõ rệt: Trẻ kiên trì để đạt được kết quả đúng, hoàn thành đúng hết nhiệm vụ"*. Hầu hết trong suốt 5 bài tập của 20 trẻ thì trẻ thể hiện chưa rõ ràng, còn thụ động và không mong muốn hoàn thành hết nhiệm vụ, bài tập.

Tóm lại : Điểm số của từng trẻ thực hiện các bài tập được mô tả chi tiết ở bảng 3.2.2 (Phụ lục 9).Qua kết quả từng tiêu chí của NĐC và NTN có thể nhận định đa số điểm của trẻ ở 2 nhóm chỉ đạt ở mức độ "*thấp*" và "*trung bình*" là khá cao. Nhưng xét đến các yếu tố như thời gian chúng tôi khảo sát cũng như đặc điểm phát triển của trẻ ở giai đoạn thực nghiệm nên tỉ lệ trẻ đạt điểm mức độ *"thấp*" và *"trung bình*" là cũng hợp lí. Bên cạnh đó, trong quá trình phân tích giáo án và dự giờ, quan sát lớp học các góc chơi, có thể nhận thấy các nguyên nhân dẫn đến kết quả của NĐC và NTN đạt mức độ "thấp" là do GV có nhận thức chưa rõ về từng nội dung

HĐVĐV sẽ giúp trẻ phát triển TG, vì vậy chúng tôi nhận thấy trong giáo án hoặc trong giờ tổ chức hoạt động chơi- tập có chủ đích GV chưa chú trọng đến các đặc điểm phát triển TG lứa tuổi, chưa đưa ra các nhiệm vụ giáo dục cụ thể. Nội dung các góc chơi chưa được thay đổi thường xuyên hoặc đa dạng về nguyên vật liệu. Trong quá trình trẻ thực hiện bài tập, còn chưa chủ động, cố gắng và còn mong chờ vào sự hướng dẫn của GV.

3.6.2. Nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm sau thực nghiệm

3.6.2.1. Kết quả tổng điểm các tiêu chí đánh giá mức độ phát triển TG của NĐC và NTN sau thực nghiệm

Chúng tôi quan sát biểu hiện của trẻ và tiến hành áp dụng các biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG được đề xuất ở mục 3.2. Việc đánh giá mức độ phát triển TG sau thực nghiệm của trẻ dựa trên tổng điểm của các tiêu chí trong bảng đánh giá mức độ phát triển TG ở (Bảng 3.3.1-Phụ lục 9). Số liệu được xử lí bằng phần mềm SPSS 20.0 kiểm nghiệm T-Test (Independent Samples T-Test) để kiểm định độ tin cậy hiệu quả thực nghiệm của 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm sau thực nghiệm. Kết quả được thể hiện ở bảng Samples T-Test (Phụ lục 7). Kết quả so sánh tổng điểm của trẻ NĐC và NTN sau thực nghiệm thực hiện các bài tập được trình bày ở bảng 3.4

Bảng 3.4. Kết quả tổng điểm mức độ phát triển TG của trẻ NĐC và NTN sau thực nghiệm

CÁC TC	Nhóm	Mức độ phát triển TG						ĐTB	Độ lệch chuẩn	Kiểm nghiệm t
		Thấp		Trung Bình		Cao				
		N	%	N	%	N	%			
TỔNG ĐIỂM	NĐC	1	10%	7	70%	2	20%	2.10	0,568	0.002
	NTN	0	0%	4	40%	6	60%	2.60	0,516	

Qua số liệu kết quả từ bảng 3.4 cho thấy ĐTB của NĐC là 2.10 và NTN là 2.60 có sự chênh lệch là 0.40 về mức độ phát triển TG. Bên cạnh đó, độ phân tán điểm số của NĐC rộng hơn NTN vì độ lệch chuẩn (Std.Dev) của NTN là 0.516 thấp hơn độ lệch chuẩn (Std.Dev) của NĐC là 0.568. Ngoài ra, sau khi thực nghiệm tỉ lệ đạt mức độ *"trung bình"* của NĐC vẫn chiếm khá cao là 70%. Cụ thể điểm trung bình của NĐC và NTN trong từng tiêu chí chênh lệnh nhau khá xa, thấp nhất là 0.50 và cao nhất là 0.90 qua đó kết luận rằng mức độ phát triển TG của trẻ NTN sau thực nghiệm cao hơn NĐC. Chứng minh được tính hiệu quả của các biện pháp tác động được đề xuất. Thêm vào đó, nhìn vào giá trị Sig (2-tailed) của 2 NĐC và NTN là Sig=0.002<0.05, chứng tỏ phương sai giữa 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm sau thực nghiệm là có sự khác biệt. **Khẳng định sự khác biệt giữa NĐC và NTN là có ý nghĩa**. Và vì Sig <0.05 nên **sự khác biệt giữa 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng sau thực nghiệm là có ý nghĩa với mức ý nghĩa 95%**.

3.6.2.2. Kết quả từng tiêu chí đánh giá mức độ phát triển TG của NĐC và NTN sau thực nghiệm

Nhằm kiểm chứng mức độ phát triển TG của NĐC và NTN sau thực nghiệm, chúng tôi phân tích và đánh giá chi tiết từng tiêu chí dựa theo điểm số của trẻ thực hiện bài tập và quan sát quá trình GV áp dụng các biện pháp đề xuất, quá trình trẻ thực hiện các bài tập. Chi tiết số liệu điểm từng tiêu chí của 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm sau thực nghiệm được trình bày cụ thể ở Bảng 3.3.1 (Phụ lục 9)

Bảng 3.5. So sánh kết quả các tiêu chí đánh giá mức độ phát triển TG của NĐC và NTN sau thực nghiệm

CÁC TC	Biểu hiện	Nhóm	Mức độ phát triển TG						ĐTB
			Thấp		Trung Bình		Cao		
			N	%	N	%	N	%	
TC 1 (BT 1)	1	NĐC	6	60%	3	30%	1	10%	1,50
		NTN	0	0%	6	60%	4	40%	2,40
	2	NĐC	5	50%	4	40%	1	10%	1,60
		NTN	0	0%	8	80%	2	20%	2,20

CÁC TC	Biểu hiện	Nhóm	Mức độ phát triển TG						ĐTB
			Thấp		Trung Bình		Cao		
			N	%	N	%	N	%	
TC 2 (BT 2)	3	NĐC	7	70%	2	20%	1	10%	1,40
		NTN	0	0%	6	60%	4	40%	2,40
TC 3 (BT 3)	4	NĐC	4	40%	4	40%	2	20%	1,80
		NTN	0	0%	7	70%	3	30%	2,30
	5	NĐC	4	40%	5	50%	1	10%	1,70
		NTN	0	0%	7	70%	3	30%	2,30
TC 4 (BT 4)	6	NĐC	4	50%	5	50%	1	10%	1,70
		NTN	0	0%	6	60%	4	40%	2,40
	7	NĐC	3	30%	7	70%	0	0%	1,70
		NTN	0	0%	8	80%	2	20%	2,20
TC 5 (BT 5)	8	NĐC	5	50%	4	40%	1	10%	1,60
		NTN	0	0%	6	60%	4	40%	2,40
TC 6	9	NĐC	7	70%	3	30%	0	0%	1,30
		NTN	0	0%	7	70%	3	30%	2,30
	10	NĐC	5	50%	5	50%	0	0%	1,50
		NTN	0	0%	7	70%	3	30%	2,30
TC 7	11	NĐC	6	70%	3	30%	1	0%	1,50
		NTN	0	60%	5	40%	5	50%	2,50

a) Tiêu chí 1: Nhận biết chuẩn màu sắc đánh giá qua bài tập 1

Biểu hiện 1: Nhận biết và phân biệt 3 màu: màu vàng, đỏ, xanh dương và biểu hiện 2: Gọi tên màu sắc 3 màu: màu vàng, đỏ, xanh dương

Có sự khác biệt cao về ĐTB ở biểu hiện 1 và 2 của 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm. Ở biểu hiện 1 "*Nhận biết và phân biệt 3 màu: màu vàng, đỏ, xanh dương"* ĐTB của NĐC và NTN chênh lệch khá xa là 0.90. Trẻ của NTN chiếm tỉ lệ là 40% ở mức độ "cao". Cụ thể như sau:

+ *Nhóm đạt mức độ thấp:* Có thể thấy rõ sự khác biệt ở mức độ này của cả 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm. Tỉ lệ "thấp" của NTN là 0% so với NĐC vẫn còn khá cao là 60%. Trẻ của NĐC vẫn chưa phân biệt và gọi tên rõ ràng 3 màu: đỏ, vàng, xanh.

+*Nhóm đạt mức độ trung bình*: Ở mức độ này, tỉ lệ giữa NĐC và NTN chênh lệch nhau 30%.Nhưng ở NTN vẫn chiếm tỉ lệ cao là 60% so với NĐC là 30%. Qua thực nghiệm, trẻ NTN đã có nhiều tiến độ rõ rệt.

+*Nhóm đạt mức độ cao:* Trẻ của NTN đã nhận biết và gọi tên chính xác 3 màu: đỏ-xanh-vàng chiếm tỉ lệ cao là 40% so với NĐC với tỉ lệ thấp là 10%. Qua đánh giá bằng bài tập 1, chúng tôi nhận thấy trẻ NTN có sự phát triển cao, trẻ nhận biết chính xác không tỏ ra lúng túng trong việc xác định.

b) Tiêu chí 2: Nhận biết chuẩn hình dạng (theo hành động TG)

Biểu hiện 3: Nhận biết và phân biệt rõ ràng hình vuông, hình tròn theo hành động TG (3)

Giữa NĐC và NTN điểm trung bình có sự chênh lệch khá xa là 1.00, trẻ NĐC đạt mức độ "thấp" vẫn còn cao là 70%. Cụ thể như sau:

+ *Nhóm đạt mức độ thấp:* Quan sát trẻ NĐC khi thực hiện bài tập 2 "hộp thủng" vẫn không có nhiều khác biệt so với trước thực nghiệm, trẻ vẫn dùng tay nhấn mạnh vào các khuôn thử-sai nhiều lần, chưa có hành động đặt cạnh hình vào khuôn. Vì vậy, tỉ lệ trẻ đạt mức độ "thấp" của NĐC so với NTN là khá cao đến 70%

+*Nhóm đạt mức độ trung bình:* Trẻ của NTN chiếm tỉ lệ cao là 60%, sau thời gian áp dụng biện pháp đã có nhiều sự thay đổi rõ rệt về hành động TG, trẻ đã biết đặt cạnh, ướm thử hình vào khuôn, tuy còn nhầm lẫn nhưng có sự chuyển biến, phát triển cao.

+*Nhóm đạt mức độ cao*: Ở mức độ này, trẻ phân biệt hình tròn, hình vuông bằng hành động TG "bằng mắt" tiêu chuẩn cao nhất trong hành động TG, trẻ không cần dùng tay miết đường viền xung quanh khuôn thủng hoặc thừ-sai mà có thể nhận biết ngay, và chiếm tỉ lệ cao đến 40% vẫn là trẻ thuộc NTN so với trẻ NĐC cũng có tiến bộ đạt 10% so với trước thực nghiệm.

c) Tiêu chí 3: Nhận biết chuẩn hình dạng đánh giá qua bài tập 3

Biểu hiện 4: Nhận biết và phân biệt rõ ràng hình vuông, hình tròn; biểu hiện 5: Gọi tên hinh tròn, hình vuông

Điểm trung bình của NĐC và NTN có độ chênh lệch cao là 0.50. Ở NĐC vẫn còn trẻ đạt mức độ "thấp" là khá cao ở cả 2 biểu hiện (4) và (5) là 40%. Cụ thể như sau:

+ *Nhóm đạt mức độ thấp:* Trẻ đạt mức độ "thấp" ở NĐC chiếm tỉ lệ cao, số lượng trẻ nhận biết và gọi tên không chính xác hình tròn hình vuông còn khá nhiều so với NTN chiếm tỉ lệ là 0%

+*Nhóm đạt mức độ trung bình:* Ở mức độ này trẻ NTN là 70% so với trẻ NĐC là 40% có sự chênh lệch cao. Khi thực hiện bài tập 3, trẻ NTN đã khá hơn so với trước thực nghiệm, trẻ không còn xác định và gọi tên sai hình tròn, hình vuông.

+ *Nhóm đạt mức độ cao*: Trẻ nhận biết chính xác hình tròn, hình vuông một cách nhanh chóng,không còn nhầm lẫn giữa 2 hình và NTN chiếm tỉ lệ cao là 30% cho cả 2 biểu hiện (4) và (5)

d) Tiêu chí 4: Nhận biết kích thước to-nhỏ đánh giá qua bài tập 4

Biểu hiển 6: Nhận biết và phân biệt đồ vật to, nhỏ và biểu hiện 7: Gọi tên đồ vật to, nhỏ

Độ chênh lệch khá cao giữa 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm ở biểu hiện (6) và (7) là 0.40. Cũng như những tiêu chí trước ta thấy được sự khác biệt về mức độ phát triển TG giữa NĐC và NTN. Cụ thể như sau:

+ Nhóm đạt mức độ thấp: Trẻ NĐC vẫn nhận biết và phân biệt không chính xác đồ vật có kích thước to-nhỏ, trẻ gọi tên sai trong cả 2 lần làm bài tập 4 Tỉ lệ đạt mức độ "thấp" của trẻ NĐC chiếm khá cao là 50%.

+Nhóm đạt mức độ trung bình: ở nhóm này, trẻ vẫn chưa nhận biết và phân biệt rõ ràng 2 kích thước, có nhiều trẻ lần đầu thực hiện bài tập trẻ xác định đúng nhưng ở lần thứ 2 trẻ nhận biết không chính xác nên chúng tôi vẫn đánh giá trẻ ở tiêu chuẩn "*nhầm lẫn"*. Trẻ NTN có sự chuyển biến khi không còn trẻ ở mức độ *"thấp" và* tỉ lệ đạt mức độ là cao đến 80%.

+Nhóm đạt mức độ cao: mức độ "cao" thể hiện tiêu chuẩn nhận biết và gọi tên đồ vật có kích thước to nhỏ một cách chính xác. Có đến 4 trẻ ở NTN đạt được mức độ "cao" chiếm tỉ lệ 40%, trẻ xác định đúng và gọi ten chính xác trong cả 2 lần làm bài tập

e) Tiêu chí 5: Nhận biết đối tượng trọn vẹn đánh giá qua bài tập 5

Biểu hiện 8: Nhận biết đối tượng qua vài dấu hiệu (8)

Điểm trung bình của NTN là 2.40 cao hơn so với NĐC là 1.60 chênh lệch cao 0.80. Sự phân tán xung quanh mức độ "trung bình" của NTN vẫn đạt tỉ lệ cao là 60%. Cụ thể như sau:

+ Nhóm đạt mức độ thấp: Tỉ lệ của trẻ NĐC đạt mức độ "thấp" sau thực nghiệm không có nhiều thay đổi, vẫn chiếm tỉ lệ cao là 50%. Theo quan sát quá trình trẻ NĐC thực hiện bài tập 5, trẻ vẫn gặp nhiều khó khăn, lúng túng và trẻ vẫn phải ghép xong các mãnh ghép mới nhận ra được đối tượng, có trẻ ghép sai vị trí mảnh ghép.

+Nhóm đạt mức độ trung bình: Ở nhóm này trẻ đạt tiêu chuẩn "*Nhận biết trong khi hành động: trẻ nhận ra sự vật, đồ vật trong khi hoạt động"* trong lúc trẻ thực hiện bài tập trẻ mới nhận biết được là là sự vật, đồ vật gì, trẻ phải ghép đến mảnh thứ 2 hoặc 3 mới nhận ra được và trẻ ở NTN vẫn đạt tỉ lệ cao ở mức độ "trung bình" là 60%

+Nhóm đạt mức cao: trẻ đạt tiêu chuẩn "*Nhận biết trước khi hành động*: trẻ nhận ra sự vật, đồ vật trước khi hoạt động", khi trẻ nhìn thấy 1 mảnh ghép trẻ đoán ra được đó là sự vật, con vật gì mà không cần phải ghép hoàn chỉnh, trẻ thuộc nhóm này ghép đúng vị trí, thứ tự các mảnh ghép và ở NTN chiếm tỉ lệ ở mức độ "cao" là 40%, có sự tiến bộ rõ so với trước thực nghiệm.

f) Tiêu chí 6: Tính tích cực trong hoạt động và tiêu chí 7: Ý chí và kết quả đạt được

Biểu hiện 9: Sự kiên trì và biển hiện 10: Độc lập trong hành động. Biểu hiện 11: Mong muốn đạt kết quả đúng

Giữa 2 nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm có sự khác biệt về ĐTB, tỉ lệ giữa 3 mức độ "thấp", "trung bình", "cao". Tiêu chí 6 và tiêu chí 7 được đánh giá trong suốt quá trình trẻ thực hiện 5 bài tập. Cụ thể như sau:

+Nhóm đạt mức độ thấp: trẻ thuộc nhóm mức độ "thấp" của NĐC đạt tỉ lệ cao là 70% nhưng có giảm so với trước thực nghiệm, đa số trẻ không có sự kiên trì, tập trung, thường bỏ dở và liền tìm sự giúp đỡ từ GV. Nhưng ở NTN trẻ đã tích cực hơn nên không có trẻ nào đạt mức độ "thấp"

+ Nhóm đạt mức độ trung bình: ở mức độ này, trẻ vẫn có sự cố gắng thực hiện bài tập sau lần sai đầu tiên, nhưng trẻ thể hiện sự các biểu hiện là chưa rõ, chưa có sự đồng đều ở các bài tập. Dù có kiên trì nhưng duy trì không lâu và vẫn mong sự giúp đỡ, hướng dẫn của GV. Và tỉ lệ trẻ đạt mức độ "trung bình" ở NTN là khá cao chiếm 70% so với NĐC là chỉ 30%

+Nhóm đạt mức độ cao: Sau thực nghiệm số lượng trẻ NTN tăng đáng kể đến 50%, 5 trẻ thuộc mức độ "cao" thể hiện sự kiên trì, mong muốn đạt được hành động,kết quả đúng,trẻ tập trung hoàn thành bài tập của mình,không chờ sự giúp đỡ từ GV nếu trẻ không thực hiện được trẻ cố gắng đến lần 2, lần 3. Trẻ rất chủ động,nhanh chóng thự hiện các bài tập sau khi cô đưa ra nhiệm vụ..

Tóm lại: Điểm số của từng trẻ thực hiện các bài tập được mô tả chi tiết ở bảng 3.3.2 (Phụ lục 9). Qua sự phân tích số liệu của từng tiêu chí trên, ta thấy tổng điểm các tiêu chí của NĐC phân tán chủ yếu là ở mức độ "thấp" và "trung bình", tuy nhiên số lượng trẻ ở mức độ "thấp" của từng tiêu chí có giảm so với thời điểm trước thực nghiệm. Sự phát triển rõ rệt và vượt trội so với trước thực nghiệm là ở NTN, tỉ lệ trẻ đạt tổng điểm của các tiêu chí đạt mức độ "thấp" là 0%, có sự chuyển biến sang mức độ "trung bình" là 4 trẻ chiếm 40% và mức độ "cao" là 6 trẻ chiếm 60% Nguyên nhân dẫn đến mức độ phát triển TG của trẻ đã tăng là do nhiều yếu tố, đầu tiên là GV đã quan tâm, tạo nhiều môi trường cơ hội cho trẻ được tham gia vào HĐVĐC theo từng nội dung phù hợp với đặc điểm phát triển TG lứa tuổi 24- 36 tháng. GV đã có sự vận dụng các biện pháp mà chúng tôi đề xuất một cách linh hoạt và hợp lí, cách tổ chức HĐVĐV có nhiều đổi mới trong giáo án hoạt động chơi-tập có chủ đích, hoạt động góc và có sự theo dõi, quan sát và đánh giá trẻ ở từng thời

điểm một cách hợp lí. Tóm lại kết quả này, góp phần chứng minh cho hiệu quả của việc GV vận dụng các biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ 24-36 tháng.

3.6.3. Nhóm đối chứng trước và sau thực nghiệm

3.6.3.1. Kết quả tổng điểm các tiêu chí đánh giá mức độ phát triển TG của NĐC trước và sau thực nghiệm

Ở nhóm đối chứng, trẻ hoạt động theo kế hoạch thường ngày của GV. Chúng tôi thu thập số liệu về điểm của trẻ trong từng tiêu chí được đánh giá qua 5 bài tập và phân tích dựa trên giá trị ĐTB để cho ra kiểm nghiệm T-Test (Independent Simples test) để kiểm ra mức độ chênh lệch ý nghĩa về kết quả của NĐC trước và sau thực nghiệm. Sau đây, chúng tôi lập bảng 3.6 và bảng 3.4.1 ở (Phụ lục 9) để so sánh kết quả tổng điểm các tiêu chí đánh giá mức độ phát triển TG của NĐC trước và sau thực nghiệm và phân tích nhằm mục đích xác định sự phát triển sau thực nghiệm của NĐC là không đáng kể so với trước thực nghiệm

Bảng 3.6. Kết quả tổng điểm các tiêu chí đánh giá mức độ phát triển của NĐC trước và sau thực nghiệm

CÁC TC	Nhóm ĐC	Mức độ phát triển TG						ĐTB	Độ lệch chuẩn	Kiểm nghiệm t
		Thấp		Trung bình		Cao				
		N	%	N	%	N	%			
TỔNG ĐIỂM	Trước TN	4	40%	6	60%	0	0%	1.60	0.516	**0.642**
	Sau TN	**1**	**10%**	**7**	**70%**	**2**	**20%**	**2.10**	**0.568**	

Kết quả bảng 3.6 thể hiện độ chênh lệch về điểm giá trị ĐTB sau TN là 2.10 có giá trị cao hơn trước TN là 1.60 cho thấy giá trị ĐTB được nâng lên, chứng tỏ mức độ phát triển TG của trẻ NĐC được nâng lên nhưng rất ít. Bên cạnh đó, giá trị độ lệch chuẩn (Std.Deviation) giữa thời điểm trước TN là 0.516 và sau TN là 0.568

cũng được nâng lên, có nghĩa là mức độ phân tán điểm số xoay quanh ĐTB có giảm nhưng rất ít nên độ tin cậy về ĐTB là không cao. Ngoài ra, **giá trị kiểm nghiệm t (Sig.2 tailed) của NĐC trước và sau TN = 0.642 > 0.05, chứng tỏ phương sai giữa trước TN và sau TN là không có sự khác biệt**. **Khẳng định sự khác biệt giữa trước TN và sau TN là không có ý nghĩa**.

3.6.3.2. Mô tả biểu hiện của từng trẻ NĐC trong quá trình thực hiện bài tập đánh giá mức độ phát triển TG trước và sau TN

Chúng tôi tiến hành phân tích các phiếu đánh giá sự phát triển TG (Phụ lục 3) của trẻ và quan sát trong quá trình thực hiện 5 bài tập (Phụ lục 6) của mỗi cá nhận trẻ qua 2 lần đo trước TN và sau TN để đánh giá chính xác và sâu sắc hơn về mức độ phát triển TG của trẻ đạt được. Số liệu cụ thể từng điểm số trước và sau TN được trình bày ở bảng 3.4.2 (Phụ lục 9). Biểu hiện cụ thể của từng trẻ như sau:

+ Bé Minh Châu: Trước và sau TN đều đạt mức độ "trung bình" với điểm tổng trước TN là 16 và sau TN tăng được 1 điểm. Bé đạt điểm ở mức độ "trung bình" trong các biểu hiện (3, 4, 7, 8, 9). Riêng ở bài tập 1 "Nhận biết chuẩn màu sắc" bé chỉ dạt ở mức độ "thấp" trong cả 2 lần trước TN và sau TN, theo quan sát bé nhận biết sai giữa màu vàng và màu đỏ hoặc bé gọi tên vật "màu vàng" là "màu xanh". Bé có thể hiện sự kiên trì và mong muốn đạt kết quả đúng nhưng chưa biểu hiện rõ rệt.

+Bé Khiết Nghi: Trước TN, đạt mức độ "trung bình" với tổng điểm là 15-xếp loại "Trung bình". Sau TN, tổng điểm của bé có tăng lên là 18 điểm nhưng vẫn xếp loại "Trung bình". Ở BT 1, bé nhận biết sai cả 3 màu và "gọi tên 3 màu" còn nhầm lẫn. Các BH (4, 5, 7, 8, 9, 10, 11) không có sự khác biệt về mức độ phát triển TG, không có sự thay đổi về điểm ở 2 lần TN. Bé Nghi tham gia các bài tập chưa có sự kiên trì cao, chưa tập trung và cố gắng hoàn thành bài tập của mình.

+Bé Hoàng Khang: Có sự tiến bộ giữa thời điểm trước TN và sau TN.Cụ thể là trước TN bé đạt tổng điểm các biểu hiện là mức độ "thấp" là 11 điểm- xếp loại "thấp". Nhưng sau TN điểm tổng của bé tăng là 14- xếp loại "trung bình". Ở BT 1, bé gọi được tên 3 màu tuy còn nhầm lẫn nhưng cũng là sự tiến bộ so với trước TN,

khi GV đưa ra nhiệm vụ BT bé chỉ ngồi và im lặng, sau đó bé không muốn thực hiện bài tập hoặc nói là "con không biết".

+ Bé Quốc Cường: Là bé đạt tổng điểm các biểu xếp loại "cao" thời điểm sau TN là 24 điểm so với trước TN bé xếp loại "trung bình". Qua 2 lần thực nghiệm, bé hiểu yêu cầu của BT rất nhanh, nhanh chóng thực hiện và cố gắng hoàn thành tất cả 5 bài tập, trước TN ở BH (7,8) bé chỉ đạt mức độ "thấp" và sau TN bé có nhiều tiến bộ, các mức độ đều tăng lên "trung bình".

Bé Minh Hân: Sau TN bé đạt điểm tổng là 15 xếp loại "trung bình" sau TN bé thực hiện các bài tập tốt hơn, sau khi GV đưa ra gợi ý bé hiểu và thực hiện bài tập. Ở bài tập 2 "Khuôn thủng" trước TN bé dùng tay nhấn mạnh vào khuôn, cố gắng đè để hình vào được khuôn, tuy hình không vào đúng khuôn nhưng bé vẫn cố dùng sức đè nhưng sau TN khi bé thực hiện BT 5 bé đã biết lắng nghe GV và dùng tay miết quanh đường viền "ướm thừ", bé cũng tập trung nghe lời GV hướng dẫn, không còn mất tập trung và bỏ ngang như trước TN.

+Bé Gia Huy: Bé Huy có sự tiến bộ sau TN tuy là số điểm tổng chỉ tăng 3 điểm so với trước TN là 11 điểm là không nhiều. Trước TN, bé Huy nói rất nhiều, làm bài tập một cách vội vàng mà chưa nghe GV nói nhiệm vụ, bé chỉ mải mê chơi những bộ bài tập nên không tập trung thực hiện đúng bài tập nào, xếp loại "thấp". Nhưng sau TN, bé có thay đổi như ở BH 4 *"nhận biết và phân biệt hình tròn hình vuông"* bé nhận biết chính xác ngay hình tròn, hình vuông và BH 6 "nhận biết và phân biệt kích thước to-nhỏ" bé tập trung thực hiện các bài tập nên đạt được mức độ phát triển TG là "trung bình".

+Bé Ngọc An: Thời điểm trước TN và sau TN điểm tổng của bé không có sự thay đổi đều đạt 18 điểm, xếp loại "trung bình".Trước TN bé An luôn lắng nghe lời hướng dẫn, giải thích của cô, tập trung hoàn thành nhiệm vụ được giao, 5 bài tập chủ yếu đạt mức độ "trung bình" là bé có nhận thức về đối tượng nhưng chưa ổn định,còn nhầm lẫn. Ví dụ: Ở BT 4 "Phân biệt kích thước to-nhỏ" ở lần 1 thực hiện bài tập bé xác định đúng nhưng khi thực hiện lần 2 bé xác định không đúng nên. Nhưng sau TN bé chưa có nhiều tiến bộ về sự phát triển TG.

Bé Anh Thư: Là bé yếu nhất trong NĐC, ở cả 2 lần trước và sau TN bé tổng điểm của bé đều là 11 điểm và xếp loại "thấp". Bé Thư rất rụt rè, ít trả lời câu hỏi của GV, nói nhỏ. Trong quá trình thực hiện 5 bài tập, bé thường nhận biết hời hợt, xác định một cách ngẫu nhiên, vào các giờ hoạt động chơi góc bé thương không chơi, chỉ ngồi đó nhìn khi được GV gợi ý, hướng dẫn bé cũng chỉ chơi được 1 lúc. GV cần chú ý đặc biệt quan tâm và chú ý đến sự phát triển của bé Anh Thư

+ Bé Huy Hoàng: Sau TN bé xếp loại- "Cao" với tổng điểm các BH là khá cao 23 điểm, bé có nhiều tiến bộ tích cực so với thời điểm trước TN chỉ xếp loại-"trung bình". Bé thể hiện tính độc lập trong toàn bộ quá trình thực hiện bài tập,cố gắng sửa sai và làm cho đúng nhiệm vụ bài tập, tuy ít nói và trả lời nhỏ ở biểu hiện (4,7) nhưng bé thực hiện các bài tập đều đạt ở mức "trung bình". Ở BH 4, trước TN bé còn nhầm lẫn, gọi tên sai hình tròn, hình vuông,nhưng sau TN bé đã xác định gọi tên chính xác.

+ Bé Anh Thịnh: Cả trước TN và sau TN bé đều xếp loại- "Trung bình". Điểm số của các biểu hiện không có nhiều thay đổi. Bé tiến bộ ở BH 4, bé "nhận biết và phân biệt" chính xác hình tròn, hình vuông, đạt mức độ "cao" của BH 4. So với trước TN, bé thực hiện các bài tập không tập trung chú ý, thường mắc lỗi sai, nhờ vào sự hướng dẫn của GV thì sau TN bé có thay đổi, có cố gắng thực hiện hoàn thành hết 5 bài tập

Tóm lại: Qua sự đánh giá tổng điểm và đánh giá biểu hiện của từng trẻ có thể thấy có sự thay đổi, tiến bộ giữa 2 thời điểm trước và sau TN. Tuy nhiên mức độ chênh lệnh là chưa cao. Xuất phát từ những nguyên nhân như GV chưa thật sự chú ý đến mức độ phát triển của trẻ trong lớp mình, cá nhân từng trẻ còn có chưa phát triển tốt ở mặt nào hay ở đặc điểm nào, trong các giờ hoạt động học có chủ đích, các mục đích phát triển là chưa cụ thể, các hoạt động thường nặng nề việc truyền tải kiến thức, khiến giờ học chưa sinh động trẻ tiếp thu kiến thức hời hợt, không hứng thú. Các góc chơi, đồ chơi sử dụng các vật liệu chưa phong phú về màu sắc và cách chơi, đồ chơi hư cũ không được thay mới. Thêm vào đó, lời hướng dẫn của GV chưa ngắn gọn, nhẹ nhàng, "có hai hình ở đây con chọn lựa hình nào để vừa khuôn đi" hoặc trong giờ chơi GV chưa quan sát và đánh giá trẻ một cách cụ thể. Từ

những số liệu và nguyên nhân mà chúng tôi thu thập, ghi nhận được chứng minh rằng các phương pháp, biên pháp tổ chức HĐVĐV mà GV sử dụng thường ngày sẽ rất khó giúp trẻ phát triển được các đặc điểm TG lứa tuổi 24- 36 tháng.

3.6.4. Nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm

3.6.4.1. Kết quả tổng điểm các tiêu chí đánh giá mức độ phát triển TG của NTN trước và sau thực nghiệm

Để thấy rõ sự phát triển TG của trẻ NTN trước và sau thực nghiệm, chúng tôi tổng hợp và lập bảng 3.7 và bảng 3.5.1 (Phụ lục 9) so sánh tổng điểm các biểu hiện của NTN trước và sau thời điểm áp dụng biện pháp.

Bảng 3.7. Kết quả tổng điểm các tiêu chí đánh giá mức độ phát triển của NTN trước và sau thực nghiệm

CÁC TC	Nhóm TN	Mức độ phát triển TG						ĐTB	Độ lệch chuẩn	Kiểm nghiệm t
		Thấp		Trung bình		Cao				
		N	%	N	%	N	%			
TỔNG ĐIỂM	Trước TN	3	30%	6	60%	1	10%	1.80	0.632	**0.006**
	Sau TN	**0**	**10%**	**4**	**40%**	**6**	**60%**	**2.60**	**0.516**	

Qua bảng 3.7, ta thấy độ chệnh lệch cao về ĐTB của NTN giữa thời điểm trước TN và sau TN là 0.80, chứng tỏ mức độ phát triển TG của trẻ được nâng lên rõ rêt, có nhiều sự thay đổi tích cực. Bên cạnh đó, **giá tri kiểm nghiệm t (Sig.2 tailed) là 0.006< 0.05 cho thấy sự chênh lệch có ý nghĩa thống kê. Khẳng định sự khác biệt giữa trước TN và sau TN là có ý nghĩa.** Cụ thể trước TN, tổng điểm các BH của trẻ chủ yếu đạt mức độ "thấp" và "trung bình". Sau khi TN, áp dụng các biện pháp xếp loại của trẻ đã có thay đổi và tăng cao, cụ thể là xếp loại "trung bình" là 40% giảm 20% so với trước TN, số lượng đó chuyển qua mức độ "cao" .

Đáng chú ý là xếp loại "cao" tăng vượt trội là 60% tăng hơn 50% so với thời điểm trước TN. Chính từ những số liệu kết quả trên khẳng định tính hiệu quả của các biện pháp được đề xuất đã có kết quả và độ tin cậy cao

Để minh chứng cho tính hiệu qủa các biện pháp tổ chức HĐVĐV mà GV đã sử dụng để tác động lên trẻ NTN thì chúng tôi đã kết hợp quan sát mức độ biểu hiện phát triển TG của trẻ NTN trong HĐVĐV trên hình thức giáo dục giờ học, giờ hoạt động góc như sau:

❖ **Mô tả việc sử dụng biện pháp của GV tác động lên trẻ:**

Chúng tôi tiến hành xây dựng kế hoạch hoạt động cùng GV (Phụ lục 10). Sau đó, GV sử dụng các biện pháp như đã đề xuất để tổ chức, hướng dẫn và hỗ trợ trẻ nhằm phát triển TG cho trẻ qua HĐVĐV. Trong quá trình xây dựng kế hoạch và tổ chức hoạt động học, hoạt động góc GV đã định hướng trẻ chú ý đến các đặc điểm đặc trưng về màu sắc, hình dạng, kích thước của đồ vật, đồ chơi.

Trong quá trình tổ chức từng buổi chơi, GV đã sử dung linh hoạt các biện pháp tác động lên trẻ cụ thể sau:

Sử dụng linh hoạt các biện pháp xây dựng kế hoạch theo từng nội dung HĐVĐV phù hợp với đăc điểm phát triển TG. Mở rộng môi trường, hình thức hoạt động nhằm giúp cho trẻ hứng thú, tích cực. Ngoài ra, GV luôn tạo điều kiện thuận lợi, thoải mái để trẻ được tự do lựa chọn đồ dùng, đồ chơi theo ý thích. Đánh giá từng cá nhân trẻ qua quá trình hoạt động dựa trên bảng tiêu chí biểu hiện pháp triển

3.6.4.2. Mô tả biểu hiện của trẻ NTN trong quá trình thực hiện bài tập đánh giá mức độ phát triển TG trước và sau TN

Sau khi GV đã được bồi dưỡng và hỗ trợ hướng dẫn các biện pháp mà chúng tôi đã đề xuất để tổ chức HĐVĐV, vận dụng hợp lí các nhóm biện pháp chuẩn bị, nhóm biện pháp tổ chức và nhóm biện pháp đánh giá nên đã mang đến hiệu quả cao, giúp phát triển TG cho trẻ NTN có nhiều thay đổi đáng kể. Số liệu cụ thể từng điểm số trước và sau TN được trình bày ở bảng 3.5.2 (Phụ lục 9). Biểu hiện cụ thể của từng trẻ như sau:

+ Bé Hà: Trước TN bé xếp loại "*trung bình"* nhưng sau quá trình TN bé có nhiều tiến bộ đạt xếp loại *"cao"*. Thời điểm trước TN, bé Hà khi thực hiện bài tập 2

“Khuôn thủng” bé dùng tay nhấn mạnh hình vào khuôn thủng, không chú ý lời cô và bé thụ động. Ở bài tập 3 và 4 bé *“nhận biết hình dạng, kích thước”* khi GV đặt câu hỏi, bé trả lời sai và khi GV lặp lại câu hỏi thì bé ngồi im.Nhưng sau TN, bé đã mạnh dạn trả lời và thực hiện chính xác các bài tập. Khi thực hiện bài tập 2 “Khuôn thủng” bé xác định đúng mà không cần phải “ướm thử” như trước TN. Bé luôn cố gắng hoàn thành bài tập mà không còn nhờ cô giúp đỡ.

+Bé Nghi An: Bé Nghi An trước TN đạt tổng điểm là 1, xếp loại “thấp” sau thời gian áp dụng các biện pháp, bé An tiến bộ và nâng lên được mức độ “trung bình” nhưng đạt đổng điểm cao là 22 điểm. Trước TN bé rất nhút nhát, bài tập 5 bé không thực hiện, cũng không thể hiện sự cố gắng muốn hoàn thành các bài tập, ở bài tập (1,2,3,4) bé nhận biết không chính xác, khi GV hỏi bé cũng ngồi im lặng. Chúng tôi quan sát bé An trong giờ hoạt động góc, bé thường ít nói chuyên với bạn khác. Nhưng sau TN khi thực hiện BT (1,2,4) đánh giá về chuẩn màu sắc,hình dạng, kích thước, bé đã nhận biết và phân biệt chính xác khi được hỏi về tên gọi của các vật trong bài tập bé cũng trả lời tuy bé nói rất nhỏ nhưng bé trả lời chính xác câu hỏi của GV.

+ Bé Minh Khang: Sau TN bé đạt điểm tổng là 27 điểm xếp loại “cao”. Bé Khang là bé trai khá hiếu động, trước TN khi ngồi vào bàn thực hiện BT bé không chú ý lời GV hướng dẫn, thực hiện các bài tập ngay, bé thể hiện sự thích thú khi thấy các bộ giáo cụ của bài tập. Vì không tập trung, chú ý nghe GV, nên trước TN khi thực hiện bài tập (1,3,5) bé “gọi tên màu sắc, kích thước” không chính xác, bé thường trả lời nhanh chưa suy nghĩ đã đưa ra câu trả lời. Nhưng sau TN, bé đã chú ý lời cô nói,thực hiện bài tập chính xác,,bé không còn nghịch các bộ học cụ nữa.

Bé Quốc Kiệt: Trước và sau TN bé Kiệt đều xếp loại “trung bình” nhưng sau TN bé đạt tổng điểm cao hơn là 23 điểm. Bé có nhiều tiến bộ, trước TN khi thực hiện bài tập 2 “khuôn thủng” bé không thực hiện chính xác yêu cầu của cô, bé cầm hình tròn và hình vuông lên và chơi với hình chứ không thực trung thực hiện bài tập, nhưng sau TN bé biết dùng tay sờ quanh đường viền, suy nghĩ và đặt hình tròn, hình vuông vào đúng khuôn thủng. Trước TN bé gọi tên và xác định không chính

xác màu sắc, kích thược to-nhỏ. Sau TN bé có tiến bộ thực hiện bài tập nhanh chóng,tuy còn nhầm lẫn.

+ Bé Thanh Sang: Trước TN bé xếp loại "thấp" bé đạt tổng điểm thấp nhất trong nhóm TN là 11 điểm. Sau TN bé xếp loại "trung bình". Chúng tôi quan sát trước TN,bé Sang thường không tham gia các hoạt động góc và trong giờ học chủ đích về thực hiện các yêu cầu của cô rất chậm, không giáo tiếp nhiều với các bạn khác và thường phải nhờ sự hướng dẫn của GV bé mới hiểu yêu cầu của hoạt động. Sau TN, bé trả lời các câu hỏi của GV ngắn gọn, chỉ 1 từ " vàng, xanh, to, nhỏ" tuy nhiên bé cũng đã có tiến bộ hơn trước, giờ chơi góc bé đã chơi các trò chơi và nhận biết xác định đúng được 1,2 màu vàng, đỏ, bé còn nhầm lẫn giữa các đồ vật có kích thước "to-nhỏ".

+ Bé Nguyệt Quế: Sau TN bé xếp loại "cao" so với trước TN bé chỉ xếp loại "trung bình". Trước TN ở BT 1 bé Quế "nhận biết chuẩn màu sắc" bé chỉ đạt tiêu chuẩn nhận biết "không chính xác", bé xác định không đúng 3 màu: xanh,vàng đỏ. Bé chưa thể hiện sự kiên trì, cố gắng cao, bé chỉ muốn thực hiện bài tập nhanh chóng để ra chơi với các bạn khác. Nhưng sau TN, bé tập trung và nhận biết chính xác các chuẩn hình dang,kích thước, màu sắc, ở BT 2 bé nhận biết ngay không cần hành động "đặt canh" hoặc sờ quanh đường viền như trước TN.

Bé Gia Thi: Bé đạt điểm tổng cao nhất nhóm TN là 30 điểm, trong quá trình thực hiện bài tập, bé hiểu nhanh lời nói của cô, luôn cố gắng hoàn thành các bài tập ở cá thời điểm trước và sau TN. Trong hoạt động chơi-tập có chủ đích, bé luôn hoàn thành các trò chơi các hoạt động trước các bạn . Bé nhận biết và phân biệt chính xác về màu sắc, hình dạng, kích thước. Khi thực hiện bài tập 5 "nhận biết đối tượng trọn vẹn" bé đạt tiêu chuẩn "nhận biết trước hành động" bé nhận biết được đó là chiếc xe, con cá trước khi ghép hoàn chỉnh, bé luôn chú ý lời cô gợi ý và tập trung trong lúc thực hiện bài tập.

+ Bé Thúy Vy: Sau TN, bé đạt điểm tổng là 22 điểm, xếp loại "trung bình". Trước TN, bé thực hiện bài tập (1,2,3,4,5) đều ở tiêu chuẩn "không chình xác", bé không nhận biết và gọi tên được màu sắc, xác định sai kích thước to- nhỏ của vật. Nhưng sau TN, bé không trông chờ sự giúp đỡ của cô hoặc bạn, bé cố gắng tự thực

hiện bài, bé đã có tiến bộ, bé nhận biết được 2 màu, đỏ, vàng. Bé gọi tên nhầm lẫn giữa màu xanh và màu vàng và khi thực hiện bài tập 5 bé nhận biết được sự vật trong quá trình ghép hình.

+ Bé Mỹ Anh: Bé đều xếp loại "cao" ở thời điểm trước và sau TN. Bé thực hiện tốt các bài tập, thể hiện sự kiên trì và mong muốn hoàn thành bài tập. Bài tập 3, 4 bé có nhiều tiến bộ, bé nhận biết chính xác sự vật "to-nhỏ" và bé gọi tên chính xác các màu :xanh- đỏ, vàng.

+ Bé Minh Tú: Sau TN bé xếp loại "cao" đạt tổng điểm khá cao là 28 điểm có tiến bộ so với trước TN bé chỉ xếp loại "trung bình". Sau TN, ở bài tập 3 bé gọi tên "chính xác" hình tròn, hình vuông ở cả hai lần thực hiện bài tập, bé không còn nhầm lẫn giữa hai hình như trước TN. Trong quá trình thực hiện 5 bài tập, bé thể hiện sự kiên trì, hoàn thành nhanh chóng và luôn tập trung lắng nghe cô hướng dẫn.

Tóm lại: Qua các số liệu và phân tích trên cho thấy có sự phát triển TG rõ rệt của NTN sau khi áp dụng các biện pháp mà chúng tôi đề xuất, số lượng trẻ NTN đạt mức độ phát triển TG ở mức độ "cao" tăng lên rõ rệt. Tiếp theo, qua kết quả tổng điểm các tiêu chí và quan sát quá trình thực hiện bài tập cho thấy trẻ nhận biết, phân biệt và gọi tên chính xác màu sắc, hình dạng, kích thước của đồ vật, TG vật qua *"hành động TG"* có sự tiến bộ nhận biết đồ vật bằng mắt, bỏ qua bước trung đoạn "*ướm thử"*.Cụ thể là GV là vận dụng linh hoạt các biện pháp tác động lên trẻ, tổ chức và xây dựng các kế hoạch HĐVĐV phù hợp theo từng đặc điểm phát triển TG, sử dụng các câu hướng dẫn ngắn gọn, dễ hiểu với thái độ nhẹ nhàng, tạo được tâm lí thoải mái cho trẻ. Ngoài ra, GV sau quá trình trao đổi và chia sẻ những kiến thức về nội dung HĐVĐV và đặc điểm phát triển TG cùng chúng tôi nên GV đã tích cực chủ động, sáng tạo trong giáo án, hình thức tổ chức và chủ động bổ sung nhiều bộ đồ dùng, đồ chơi mới với mục đích giúp trẻ phát triển TG hình thành chuẩn cảm giác của trẻ.

Tiểu kết chương 3

Các biện pháp được căn cứ và xây dựng dựa trên cơ sở các nghiên cứu lí luận và thực tiễn về nội dung HĐVĐV và đặc điểm phát triển TG lứa tuổi 24- 36 tháng. Đề tài đã xây dựng 3 nhóm biện pháp theo trình tự tổ chức một hoạt động là nhóm biện pháp chuẩn bị, nhóm biện pháp tổ chức, hướng dẫn và nhóm biện pháp đánh giá.

Thời điểm trước TN, số lượng trẻ ở nhóm trẻ đối chứng và thực nghiệm đều chỉ đạt mức độ TG "thấp" là khá cao đến 40%, các bé chỉ nhận biết được 1 màu sắc, còn nhầm lẫn giữa các màu. Về bài tập 2 chuẩn đoán "khả năng nhận biết hình dạng qua hành động tri giác" các bé thường dùng tay nhấn mạnh các hình vào khuôn thủng, hoặc chỉ nhận biết được sau khi được GV hướng dẫn dùng tay sờ quanh đường viên của khuôn. Ở các bài tập 3, 4 các bé chưa nhận biết chính xác, mức độ phát triển TG chi73 đạt ở mức độ "thấp". Trong quá trình thực hiện BT,các bé trông chờ nhiều vào sự hướng dẫn, giúp đỡ của cô, có những bé còn không thực hiện bài tập hoặc không chú ý lời cô gợi ý.

Sau TN, nhóm ĐC cũng có sự tiến bộ tuy là không có nhiều sự khác biệt giữa hai thời điểm. Nhưng dưới tác động giáo dục thường ngày, các bé được thao tác, hoạt động nhiều các đồ chơi, trò chơi cũng đã phần nào giúp cho mức độ TG của các bé nhóm ĐC tiến bộ hơn thời điểm trước TN, nhưng sự tiến bộ là không đồng đều ở các trẻ và tổng điểm của các trẻ thực hiện bì tập là không đạt ở mức cao.

Sau TN, nhóm TN dưới những tác động sư phạm, GV áp dụng những biện pháp mà đề tài đưa ra và thử nghiệm. Trẻ được chơi và tiếp xúc với môi trường, đô chơi đa dạng về cách chơi, phong phú về nguyên vật liệu. Kết hợp với việc áp dụng tổ chức HĐVĐV theo các bước trong biện pháp kết quả đã thu được nhiều số liệu chứng minh trình bày mức độ phát triển TG của trẻ NTN là cao hơn hẳn NĐC, mức độ chênh lệnh giữa hai nhóm luôn có ý nghĩa khác biệt nhau. Sau TN, đa số trẻ đều đạt tiêu chuẩn nhận biệt và gọi tên "chính xác" các chuẩn màu sắc, hình dạng và kích thước. và có đến 7 trẻ đạt mức độ phát triển TG "cao". Thể hiện sự phát triển tương đồng nhau giữa các trẻ trong nhóm TN.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận

1. Về cơ sở lí luận

HĐVĐV là hoạt động chủ đạo của trẻ lứa tuổi 24-36 tháng, trong giai đoạn 24-36 tháng, nhận thức cảm tính chiếm ưu thế là điều kiện thuận lợi cho việc hình thành và phát triển chuẩn cảm giác của trẻ. Thông qua quá trình trẻ thao tác với đồ vật, khả năng định hướng môi trường xung quanh mở rộng, đồng thời trẻ lắng nghe sự chỉ dẫn bằng lời của cô giúp trẻ phát triển tri giác.

Tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ là quá trình người lớn tổ chức, hướng dẫn, tạo môi trường đồ vật cho trẻ tiếp xúc, thao tác hành động qua đó trẻ nắm được đặc điểm về màu sắc, hình dạng, kích thước và chức năng, cách sử dụng đồ vật.

2. Kết quả nghiên cứu thực trạng

GV có nhận thức cơ bản về tổ chức HĐVĐV và đặc điểm phát triển TG của trẻ 24-36 tháng. Tuy nhiên, chưa nhận thức sâu sắc về vai trò của việc tổ chức HĐVĐV giúp trẻ phát triển TG nói riêng và phát triển nhận thức cảm tính nói chung.

GV còn lúng túng, gặp khó khăn trong tiến trình tổ chức một hoạt động dựa trên ba bước: bước 1: chuẩn bị (giáo án, môi trường, đồ dùng-đồ chơi); bước 2: gợi ý, hướng dẫn hoạt động; bước 3: đánh giá sau quá trình hoạt động. Chính vì vậy, nội dung và hình thức trong giờ hoạt động chơi tập có chủ đích, giờ hoạt động góc chưa rõ ràng. Các dạng HĐVĐV như *phát triển hành động thiết lập mối tương quan, trong đó phân biệt hình dạng, kích thước* là các dạng ít được GV tổ chức trong các giờ hoạt động góc. Môi trường đồ dùng-đồ chơi chưa phù hợp với số lượng trẻ và chưa phong phú, mới mẻ về cách thức chơi.

Biện pháp mà GV sử dụng chủ yếu là biện pháp làm mẫu, dùng lời hướng dẫn trẻ, sử dụng đồ dùng trực quan. Tuy nhiên, GV chưa phối hợp một cách linh hoạt và sáng tạo, chưa dựa trên đặc điểm phát triển TG cho trẻ. Lời hướng dẫn chưa ngắn gọn, cụ thể vào nội dung hoạt động, đánh giá còn mang tính hình thức và cảm tính chưa xây dựng các tiêu chí đánh giá mức độ phát triển TG cụ thể.

Mức độ phát triển TG của nhóm trẻ được khảo sát chỉ đạt ở mức "*yếu"* và *"trung bình"*, thao tác cầm, nắm hành động với đồ vật còn yếu và chưa mang tính mục đích. Đa số trẻ chưa nhận biết, phân biệt chính xác màu sắc, hình dạng, kích thước của đồ vật, ngôn ngữ của trẻ còn nhiều hạn chế dẫn đến trẻ thường gọi tên nhầm lẫn, TG chưa chính xác đặc điểm của đồ vật

3. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm

Qua kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy sự khác biệt ở hai nhóm ĐC và TN. Số lượng trẻ NTN đạt mức độ "cao" phát triển TG nhiều hơn trẻ NĐC

Trẻ NTN nhận biết, phân biệt và gọi tên chính xác màu sắc, hình dạng, kích thước của đồ vật hơn NĐC. Việc TG vật qua *"hành động TG"* có sự tiến bộ, trẻ đã nhận biết đồ vật bằng mắt và bỏ qua bước trung đoạn "*ướm thử"*.

Nguyên nhân dẫn đến mức độ phát triển TG của trẻ NTN tăng do GV đã quan tâm, tạo môi trường cho trẻ được tham gia vào HĐVĐV theo từng nội dung phù hợp với đặc điểm phát triển TG ở lứa tuổi 24- 36 tháng. GV đã có sự vận dụng các biện pháp mà chúng tôi đề xuất một cách linh hoạt và hợp lí, cách tổ chức HĐVĐV có nhiều đổi mới trong giáo án hoạt động chơi-tập có chủ đích, hoạt động góc và có sự theo dõi, quan sát và đánh giá trẻ ở từng thời điểm một cách cụ thể.

II. Kiến nghị

1. Đối với trường mầm non

Hướng dẫn GV khi tổ chức HĐVĐV cần đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung hoạt động và xây dựng tiêu chí đánh giá cụ thể nhằm phát triển TG.

Nhà trường cần trang bị đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi phù hợp với đặc điểm phát triển lứa tuổi, cụ thể là phát triển nhận thức cảm tính TG của trẻ.

Khuyến kích GV sáng tạo trong hình thức, môi trường tổ chức HĐVĐV phù hợp với đặc điểm phát triển TG cho trẻ 24-36 tháng.

Xây dựng các buổi chuyên đề, bồi dưỡng và nâng cao nhận thức của GV về dạy học tích cực, dạy học sáng tạo dựa theo nhu cầu và hứng thú của trẻ.

❖ ***Đối với giáo viên***

GV cần áp dụng các biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm pháp triển TG cho trẻ 24-36 tháng một cách linh hoạt và sáng tạo

Trao dồi nhận thức về đặc điểm HĐVĐV, đặc điểm phát triển TG và vai trò của việc tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG cho trẻ.

Sử dụng lời nói ngắn gọn, dễ hiểu, trong lời hướng dẫn và giao tiếp với trẻ, tích cực hóa vốn từ.

GV cần tổ chức đánh giá theo bảng tiêu chí mức độ phát triển TG sau mỗi giờ tổ chức HĐVĐ để có những bổ sung, chỉnh sửa kịp thời cho các giờ tổ chức HĐVĐV sau.

Chia sẻ với phụ huynh lựa chọn đồ dùng, đồ chơi an toàn, có màu sắc trung thực, hình dạng, kích thước rõ ràng phù hợp lứa tuổi nhằm phát triển TG cho trẻ.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A.I.Xôrôkina. (1986). *Dạy trẻ làm quen với đồ vật.* Nxb Giáo dục.

A.N.Lêônchev. (1980). *Sự phát triển Tâm lí trẻ em.* Trường Cao đẳng Sư phạm Thành phố.

Annie Lesley Corn, Jane N.Erin. (2010). Visual Development. Trong K. A. Ferrell, *Foundation of Low Vision: Clinical and Functional Perspectives* (tr. 299-329). New York: AFB Press American Foundation for the Blind.

April Gwen Ellsworth. (2017). *Visual Perception Activities for Kids*. Được truy lục từ study: https://study.com/academy/lesson/visual-perception-activities-for-kids.html

Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2016). *Chương trình giáo dục mầm non.* Hà Nội: Nxb Giáo dục.

Carol Garhart Mooney. (2016). *Các lý thuyết về trẻ em của Dewey*, *Montessori, Erikson, Piaget & Vygotsky*. Nxb Lao động.

Development., K. S. (2017). *Childdevelopment.* Đã truy lục 2018, từ Manipulation: https://childdevelopment.com.au/areas-of-concern/fine-motor-skills/manipulation/.

Đào Thanh Âm. (1997). *Giáo dục trí tuệ*. Trong *Giáo dục học Mầm non* (tr. 31). Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

HealthyFamilies BC. (2018, January 30). *Toddlers' Cognitive Development from 30-36 Months*. Được truy lục từ HealthyFamilies BC: https://www.healthyfamiliesbc.ca/home/articles/toddlers-cognitive-development-30-36-months.

Hillary Rolston. (2017, June). *Early Childhood Perceptual Development*. Được truy lục từ Healthfully: https://healthfully.com/74546-early-childhood-perceptual-development.html.

Hoàng Phê. (1992). *Từ điển Tiếng Việt.* Viện khoa học xã hội nhân văn.

Huỳnh Văn Sơn. *Những kiến thức cơ bản của tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm*. Nxb Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.

Jean Piaget. (1979). *Tâm lí học trí khôn.* Nxb Giáo dục.

Maria Montessori. (2015). *Phương pháp giáo dục Montessori - Sức Thẩm Thấu Của Tâm Hồn*. Nxb Đại học Sư phạm.

Montessori, M. (2016). *Khái quát hóa về sự huấn luyện các giác quan*. Trong N. M. Trần Thy Lâm, *Khám phá trẻ thơ.* Nxb Tri Thức.

Montessori, M. (2016). *Khái quát hóa về sự huấn luyện các giác quan*. Trong N. M. Trần Thị Lâm, *Khám phá trẻ thơ* (trang 187). Nxb Tri thức.

Ngô Hiếu Huy. (2013). *Phương pháp giáo dục Montessori*. Trong *Phương pháp giáo dục tối ưu dành cho trẻ 0-6 tuổi.* Nxb Văn hóa-Thông tin.

Nguyễn Ánh Tuyết. (1998). *Giáo dục mầm non- những vấn đề lí luận và thực tiễn.* Nxb Đại học Sư phạm.

Nguyễn Ánh Tuyết. (1997). *Tâm lí học trẻ em lứa tuổi mầm non*. Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

Nguyễn Ánh Tuyết. (2014). *Xây dựng trò chơi phát triển hành động tri giác cho trẻ 3-4 tuổi.*

Nguyễn Quang Uẩn. (1997). *Giáo trình Tâm lí học đại cương*. Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

Nguyễn Thị Hoà. (2013). *Giáo dục học mầm non*. Nxb Đại học Sư phạm.

Nguyễn Thị Hoà. (2009). *Phát huy tính tích cực nhận thức cho trẻ 5-6 tuổi trong trò chơi học tập.* Nxb Đại học Sư phạm.

Nguyễn Thị Oanh. (2009). *Tổ chức các hoạt động chăm sóc cho trẻ ở tường mầm non*. Nxb Giáo dục.

Nguyễn Thị Thanh Hà. (2006). *Trò chơi của trẻ với đồ vật*. Trong *Giáo trình tổ chức hoạt động vui chơi của trẻ ở trường Mầm non* (tr. 27-36, tr.131-198). Nxb Giáo dục.

P.A.Rudich. (1980). *Những đặc điểm phát triển tâm lí của trẻ em lứa tuổi Nhà trẻ*. Trong *Tâm lí học.* Hà Nội: Nxb Thể dục Thể thao.

P.G.Xamarukova. (1986). *Trò chơi trẻ em*. Sở Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh.

Phan Thị Minh Hà. (2003). *Ý nghĩa của HĐĐV đến sự phát triển của trẻ nhà trẻ*. Trong *Thông tin KH-GD Mầm non.* Trường Cao đẳng Sư phạm Thành phố.

Phan Thị Minh Hà. (2017). *Tổ chức hoạt động với đồ vật cho trẻ dưới 3 tuổi*. Nxb Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

Phan Thị Minh Hà. (2007). *Thực trạng phương pháp tổ chức HĐVĐV cho trẻ 18-24 tháng trong trường mầm non*. Trong *Đề tài khoa học cấp cơ sở.* Trường Cao đẳng Sư phạm Thành phố.

Phan Trọng Ngọ. (2001). *Tâm lí học trí tuệ.* Nxb Giáo dục.

Revival: Soviet Developmental Psychology: An Anthology. (1977). Trong L.A.Veger, *The emergence of perceptual act* (tr.416-422). New York: Routledge.

Trương Thị Huỳnh Mai. (2005). *Phương pháp phát triển hành động tri giác sự vật trong quá trình cho trẻ 3-4 tuổi làm quen với môi trường xung quanh.* Thành phố Hồ Chí Minh.

Trương Thị Xuân Huệ. (2013). *Quy trình phát triển tri giác nhìn cho trẻ khiếm thị.* Sở khoa học công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh.

V.X. Mukhina. (1980). *Tâm lí học mẫu giáo*. Nxb Giáo dục Hà Nội.

Viện ngôn ngữ học. (2004). *Từ điển Tiếng Việt.* Nxb Đà Nẵng.

Vũ Thị Ngân. *Giáo trình tổ chức Hoạt động với đồ vật cho trẻ mầm non*. Tài liệu lưu hành nội bộ trường Cao đẳng Sư phạm Thành phố.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1

BẢNG HỎI

(Dành cho CBQL và GVMN)

Với mong muốn xác định "*thực trạng biện pháp tổ chức hoạt động với đồ vật nhằm phát triển tri giác cho trẻ 24-36 tháng"* và trên cơ sở đề ra các biện pháp điều chỉnh cần thiết. Kính mong anh (chị) trả lời một số câu hỏi trong phiếu bằng cách đánh dấu (x) vào những ô mà anh (chị) cho là phù hợp hoặc viết vào các dòng còn để trống. Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác nhiệt tình của anh (chị).

Phần 1: Thông tin cá nhân

Đơn vị công tác: ……...

Bằng cấp chuyên môn

Trung cấp □ Cao đẳng □ Đại học □ Sau đại học □

Thâm niên công tác:

Dưới 5 năm □ 5-10 năm □ Trên 10 năm □

Số năm dạy nhóm/lớp 24-36 tháng:…….

Phần 2: Nội dung khảo sát

Câu 1 : Theo anh (chị) những tiêu chí nào là đặc điểm phát triển tri giác của trẻ 24-36 tháng?

□ Lựa chọn vật dụng, đồ dùng đồ chơi bằng tín hiệu thị giác

□ Nhận biết hình dạng cơ bản: hình tròn, hình vuông

□ Nhận biết hình dạng cơ bản: hình tam giác, hình chữ nhật

□ Nhận dạng các hình dạng cơ bản trong thực tế

□ Nhận biết màu cơ bản: đỏ, xanh, vàng

□ Nhận biết kích thước to-nhỏ

□ Nhận biết vị trí không gian (trên-dưới), (trước-sau) so với trẻ

□ Nhận biết vị trí không gian (trên-dưới), (trước-sau) so với trẻ

□ Nhận biết thời gian: sáng-tối, đêm- ngày

□ Nhận biết các vật quen thuộc trong tranh

□ Nhận ra đồ dùng, vật dụng của bản thân

Câu 2: Theo anh (chị) những tiêu chí nào là đặc điểm HĐVĐV của trẻ 24-36 tháng?

□ Tìm hiểu đặc tính của đồ vật (màu sắc, hình dạng, độ lớn)

□ Làm quen với chức năng, công dụng của đồ vật

□ Lĩnh hội phương thức sử dụng đồ vật thì đồng thời cũng tri giác được màu sắc, hình dạng, kích thước của đồ vật đó

□ Hành động thiết lập mối tương quan giúp trẻ nhận biết vị trí của đồ vật trong không gian

□ Hành động thiết lập mối tương quan giúp trẻ nhận biết sắp xếp đồ vật theo trình tự

□ Hành động công cụ và hành động thiết lập mối tương quan có tác dụng giáo dục và phát triển TG cho trẻ

□ Hoạt động chơi nghịch đơn giản với đồ vật, trẻ không thể phát triển chức năng, công dụng của đồ vật

Các ý kiến khác: .....

.....

.....

Câu 3: Anh (chị) hãy cho biết ý kiến các biểu hiện phát triển tri giác của trẻ 24-36 tháng qua hoạt động với đồ vật?

□ Chỉ và nói tên đúng đồ vật màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu

□ Lấy hoặc cất đúng đồ vật màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu

□ Chỉ và nói tên đúng đồ vật có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu

□ Lấy hoặc cất đúng đồ vật có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu

□ Chỉ và nói tên đúng đồ vật có hình tròn/hình vuông theo yêu cầu

□ Lấy hoặc cất đúng đồ vật có hình tròn/hình vuông theo yêu cầu

□ Dùng mắt để lựa chọn đối tượng để hành động mà không cần thử sai.

□ Nhận ra đồ dùng, vật dụng của bản thân

□ Nhận biết được đồ vật khi chỉ thấy một vài dấu hiệu của đồ vật

Các ý kiến khác: .....

.....

.....

Câu 4: Anh (chị) hãy cho ý kiến về vai trò tổ chức hoạt động với đồ vật nhằm phát triển tri giác cho trẻ 24-36 tháng?

□ Đặc điểm riêng biệt của sự vật-hiện tượng được bộc lộ

□ Hình thành biểu tượng, thuộc tính về đồ vật

□ Nhận biết, phân biệt các đồ vật

□ Hình thành và phát triển hành động định hướng bằng mắt

□ Hành động công cụ và hành động thiết lập mối tương quan giúp tri giác của trẻ phát triển

□ Tích luỹ biểu tượng và làm cơ sở so sánh với các vật khác

□ Hình thành chuẩn cảm giác ở trẻ

Các ý kiến khác: .....

.....

.....

Câu 5: Anh (chị) thường tổ chức hoạt động với đồ vật theo hình thức nào, mức độ ra sao?

STT	**Hình thức tổ chức hoạt động**	**Mức độ**		
		Chưa bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường xuyên
1	Giờ chơi-tập có chủ đích			
2	Giờ chơi tự do			
3	Sinh hoạt hằng ngày			

Các ý kiến khác: .....

.....

.....

Câu 6: Anh (chị) thường tổ chức hoạt động với đồ vật theo những nội dung nào và mức độ ra sao?

STT	Nội dung tổ chức hoạt động	Mức độ		
		Chưa bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường xuyên
1	Phát triển hành động khám phá			
2	Phát triển hành động thiết lập mối tương quan			
3	Phát triển hành động công cụ			
4	Làm quen màu sắc, hình dạng, kích thước của đồ vật			
5	Nhận biết màu sắc, hình dạng, kích thước của đồ vật			
4	Phân biệt, màu sắc, hình dạng, kích thước của đồ vật			

Các ý kiến khác: .....

.....

.....

Câu 7: Anh (chị) hãy cho biết ý kiến về thực trạng sử dụng các biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển tri giác cho trẻ 24-36 tháng?

□ Xây dựng môi trường đồ dùng-đồ chơi khuyến khích trẻ phát triển tri giác

□ Sử dụng trò chơi học tập phù hợp đặc điểm TG

□ Sử dụng đồ dùng trực quan phù hợp

□ Làm mẫu cho trẻ thực hiện theo

□ Dùng lời hướng dẫn trẻ cách thức hành động

□ Tạo tình huống, trò chơi, đặt câu hỏi gợi ý nội dung hoạt động

□ Tạo cơ hội cho trẻ được lựa chọn đồ dùng, đồ chơi theo ý thích

Các ý kiến khác: .....

.....

Câu 8: Anh (chị) hãy cho biết mức độ anh (chị) sử dụng biện pháp tổ chức hoạt động với đồ vật nào để phát triển tri giác cho trẻ 24-36 tháng

STT	Biện pháp	Các mức độ				
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
1	Xây dựng môi trường đồ dùng-đồ chơi khuyến khích trẻ phát triển tri giác					
2	Sử dụng trò chơi học tập phù hợp đặc điểm TG					
3	Sử dụng đồ dùng trực quan phù hợp					
4	Làm mẫu cho trẻ thực hiện theo					
5	Dùng lời hướng dẫn trẻ cách thức hành động					
6	Tạo tình huống, trò chơi, đặt câu hỏi gợi ý nội dung hoạt động					
7	Tạo cơ hội cho trẻ được lựa chọn đồ dùng, đồ chơi theo ý thích					

Các ý kiến khác: .....

.....

.....

Phụ lục 2

PHIẾU PHỎNG VẤN

(Dành cho CBQL và GVMN)

Tên người được phỏng vấn…….Trình độ……

Trường……

Thâm niên công tác……

Chức vụ:…….

NỘI DUNG PHỎNG VẤN

1. Theo anh (chị) có cần thiết phát triển tri giác cho trẻ trong tổ chức hoạt động với đồ vật không? Vì sao?
2. Trong quá trình tổ chức HĐVĐV anh (chị) thường sử dụng biện pháp (nào để phát triển tri giác cho trẻ?
3. Tổ chức HĐVĐV có vai trò, ý nghĩa đối với sự phát triển tri giác của trẻ như thế nào?
4. GVMN thường gặp những thuận lợi và khó khăn gì khi tổ chức hoạt động với đồ vật nhằm phát triển tri giác cho trẻ? Nguyên nhân nào dẫn đến khó khăn này?

Xin chân thành cảm ơn Cô

Phụ lục 3

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ PHÁT TRIỂN TRI GIÁC

STT	Các tiêu chí	Các biểu hiện	Các tiêu chuẩn	Điểm số	
1	**Nhận biết chuẩn màu sắc (1)**	Nhận biết và phân biệt 3 màu: màu vàng, đỏ, xanh dương (1)	*Sai chuẩn*: trẻ nhận biết sai 3 màu	1	
			Nhầm lẫn: trẻ nhận biết chưa chính xác, còn nhầm lẫn 3 màu	2	
			Đúng chuẩn: trẻ nhận biết chính xác cả 3 màu	3	
		Gọi tên màu sắc 3 màu: màu vàng, đỏ, xanh dương (2)	*Không gọi được tên*: trẻ không nhận biết và không gọi tên được 3 màu sắc	1	
			Nhầm lẫn: trẻ phân biệt lẫn lộn giữa ba màu	2	
			Gọi tên chính xác: Trẻ nhận biết và gọi tên 3 màu	3	
2	**Nhận biết chuẩn hình dạng (theo hành động TG) (2)**	Nhận biết và phân biệt rõ ràng hình vuông, hình tròn theo hành động TG (3)	*Thử sai*: trẻ dùng tay thử-sai nhiều lần	1	
			Đặt cạnh, đặt chồng: trẻ ướm thử, đặt hờ.	2	
			Bằng mắt: trẻ sử dụng định hướng và nhận biết bằng mắt	3	
3	**Nhận biết chuẩn hình**	Nhận biết và phân biệt rõ	*Sai chuẩn*: trẻ nhận biết sai 2 hình	1	

	dạng (3)	ràng hình vuông, hình tròn (4)	*Nhầm lẫn*: trẻ nhận biết chưa chính xác, còn nhầm lẫn 2 hình	2	
			Đúng chuẩn: trẻ nhận biết chính xác cả 2 hình	3	
		Gọi tên hình tròn, hình vuông (5)	*Không gọi được tên*: trẻ không nhận biết và không gọi tên được 2 vật hình tròn, hình vuông	1	
			Nhầm lẫn: trẻ phân biệt lẫn lộn giữa 2 hình tròn, hình vuông	2	
			Gọi tên chính xác: Trẻ nhận biết và gọi tên 2 hình	3	
4	**Nhận biết kích thước (4)**	Nhận biết và phân biệt đồ vật to, nhỏ (6)	*Sai chuẩn*: trẻ nhận biết sai 2 đồ vật	1	
			Nhầm lẫn: trẻ nhận biết chưa chính xác, còn nhầm lẫn 2 kích thước	2	
			Đúng chuẩn: trẻ nhận biết chính xác cả 2 kích thước đồ vật	3	
		Gọi tên đồ vật to, nhỏ (7)	*Không gọi được tên*: trẻ không nhận biết và không gọi tên được 2 vật to, vật nhỏ	1	
			Nhầm lẫn: trẻ phân biệt lẫn lộn giữa 2 đồ vật to,	2	

			nhỏ		
			Gọi tên chính xác: Trẻ nhận biết và gọi tên 2 đồ vật to, nhỏ	3	
5	**Nhận biết đối tượng trọn vẹn (5)**	Nhận biết đối tượng qua vài dấu hiệu (8)	*Nhận biết sau khi hành động*: trẻ nhận ra sự vật, đồ vật sau khi hoạt động	1	
			Nhận biết trong khi hành động: trẻ nhận ra sự vật, đồ vật trong khi hoạt động	2	
			Nhận biết trước khi hành động: trẻ nhận ra sự vật, đồ vật trước khi hoạt động	3	
6	**Tính tích cực trong hoạt động (6)**	Kiên trì (9)	*Mức độ 1*: ngay sau lần thất bại đầu tiên trẻ ngừng hoạt động.	1	
			Mức độ 2 :trẻ thử giải quyết vấn đề 2,3 lần và sau đó không còn hứng thú với hoạt động đó nữa	2	
			Mức độ 3: trẻ thử nhiều lần để giải quyết vấn đề.	3	
		Độc lập trong hành động (10)	*Mức độ 1*: Trẻ thử tự hành động nhưng không tự tin sau khi thất bại lần đầu, trẻ nhờ người lớn giúp	1	

			Mức độ 2: Có độc lập trẻ, nhưng vẫn trông chờ nhận giúp đỡ của 3người lớn	2	
			Mức độ 3: Trẻ không nhờ giúp đỡ, độc lập giải quyết nhiệm vụ	3	
7	**Ý chí và kết quả đạt được (7)**	Mong muốn đạt kết quả đúng (11)	*Không biểu hiện*:dễ nãn, ngay lập tức bỏ dỡ, nhờ người lớn giúp, không hoàn thành nhiệm vụ	1	
			Biểu hiện không rõ rệt: Trẻ có cố gắng nhưng vẫn bỏ dở nhiệm vụ	2	
			Biểu hiện rõ rệt: Trẻ kiên trì để đạt được kết quả đúng, hoàn thành đúng hết nhiệm vụ	3	

Phụ lục 4

PHIẾU QUAN SÁT HOẠT ĐỘNG CÓ CHỦ ĐÍCH

Hoạt động học có chủ đích	
Ngày quan sát…….Lứa tuổi……Số lượng trẻ:……... Tên hoạt động (mô tả ngắn gọn)…….. Mục tiêu của hoạt động…… Kiến thức:…….. Kĩ năng…….. Thái độ…….. **Cách tiến hành**	
Hoạt động của cô	Hoạt động của trẻ
…… …… …… …… …… …… …… …… …… …… …… …… ……	…… …… …… …… …… …… …… …… …… …… …… …… ……

Phụ lục 5

PHIẾU QUAN SÁT GIỜ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VỚI ĐỒ VẬT NHẰM PHÁT TRIỂN TRI GIÁC CHO TRẺ 24-36 THÁNG

Tên trẻ:…….....Lớp:……Trường……

Ngày quan sát:…….

Hoạt động:……...

1. **Vật liệu**

□ Từ thiên nhiên (hột, hạt, sỏi,lá cây..)

□ Các khối mút xốp, gỗ

□ Các đồ dùng sinh hoạt hằng ngày (ly, muỗng, đĩa..)

□ Phế liệu (giấy,bìa, nhựa, nút..)

- Sự phong phú
  - Hình dạng: □ Phong phú □ Bình thường □ Sơ sài
  - Màu sắc: □ Phong phú □ Bình thường □ Sơ sài
- Số lượng so với yêu cầu của hoạt động với đồ vật

□ Thừa □ Đủ □ Thiếu

2. **Hoạt động của giáo viên**

- Trong giờ tổ chức HĐVĐV có nội dung phát triển tri giác

□ Có □ Không

- Phát triển tri giác theo nội dung

□ Hình dạng □ Kích thước □ Màu sắc

- Tạo hứng thú cho trẻ trước khi tổ chức

□ Tốt □ Bình thường □ Không tốt □ Không thực hiện

- Thảo luận, trao dổi cùng trẻ trước khi tổ chức

□ Tốt □ Bình thường □ Không tốt □ Không thực hiện

- Hướng dẫn trẻ tham gia vào hoạt động

□ Cụ thể, rõ ràng, dễ hiểu □ Khó hiểu, dài dòng □ Không thực hiện

- Thái độ hướng dẫn:

□ Nhiệt tình, cởi mở□ Doạ nạt □ Gò ép, căng thẳng □ Chê bai

- Hình thức hỗ trợ trẻ hoạt động



□ Dùng lời □ Làm mẫu □ Cầm tay hoặc hình thức tương tự

□ Dùng cử chỉ, tranh ảnh □ Kết hợp các hình thức hỗ trợ trên

- Mức độ hỗ trợ:

□ Quá nhiều □ Quá ít □ Phù hợp □ Không hỗ trợ

- Nội dung hướng dẫn

……..

……..

- Sự giám sát trong quá trình hoạt động

□ Phù hợp □ Không phù hợp □ Không theo dõi

- Trong quá trình trẻ hoạt động, thấy trẻ không hoạt động, giáo viên đã làm gì?

□ Không quan tâm □ Làm mẫu

□ Hỏi, gợi mở □ Khuyến kích trẻ

Khác……

…

…..……..

- **Nhận xét của giáo viên**

- Thời điểm đưa ra nhận xét

□ Trước khi hoạt động □ Trong khi hoạt động

□ Sau khi hoạt động

- Cách nhận xét

□ Hoàn toàn khen, không chê

□ Hoàn toàn chê, không khen

□ Khen nhiều hơn chê

□ Chê nhiều hơn khen

□ Có tính động viên, khuyến khích, hỗ trợ, gợi ý

□ Chỉ tập trung vào kết quả hoạt động của trẻ

□ Chú ý đến quá trình hoạt động của trẻ

- Nội dung nhận xét của giáo viên…….

……..



3. Hoạt động của trẻ

- Hứng thú của trẻ:

Biểu hiện	Rất hứng thú	Hứng thú	Bình thường	Thờ ơ, chán nản
Trước khi hoạt động				
Trong khi hoạt động				
Sau khi hoạt động				

- Lựa chọn và sử dụng đồ dùng, đồ chơi khi hoạt động

Cách chọn	Tỉ mỉ, kĩ càng	Qua loa, đại khái	Không chọn
Về màu sắc			
Về hình dạng			

- Quan sát mẫu hoặc quan sát cô làm mẫu

□ Quan sát kĩ □ Vừa quan sát, vừa làm theo □ Không quan sát

- Chỉ/nói được tên đối tượng tri giác

□ Màu sắc □ Hình dạng □ Kích thước

- Cách hành động của trẻ

□ Theo kiểu thử-sai

□ Ướm thử

□ Đặt cạnh, đặt chồng □ Định hướng bằng mắt

- Tính độc lập khi chơi:

□ Hoàn toàn độc lập □ Nhìn bạn làm và bắt chước

□ Hỏi cô □ Không chơi

- Sự tập trung chú ý trong khi hoạt động

□ Tập trung □ Thỉnh thoảng xao lãng □ Không tập trung

- Thời gian trẻ tham gia hoạt động

□ Dưới 10 phút □ 10-15 phút □ Toàn bộ giờ chơi

Phụ lục 6

TEST "PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC CẢM TÍNH"

❖ **Bài tập 1: Chẩn đoán chuẩn màu sắc**

Mục đích: Xác định mức độ nhận thức các chuẩn màu sắc

Công cụ: Ba túi màu (đỏ, vàng, xanh dương)

Cách tiến hành:

a) Khảo sát biểu hiện: Nhận biết và phân biệt 3 màu: màu vàng, đỏ, xanh dương

- Khảo sát tiến hành cá nhân từng trẻ.Từng trẻ lên bàn ngồi và đặt công cụ lên bàn (3 túi màu)
- Đặt 3 túi màu (đỏ, vàng, xanh dương) lên bàn và đặt câu hỏi cho trẻ: "Túi nào là màu đỏ (xanh, vàng) con hãy cầm lên cho cô
- Trẻ xác định bằng cách cầm hình lên hoặc chỉ vào hình.

b) Khảo sát biểu hiện: "Gọi tên màu đỏ, vàng, xanh dương"

- Đặt 3 túi màu (đỏ, vàng, xanh dương) lên bàn và chỉ vào từng túi, đặt câu hỏi cho trẻ: " Đây là màu gì vậy con?"
- Trẻ dùng tay xác định và gọi tên: " Đây là màu đỏ (vàng, xanh dương)"

Lưu ý: Mỗi biểu hiện thực hiện 2 lần để tránh trường hợp trẻ trả lời ngẫu nhiên. Ở lần 2: đảo vị trí các túi màu

Phân tích kết quả

Các tiêu chuẩn	**Điểm số**	
Sai chuẩn: trẻ nhận biết sai 3 màu	1	
Nhầm lẫn: trẻ nhận biết chưa chính xác, còn nhầm lẫn 3 màu	2	
Đúng chuẩn: trẻ nhận biết chính xác cả 3 màu	3	

TEST "HỘP HÌNH"

❖ **Bài tập 2: Chuẩn đoán chuẩn kích thước theo "hành động tri giác" Mục đích:** Xác định hành động đối chiếu với chuẩn

Công cụ: Hộp hình có khuôn thủng hình vuông, hình tròn và 2 hình vuông, hình tròn rời bên ngoài

Cách tiến hành: Khảo sát *"Nhận biết và phân biệt rõ ràng hình vuông, hình tròn theo hành động TG"*

- Nói với trẻ: "Cô đã làm rơi hình vuông, hình tròn ra bên ngoài! Con hãy đặt hình vuông, hình tròn vô vị trí trong khuôn thích hợp"
- Hỗ trợ trẻ: "Con hãy sờ đường viền của hình và khuôn thủng bằng đầu ngón tay". " Con xem hình đó có che kín hết khuôn thủng hay không"
- **Phân tích kết quả**

Các tiêu chuẩn	**Điểm số**	
Thử sai: trẻ dùng tay thử-sai nhiều lần	1	
Đặt cạnh, đặt chồng: trẻ ướm thử, đặt hờ.	2	
Bằng mắt: trẻ sử dụng định hướng và nhận biết bằng mắt	3	

TEST "PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC CẢM TÍNH"

❖ Bài tập 3: Chuẩn đoán chuẩn hình dạng

Mục đích: Xác định mức độ nhận thức các chuẩn hình dạng

Công cụ: Hai hình hình học (hình tròn, hình vuông)

Cách tiến hành:

a) Khảo sát biểu hiện Nhận biết và phân biệt rõ ràng hình vuông, hình tròn

- Khảo sát tiến hành cá nhân từng trẻ.Từng trẻ lên bàn ngồi và đặt công cụ lên bàn
- Đặt hai hình hình học (hình tròn, hình vuông) lên bàn và đặt câu hỏi cho trẻ: "Hình nào là hình vuông con hãy cầm lên cho cô?"; : "Hình nào là hình tròn con hãy cầm lên cho cô?"
- Trẻ xác định bằng cách cầm hình lên hoặc chỉ vào hình.

b) Khảo sát biểu hiện: "Gọi tên hình vuông, hình tròn"

- Đặt hai hình hình học (hình tròn, hình vuông) lên bàn và chỉ vào từng hình đặt câu hỏi cho trẻ: " Đây là hình gì vậy con?"
- Trẻ dùng tay xác định và gọi tên: " Đây là hình tròn"; "Đây là hình vuông" **Lưu ý**: Mỗi biểu hiện thực hiện 2 lần để tránh trường hợp trẻ trả lời ngẫu nhiên. Ở lần 2: đảo vị trí các hình

Phân tích kết quả

Các tiêu chuẩn	**Điểm số**	
Sai chuẩn: trẻ nhận biết sai 2 hình	1	
Nhầm lẫn: trẻ nhận biết chưa chính xác, còn nhầm lẫn 2 hình	2	
Đúng chuẩn: trẻ nhận biết chính xác cả 2 hình	3	

TEST "PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC CẢM TÍNH"

❖ Bài tập 4: Chẩn đoán chuẩn kích thước

Mục đích: Xác định mức độ nhận thức các chuẩn kích thước

Công cụ: Hai vật to-nhỏ

Cách tiến hành:

a) Khảo sát biểu hiện: Nhận biết và phân biệt kích thước: to, nhỏ

- Khảo sát tiến hành cá nhân từng trẻ.Từng trẻ lên bàn ngồi và đặt công cụ lên bàn 2 vật có kích thước (to- nhỏ)
- Đặt 2 vật có kích thước (to- nhỏ) lên bàn và đặt câu hỏi cho trẻ: "Vật nào to (nhỏ) con hãy cầm lên cho cô"
- Trẻ xác định bằng cách cầm lên hoặc chỉ vào.

b) Khảo sát biểu hiện: "Gọi tên 2 vât có kích thước: to, nhỏ"

- Đặt 2 vật có kích thước (to- nhỏ) lên bàn và chỉ vào từng vật, đặt câu hỏi cho trẻ: " Vật này to hay nhỏ gì vậy con?"
- Trẻ dùng tay xác định và gọi tên: " Vật này to (nhỏ)"

Lưu ý: Mỗi biểu hiện thực hiện 2 lần để tránh trường hợp trẻ trả lời ngẫu nhiên. Ở lần 2: đảo vị trí các vật.

Phân tích kết quả

Các tiêu chuẩn	**Điểm số**	
Sai chuẩn: trẻ nhận biết sai 2 đồ vật	1	
Nhầm lẫn: trẻ nhận biết chưa chính xác, còn nhầm lẫn 2 kích thước	2	
Đúng chuẩn: trẻ nhận biết chính xác cả 2 kích thước đồ vật	3	

TEST "GHÉP HÌNH 2-4 MẢNH"

❖ Bài tập 5: Chuẩn đoán khả năng nhận biết đối tượng trọn vẹn

Mục đích: Kiểm tra khả năng nhận biết đối tượng qua vài dấu hiệu trong thế giới xung quanh.

Công cụ: Hình các con vật, đồ vật quen thuộc với trẻ.. Hình cắt thành 2-4 mảnh

Cách tiến hành

- Đưa cho trẻ những mảnh ghép từ đơn giản đến phức tạp xem trẻ có nhận ra đối tượng trước khi ghép hay không
- Nếu trẻ nhận ra đối tượng trước khi ghép thì đưa cho trẻ những miếng ghép còn lại và yêu cầu trẻ ghép hoàn chỉnh.
- Trường hợp trẻ không nhận ra đối tượng trước khi ghép. GV gợi ý hướng trẻ chú ý đến những chi tiết đặc biệt (bánh xe, vay của con cá..)
- Trường hợp trẻ không nhận ra đối tượng trước khi ghép Trong quá trình trẻ đang ghép hoặc sau khi ghép hoàn chỉnh đối tượng. GV hỏi lại trẻ: Con có nhận ra đây là con gì hoặc vật gì hay không?

Phân tích kết quả

Các tiêu chuẩn	Điểm số	
Nhận biết sau khi hành động: trẻ nhận ra sự vật, đồ vật sau khi hoạt động	1	
Nhận biết trong khi hành động: trẻ nhận ra sự vật, đồ vật trong khi hoạt động	2	
Nhận biết trước khi hành động: trẻ nhận ra sự vật, đồ vật trước khi hoạt động	3	

Phụ lục 7

3.2.1 Biện pháp xây dựng kế hoạch giáo dục của từng nội dung HĐVĐV nhằm phát triển TG

Các dạng HĐVĐV	Biện pháp tổ chức HĐVĐV nhằm phát triển TG
❖ **Hành động khám phá và hành động công cụ:** Nhận biết tên gọi và công dụng của đồ vật: *(dấu hiệu bản chất để nhận biết vật này với vật khác là công dụng của đồ vật)*	**Bước 1:** Giới thiệu tổ chức TG trực tiếp tên gọi, công dụng, kích thước, màu sắc khi trẻ hoàn toàn chưa biết về đồ vật đó. - Chú ý đến công dụng và sự tiện lợi về kích thước của đồ vật - Sử dụng từ chính xác để diễn tả đồ vật đó. Ví dụ: Dạy trẻ sự khác biệt giữa kích thước và công dụng của cái muỗng to và cái muỗng bé **Bước 2**: Lựa chọn đồ vật để TG tùy thuộc GV đặt ra nhiệm vụ nào: mở rộng vốn từ hoặc luyện tập cách phát âm; học cách tập trung chú ý so sánh. - Hạn chế và chỉ cho phép trẻ hoạt động, chơi với đồ vật đó trong phạm vi để dạy trẻ tính tự chủ bằng hành động của mình. Ví dụ: Dạy trẻ không được cầm muỗng, nĩa chạy lung tung. - Chỉ vào đồ vật,đồ chơi và hỏi: "Đây là cái gì,còn đây là cái gì; Con gì". Nếu trẻ gọi được tên đồ vật, có nghĩa là trẻ đã hiểu quan hệ giữa từ và đồ vật, giữa đồ vật và từ. - Lựa chọn từ chính xác, lời giải thích phải ngắn gọn, rõ ràng. GV kiểm tra trẻ đã nghe rõ từ chưa, cách phát âm, trẻ hiểu nghĩa của từ gắn với đồ vật. **Bước 3:** Sử dụng các trò chơi và sự hỗ trợ của đồ chơi - Phân nhóm các đồ vật theo các dấu hiệu bên ngoài. Ví dụ: Đồ vật nào trong lớp có hình tròn, đồ vật trong lớp

	màu xanh..v..vv.
❖ **Hành động thiết lập mối tương quan:** Nhận biết chuẩn hình dạng của đồ vật và diễn đạt dấu hiệu của đồ vật bằng từ (*Hình dạng là dấu hiệu của đồ vật ứng với sự TG bằng mắt, bằng tay)*	Bước 1: Tổ chức cho trẻ TG trực tiếp bằng mắt, bằng tay để kiểm tra nhận thức về hình dạng đồ vật - Gọi tên hình dạng đồ vật bằng từ chính xác. Ví dụ: bánh xe, cái đĩa hình tròn, cái khăn hình vuông..vv…v. - Sử dụng đồ vật đồ vật, đồ chơi có hình dạng rõ ràng để dạng về hình dạng. Ví dụ: Sử dụng trái banh, quả cầu để dạy cho trẻ biết hình tròn. - GV dạy hình dạng đồ vật một cách đa dạng: sờ tay, lăn, ôm bằng hai tay, dấu trong lòng bàn tay..vv..vv để trẻ nắm được các đặc điểm của quả cầu: hình tròn, có khả năng di chuyển. **Bước 2**: Tổ chức nhiều giờ hoạt động thực hành có tính nhận thức. - Trong giờ học ôn, trong các trò chơi, GV nhắc lại tên các hình và đặc điểm của đồ vật. Ví dụ: Trái banh hình tròn, lăn đi rồi lăn lại…vv..v..Việc nhắc lại đó sẽ hướng sự chú ý của trẻ vào đặc điểm của hình dạng trái banh, củng cố biểu tượng về hình dạng. - Tổ chức các hoạt động trò chơi phân biệt đồ vật theo hình dạng. Hoặc phân biệt đồ vật có hình dạng tròn, vuông theo màu sắc. Sự phức tạp hóa này mang lại tính đa dạng cho trò chơi, giờ học, làm giàu thêm biểu tượng. - Dạy cho trẻ đồ vật khác nhau, tên gọi khác nhau nhưng có chung 1 đặc điểm hình dạng. Ví dụ: Bánh xe, trái banh là hai vật khác nhau, tên gọi khác nhau nhưng chung 1 đặc điểm là hình tròn và đều lăn qua, lăn lại. **Bước 3**: Khi trẻ đã có kiến thước về đồ vật có những hình dạng khác nhau. GV tổ chức giờ học mà không cần sử

	dụng vật mẫu, GV gọi tên hình này hay hình khác và đề nghị trẻ gọi tên những đồ vật có hình dạng tương ứng. Ví dụ: Vật gì có hình vuông? (nhà, cái hộp..vv…v) - Sử dụng các vật liệu dạy học đa dạng, các hình vẽ, tranh ghép gần gũi với trẻ, mang tính khoa học cao. - Sử dụng các bài tập luyện tập để làm sâu sắc sự hiểu biết về vai trò của hình dạng trong các đồ vật thường dùng hằng ngày, trong các hoạt động tạo hình, trong nghệ thuật..v..vv.. - Ở lứa tuổi 24-36 tháng, GV đặt ra nhiệm vụ-luyện tập là chỉ rõ cách thức hoạt động thực hành và hướng dẫn khi trẻ không thực hiện được.
❖**Nhận biết chuẩn màu sắc và tên gọi màu sắc (**màu sắc của đồ vật được TG nhanh và nhạy bén nhờ vào sự phân tích thị giác)	**Bước 1:** GV dạy về màu sắc như là một dấu hiệu của đồ vật cụ thể. Ví dụ: Lá cây, cỏ là màu xanh, mặt trời màu vàng. - Dạy trẻ gọi tên màu bằng từ chính xác. - Gộp các đồ vật theo dấu hiệu màu sắc **Bước 2:** Không gian lớp học, màu sắc của các góc kệ,tường có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển TG màu sắc của trẻ. **Bước 3:** Sử dụng trò chơi dưới dạng giao nhiệm vụ: “Hãy tìm trái banh giống màu vàng của cái cửa lớp mình” hoặc “Tìm đồ chơi cùng màu với cái khay màu xanh”. Nhiệm vụ chủ yếu trong việc tiến hành trò chơi này là tập trung sự chú ý vào màu sắc, dạy cho trẻ phân biệt và gọi đúng tên các màu cơ bản.
❖**Nhận biết về chuẩn kích thước (to-nhỏ) và tính trọn vẹn**	**Bước 1:** Tổ chức TG và hành động cụ thể trực tiếp trên đồ vật để trẻ phân biệt và gọi tên về độ to-nhỏ. - Lựa chọn những đồ vật, đồ chơi có độ to-nhỏ rõ

của đồ vật (hình thành sự định hướng về không gian)	ràng để trẻ dễ nhận biết. **Bước 2:** Trẻ xác định đồ vật to-nhỏ bằng thị giác. Hoạt động của bàn tay phát triển giúp trẻ lĩnh hội không gian xa hơn: với tay đến đồ vật, chộp lấy, ném.. - Phát triển khả năng di chuyển có vai trò lớn trong việc lĩnh hội không gian. Trẻ đến gần đồ vật phải đi, chạy đến gần - Sử dụng đồ chơi chứa sẵn các thao tác lắp ráp các bộ phận với nhau buộc trẻ phải so sánh đối chiếu lựa chọn sao cho phù hợp. **Bước 3**: Lựa chọn các trò chơi phát triển hành động thiết lập mối tương quan để dạy trẻ phân biệt phương hướng về mối quan hệ với các bộ phận của cơ thể. Ví dụ: Phía trên là đầu, phía dưới là chân..v..vv..

Phụ lục 8

1. Một số hình khảo sát thực trạng



Đồ chơi bị mất, thiếu



Góc chơi thiếu đồ chơi





2. Hình trẻ thực hiện bài tập



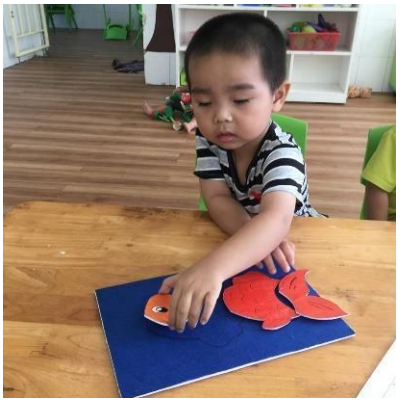
Trẻ thực hiện bài tập 2



Trẻ thực hiện bài tập 5



Bài tập 1



Bài tập 5

3. Hình ảnh thực nghiệm



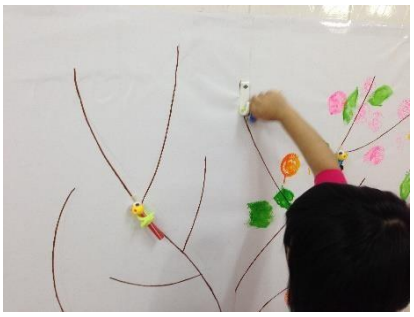
GV dạy theo gợi ý,hướng dẫn



Trang bị đồ chơi đủ số lượng trẻ



Trò chơi xâu vòng theo màu xen kẽ



Trò chơi tạo hình phát triển màu sắc



Bổ sung các TC ở mảng tường



Trò chơi phát triển TG hình dạng



Trò chơi đảm bảo đủ số lượng trẻ







Phụ lục 9

Bảng 3.2.1: So sánh kết quả từng tiêu chí được đánh giá qua bài tập phát triển TG của trẻ NĐC và NTN trước thực nghiệm

CÁC TC	Biểu hiện	Nhóm	Mức độ phát triển TG						ĐTB	Độ lệch chuẩn	Kiểm nghiệm t
			Thấp		Trung Bình		Cao				
			N	%	N	%	N	%			
TC 1 (BT 1)	1	NĐC	7	70%	2	20%	1	10%	1,40	0,789	0.246
		NTN	4	40%	4	40%	2	20%	1,80	0,707	
	2	NĐC	6	60%	3	30%	1	10%	1,50	0,675	0.754
		NTN	5	50%	4	40%	1	10%	1,60	0,699	
TC 2 (BT 2)	3	NĐC	8	80%	2	20%	0	0%	1,20	0,516	0.355
		NTN	6	60%	4	40%	0	0%	1,40	0,527	
TC 3 (BT 3)	4	NĐC	7	70%	3	30%	0	0%	1,30	0,516	0.660
		NTN	6	60%	4	40%	0	0%	1,40	0,516	
	5	NĐC	6	60%	4	40%	0	0%	1,40	0,527	0.673
		NTN	5	50%	5	50%	0	0%	1,50	0,422	
TC 4 (BT 4)	6	NĐC	5	50%	5	50%	0	0%	1,50	0,699	0.722
		NTN	5	50%	4	40%	1	10%	1,60	0,483	
	7	NĐC	7	70%	3	30%	0	0%	1,30	0,516	0.660
		NTN	6	60%	4	40%	0	0%	1,40	0,483	
TC 5 (BT 5)	8	NĐC	7	70%	3	30%	0	0%	1,30	0,527	0.388
		NTN	5	50%	5	50%	0	0%	1,50	0,422	
TC 6	9	NĐC	8	80%	2	20%	0	0%	1,20	0,707	0.264
		NTN	6	60%	3	30%	1	10%	1,50	0,422	
	10	NĐC	8	80%	2	20%	0	0%	1,20	0,483	0.628
		NTN	7	70%	3	30%	0	0%	1,30	0,483	
TC 7	11	NĐC	7	70%	3	30%	0	0%	1,30	0,516	0.660
		NTN	6	60%	4	40%	0	0%	1,40	0,789	
TỔNG ĐIỂM		**NĐC**	**4**	**40%**	**6**	**60%**	**0**	**0**	**1.60**	**0.516**	**0.449**
		NTN	**3**	**30%**	**6**	**60%**	**1**	**10%**	**1.80**	**0.632**	

Bảng 3.2.2: Tổng số điểm trong từng tiêu chí của trẻ NĐC và NTN trước thực nghiệm

STT	Họ và tên trẻ	TC 1 (BT 1)		TC 3 (BT 3)			TC 4 (BT 4)		TC 5 (BT 5)	TC 6		TC 7	Tổng điểm	Xếp loại
		BH1	BH2	BH3	BH4	BH5	BH6	BH7	BH8	BH9	BH10	BH11		
NĐC														
1	Nguyễn Minh Châu	1	1	1	2	2	1	2	2	2	1	1	16	TB
2	Trần Khiết Nghi	1	2	1	1	1	2	1	2	1	2	1	15	TB
3	Nguyễn Hoàng Khang	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	11	Thấp
4	Chung Quốc Cường	3	2	2	2	2	2	1	1	1	1	2	19	TB
5	Trần Gia Minh Hân	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	11	Thấp
6	Phan Gia Huy	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	11	Thấp
7	Nguyễn Ngọc An	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	1	18	TB

8	Lâm Anh Thư	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	11	Thấp
9	Đỗ Huy Hoàng	1	3	2	1	2	2	1	1	2	1	2	18	TB
10	Trần Anh Thịnh	2	1	1	2	1	2	2	1	1	1	2	16	TB
NTN														
1	Phạm Thị Hà	2	2	1	1	2	2	1	2	1	1	2	17	TB
2	Trần Nghi An	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	11	Thấp
3	Nguyễn Minh Khang	3	1	1	2	2	2	2	1	1	1	2	18	TB
4	Lê Quốc Kiệt	2	3	2	1	2	1	1	1	2	1	1	17	TB
5	Cao Thanh Sang	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	11	Thấp
6	Nguyễn Trần Nguyệt Quế	1	2	2	2	2	1	2	2	2	1	2	19	TB
7	Trần Ngọc Gia Thi	2	1	2	2	1	2	1	2	2	2	1	18	TB
8	Đặng Thúy Vy	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	11	Thấp
9	Hoàng Mỹ Anh	3	2	2	1	1	3	2	2	3	2	2	23	Cao
10	Nguyễn Minh Tú	2	2	1	2	2	2	2	2	1	2	1	19	TB

Bảng 3.3.1: So sánh kết quả các tiêu chí đánh giá mức độ phát triển TG của NĐC và NTN sau thực nghiệm

CÁC TC	Biểu hiện	Nhóm	Mức độ phát triển TG						ĐTB	Độ lệch chuẩn	Kiểm nghiệm t
			Thấp		Trung Bình		Cao				
			N	%	N	%	N	%			
TC 1 (BT 1)	1	NĐC	6	60%	3	30%	1	10%	1,50	0,707	0.005
		NTN	0	0%	6	60%	4	40%	2,40	0,516	
	2	NĐC	5	50%	4	40%	1	10%	1,60	0,699	0.035
		NTN	0	0%	8	80%	2	20%	2,20	0,422	
TC 2 (BT 2)	3	NĐC	7	70%	2	20%	1	10%	1,40	0,699	0.002
		NTN	0	0%	6	60%	4	40%	2,40	0,516	
TC 3 (BT 3)	4	NĐC	4	40%	4	40%	2	20%	1,80	0,789	0.041
		NTN	0	0%	7	70%	3	30%	2,30	0,483	
	5	NĐC	4	40%	5	50%	1	10%	1,70	0,675	0.036
		NTN	0	0%	7	70%	3	30%	2,30	0,483	
TC 4 (BT 4)	6	NĐC	4	50%	5	50%	1	10%	1,70	0,675	0.018
		NTN	0	0%	6	60%	4	40%	2,40	0,516	
	7	NĐC	3	30%	7	70%	0	0%	1,70	0,483	0.024
		NTN	0	0%	8	80%	2	20%	2,20	0,422	
TC 5 (BT 5)	8	NĐC	5	50%	4	40%	1	10%	1,60	0,699	0.010
		NTN	0	0%	6	60%	4	40%	2,40	0,516	
TC 6	9	NĐC	7	70%	3	30%	0	0%	1,30	0,483	0.001
		NTN	0	0%	7	70%	3	30%	2,30	0,483	
	10	NĐC	5	50%	5	50%	0	0%	1,50	0,527	0.002
		NTN	0	0%	7	70%	3	30%	2,30	0,483	
TC 7	11	NĐC	6	70%	3	30%	1	0%	1,50	0,707	0.002
		NTN	0	60%	5	40%	5	50%	2,50	0,527	
TỔNG ĐIỂM		**NĐC**	**1**	**10%**	**7**	**70%**	**2**	**20%**	**2.10**	**0,568**	**0.002**
		NTN	**0**	**0%**	**4**	**40%**	**6**	**60%**	**2.60**	**0,516**	

Bảng 3.3.2 Tổng số điểm trong từng tiêu chí của trẻ NĐC và NTN sau thực nghiệm

STT	Họ và tên trẻ	TC 1 (BT 1)		TC 2 (BT 2)	TC 3 (BT 3)		TC 4 (BT 4)		TC 5 (BT 5)	TC 6		TC 7	Tổng điểm	Xếp loại
		BH 1	BH 2	BH 3	BH 4	BH 5	BH 6	BH 7	BH 8	BH 9	BH 10	BH 11		
NĐC														
1	Nguyễn Minh Châu	1	1	1	2	2	1	2	3	2	1	1	17	TB
2	Trần Khiết Nghi	1	2	1	2	1	3	2	2	1	2	1	18	TB
3	Nguyễn Hoàng Khang	1	2	1	1	2	1	2	1	1	1	1	14	TB
4	Chung Quốc Cường	3	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	24	Cao
5	Trần Gia Minh Hân	2	1	2	1	2	1	1	1	1	1	2	15	TB
6	Phan Gia Huy	1	1	1	3	1	2	1	1	1	1	1	14	TB
7	Nguyễn Ngọc An	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	1	18	TB
8	Lâm Anh Thư	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	11	Thấp



9	Đỗ Huy Hoàng	1	3	2	2	3	2	2	2	2	2	2	23	Cao
10	Trần Anh Thịnh	2	1	1	3	1	2	2	1	1	2	3	19	TB
NTN														
1	Phạm Thị Hà	3	2	3	2	3	2	2	3	2	2	3	27	Cao
2	Trần Nghi An	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	22	TB
3	Nguyễn Minh Khang	3	2	2	3	2	3	3	2	2	2	3	27	Cao
4	Lê Quốc Kiệt	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	23	TB
5	Cao Thanh Sang	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	22	TB
6	Nguyễn Trần Nguyệt Quế	2	2	3	3	3	2	2	3	3	2	3	28	Cao
7	Trần Ngọc Gia Thi	3	2	3	3	3	3	2	3	3	3	2	30	Cao
8	Đặng Thúy Vy	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	22	TB
9	Hoàng Mỹ Anh	3	2	3	2	2	3	2	2	3	3	3	28	Cao
10	Nguyễn Minh Tú	2	3	2	2	2	3	3	3	2	3	3	28	Cao

Bảng 3.4.1 So sánh kết quả từng tiêu chí được đánh giá qua bài tập phát triển TG của trẻ NĐC trước và sau thực nghiệm

CÁC TC	Biểu hiện	Nhóm ĐC	Mức độ phát triển TG						ĐTB	Độ lệch chuẩn	Kiểm nghiệm t
			Thấp		Trung Bình		Cao				
			N	%	N	%	N	%			
TC 1 (BT 1)	1	Trước TN	7	70%	2	20%	1	10%	1,40	0,699	0.754
		Sau TN	6	60%	3	30%	1	10%	1,50	0,707	
	2	Trước TN	6	60%	3	30%	1	10%	1,50	0,707	0.754
		Sau TN	5	50%	4	40%	1	10%	1,60	0,699	
TC 2 (BT 2)	3	Trước TN	8	80%	2	20%	0	0%	1,20	0,422	0.449
		Sau TN	7	70%	2	20%	1	10%	1,40	0,699	
TC 3 (BT 3)	4	Trước TN	7	70%	3	30%	0	0%	1,30	0,483	0.105
		Sau TN	4	40%	4	40%	2	20%	1,80	0,789	
	5	Trước TN	6	60%	4	40%	0	0%	1,40	0,516	0.279
		Sau TN	4	40%	5	50%	1	10%	1,70	0,675	
TC 4 (BT 4)	6	Trước TN	5	50%	5	50%	0	0%	1,50	0,527	0.470
		Sau TN	4	50%	5	50%	1	10%	1,70	0,675	
	7	Trước TN	7	70%	3	30%	0	0%	1,30	0,483	0.081

		Sau TN	3	30%	7	70%	0	0%	1,70	0,483	
TC 5 (BT 5)	**8**	Trước TN	7	70%	3	30%	0	0%	1,30	0,483	0.279
		Sau TN	5	50%	4	40%	1	10%	1,60	0,699	
TC 6	**9**	Trước TN	8	80%	2	20%	0	0%	1,20	0,422	0.628
		Sau TN	7	70%	3	30%	0	0%	1,30	0,483	
	10	Trước TN	8	80%	2	20%	0	0%	1,20	0,422	0.177
		Sau TN	5	50%	5	50%	0	0%	1,50	0,527	
TC 7	**11**	Trước TN	7	70%	3	30%	0	0%	1,30	0,483	0.470
		Sau TN	6	70%	3	30%	1	0%	1,50	0,707	
TỔNG ĐIỂM		**Trước TN**	**4**	**40%**	**6**	**60%**	**0**	**0%**	**1.60**	**0.516**	**0.642**
		Sau TN	**1**	**10%**	**7**	**70%**	**2**	**20%**	**2.10**	**0.568**	

Bảng 3.4.2 Kết quả số điểm của trẻ NĐC trước và sau thực nghiệm.

STT	Họ và tên trẻ	NĐC	CÁC TIÊU CHÍ											Tổng	Xếp loại
			TC 1		TC 2	TC 3		TC 4		TC 5	TC 6		TC 7		
			BH1	BH2	BH3	BH4	BH5	BH6	BH7	BH8	BH9	BH10	BH11		
1	Nguyễn Minh Châu	TTN	1	1	1	2	2	1	2	2	2	1	1	16	TB
		STN	**1**	**1**	**1**	**2**	**2**	**1**	**2**	**3**	**2**	**1**	**1**	**17**	**TB**
2	Trần Khiết Nghi	TTN	1	2	1	1	1	2	1	2	1	2	1	15	TB
		STN	1	2	1	2	1	3	2	2	1	2	1	18	TB
3	Nguyễn Hoàng Khang	TTN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	11	Thấp
		STN	**1**	**2**	**1**	**1**	**2**	**1**	**2**	**1**	**1**	**1**	**1**	**14**	**TB**
4	Chung Quốc Cường	TTN	3	2	2	2	2	2	1	1	1	1	2	19	TB
		STN	**3**	**2**	**3**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**24**	**Cao**
5	Trần Gia Minh Hân	TTN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	11	Thấp
		STN	**2**	**1**	**2**	**1**	**2**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**2**	**15**	**TB**
6	Phan Gia Huy	TTN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	11	Thấp
		STN	**1**	**1**	**1**	**3**	**1**	**2**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**14**	**TB**
7	Nguyễn Ngọc	TTN	2	2	1	1	2	2	2	2	1	2	1	18	TB
		STN	**2**	**2**	**1**	**1**	**2**	**2**	**2**	**2**	**1**	**2**	**1**	**18**	**TB**

	An														
8	Lâm Anh Thư	TTN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	11	Thấp
		STN	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**1**	**11**	**Thấp**
9	Đỗ Huy Hoàng	TTN	1	3	2	1	2	2	1	1	2	1	2	18	TB
		STN	**1**	**3**	**2**	**2**	**3**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**23**	**Cao**
10	Trần Anh Thịnh	TTN	2	1	1	2	1	2	2	1	1	1	2	16	TB
		STN	**2**	**1**	**1**	**3**	**1**	**2**	**2**	**1**	**1**	**2**	**3**	**19**	**TB**

Bảng 3.5.1: So sánh kết quả từng tiêu chí được đánh giá qua bài tập phát triển TG của trẻ NTN trước và sau thực nghiệm

CÁC TC	**Biểu hiện**	**Nhóm TN**	**Mức độ phát triển TG**						**ĐTB**	**Độ lệch chuẩn**	**Kiểm nghiệm t**
			Thấp		**Trung Bình**		**Cao**				
			N	**%**	**N**	**%**	**N**	**%**			
TC 1 (BT 1)	**1**	Trước TN	4	40%	4	40%	2	20%	1,80	0,789	0.009
		Sau TN	**0**	**0%**	**6**	**60%**	**4**	**40%**	**2,40**	**0,516**	
	2	Trước TN	4	40%	5	50%	1	10%	1,60	0,699	0.002
		Sau TN	**0**	**0%**	**8**	**80%**	**2**	**20%**	**2,20**	**0,422**	
TC 2 (BT 2)	**3**	Trước TN	6	60%	4	40%	0	0%	1,40	0,516	0.000
		Sau TN	**0**	**0%**	**6**	**60%**	**4**	**40%**	**2,40**	**0,516**	
TC 3 (BT 3)	**4**	Trước TN	6	60%	4	40%	0	0%	1,40	0,516	0.001
		Sau TN	**0**	**0%**	**7**	**70%**	**3**	**30%**	**2,30**	**0,483**	

	5	Trước TN	5	50%	5	50%	0	0%	1,50	0,527	0.002
		Sau TN	**0**	**0%**	**7**	**70%**	**3**	**30%**	**2,30**	**0,483**	
TC 4 (BT 4)	**6**	Trước TN	5	50%	4	40%	1	10%	1,60	0,699	0.009
		Sau TN	**0**	**0%**	**6**	**60%**	**4**	**40%**	**2,40**	**0,516**	
	7	Trước TN	6	60%	4	40%	0	0%	1,40	0,516	0.001
		Sau TN	**0**	**0%**	**8**	**80%**	**2**	**20%**	**2,20**	**0,422**	
TC 5 (BT 5)	**8**	Trước TN	5	50%	5	50%	0	0%	1,50	0,527	0.001
		Sau TN	**0**	**0%**	**6**	**60%**	**4**	**40%**	**2,40**	**0,516**	
TC 6	**9**	Trước TN	6	60%	3	30%	1	10%	1,50	0,707	0.008
		Sau TN	**0**	**0%**	**7**	**70%**	**3**	**30%**	**2,30**	**0,483**	
	10	Trước TN	7	70%	3	30%	0	0%	1,30	0,483	0.000
		Sau TN	**0**	**0%**	**7**	**70%**	**3**	**30%**	**2,30**	**0,483**	
TC 7	**11**	Trước TN	6	60%	4	40%	0	0%	1,40	0,516	0.000
		Sau TN	**0**	**60%**	**5**	**40%**	**5**	**0%**	**2,50**	**0,527**	
TỔNG ĐIỂM		Trước TN	3	30%	6	60%	1	10%	1.80	0.632	**0.006**
		Sau TN	**0**	**10%**	**4**	**40%**	**6**	**60%**	**2.60**	**0.516**	

Bảng 3.5.2 Kết quả số điểm của trẻ NTN trước và sau thực nghiệm.

STT	Họ và tên trẻ	NTN	CÁC TIÊU CHÍ											Tổng	Xếp loại
			TC 1		TC 2	TC 3		TC 4		TC 5	TC 6		TC 7		
			BH1	BH2	BH3	BH4	BH5	BH6	BH7	BH8	BH9	BH10	BH11		
1	Phạm Thị Hà	TTN	2	2	1	2	1	2	1	2	1	1	2	17	TB
		STN	**3**	**2**	**2**	**3**	**3**	**2**	**2**	**3**	**2**	**2**	**3**	**27**	**Cao**
2	Trần Nghi An	TTN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	11	Thấp
		STN	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**22**	**TB**
3	Nguyễn Minh Khang	TTN	3	1	2	2	1	2	2	1	1	1	2	18	TB
		STN	**3**	**2**	**3**	**2**	**2**	**3**	**3**	**2**	**2**	**2**	**3**	**27**	**Cao**
4	Lê Quốc Kiệt	TTN	2	3	1	2	2	1	1	1	2	1	1	17	TB
		STN	**2**	**3**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**23**	**TB**
5	Cao Thanh Sang	TTN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	11	Thấp
		STN	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**22**	**TB**
6	Nguyễn Trần Nguyệt Quế	TTN	1	2	2	2	2	1	2	2	2	1	2	19	TB
		STN	**2**	**2**	**3**	**3**	**3**	**2**	**2**	**3**	**3**	**2**	**3**	**28**	**Cao**

7	Trần Ngọc Gia Thi	TTN	2	1	2	1	2	2	1	2	2	2	1	18	TB
		STN	**3**	**2**	**3**	**3**	**3**	**3**	**2**	**3**	**3**	**3**	**2**	**30**	**Cao**
8	Đặng Thúy Vy	TTN	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	11	Thấp
		STN	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**2**	**22**	**TB**
9	Hoàng Mỹ Anh	TTN	3	2	1	1	2	3	2	2	3	2	2	23	Cao
		STN	**3**	**2**	**2**	**2**	**3**	**3**	**2**	**2**	**3**	**3**	**3**	**28**	**Cao**
10	Nguyễn Minh Tú	TTN	2	2	2	2	1	2	2	2	1	2	1	19	TB
		STN	**2**	**3**	**2**	**2**	**2**	**3**	**3**	**3**	**2**	**3**	**3**	**28**	**Cao**

1. Bảng số liệu nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm trước thực nghiệm

1.1 T-Test

Group Statistics

	Trước TN	**N**	**Mean**	**Std. Deviation**	**Std. Error Mean**
TỔNG ĐIỂM	**NĐC**	10	1,60	0,516	0,163
	NTN	10	1,80	0,632	0,200

	Levene's Test for Equality of Variances	**t-test for Equality of Means**

		F	Sig.	t	df	**Sig. (2-tailed)**	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
									Lower	Upper
MEAN	**Equal variances assumed**	0,000	1,000	-0,775	18	**0,449**	-0,200	0,258	-0,742	0,342
	Equal variances not assumed			-0,775	17,308	**0,449**	-0,200	0,258	-0,744	0,344

2. Số liệu Nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm sau thưc nghiệm

2.1 ***T-Test***

Group Statistics

	Sau TN	**N**	**Mean**	**Std. Deviation**	**Std. Error Mean**
Tổng điểm	**NĐC**	10	2,10	0,568	0,180
	NTN	10	2,60	0,516	0,163

Independent Samples Test

	Levene's Test for Equality of Variances	**t-test for Equality of Means**

		F	Sig.	t	df	**Sig. (2-tailed)**	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
									Lower	Upper
MEAN	**Equal variances assumed**	0,762	0,394	-2,060	18	**0,002**	-0,500	0,243	-1,010	0,010
	Equal variances not assumed			-2,060	17,841	**0,002**	-0,500	0,243	-1,010	0,010

3.Bảng số liệu Nhóm đối chứng trước và sau thực nghiệm

3.1 T-Test

Group Statistics

NHOM DOI CHUNG	**N**	**Mean**	**Std. Deviation**	**Std. Error Mean**
MEAN	**Trước TN**	10	1,60	0,516	0,163
	Sau TN	10	2,10	0,568	0,180

Independent Samples Test

	Levene's Test for Equality of Variances	t-test for Equality of Means

		F	Sig.	t	df	**Sig. (2-tailed)**	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
									Lower	Upper
MEAN	**Equal variances assumed**	0,762	0,394	-2,060	18	**0,642**	-0,500	0,243	-1,010	0,010
	Equal variances not assumed			-2,060	17,841	**0,642**	-0,500	0,243	-1,010	0,010

4.Bảng số liệu nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm

4.1. T-Test

Group Statistics

	NHOM THUC NGHIEM	**N**	**Mean**	**Std. Deviation**	**Std. Error Mean**
MEAN	**Trước TN**	10	1,80	0,632	0,200
	Sau TN	10	2,60	0,516	0,163

Independent Samples Test

	Levene's Test for Equality of Variances	**t-test for Equality of Means**

		F	Sig.	t	df	**Sig. (2-tailed)**	Mean Difference	Std. Error Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
									Lower	Upper
MEAN	**Equal variances assumed**	0,000	1,000	-3,098	18	**0,006**	-0,800	,258	-1,342	-0,258
	Equal variances not assumed			-3,098	17,308	**0,006**	-0,800	,258	-1,344	-0,256

PHỤ LỤC 10

KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HĐVĐV NHẰM PHÁT TRIỂN TG CHO TRẺ
CHỦ ĐỀ: ĐỘNG VẬT

Thời gian (2/4 đến 28/4)

I. Mục đích giáo dục

1. Kiến thức

a) Nhận biệt phân biệt

- Nhận biết và phân biệt các con vật qua các đặc điểm TG màu sắc, hình dạng, kích thước.
- Phát triển hoạt động khám phá: tên gọi của các con vật (vật nuôi trong gia đình, vật sống dưới nước, vật sống trong rừng, côn trùng)
- Phát triển hành động thiết lập mối tương quan: các bộ phận, vị trí trên-dưới của các con vật
- Phát triển hành động tri giác bằng mắt: nhận biết con vật qua vài đặc điểm nổi bật.

b) Nhận biết tập nói:

- Gọi tên các con vật theo hình dạng, màu sắc, kích thước

c) Kỹ năng

- Xếp chồng, xếp cạnh, xếp xen kẽ theo màu sắc
- Ghép hình từ 2-4 mảnh ghép
- So sánh và đối chiếu lắp ráp các bộ phận cơ thể của con vật
- Nhóm và gộp các con vật theo đặc điểm TG: màu sắc, hình dạng, kích thước.

d) Thái độ

- Hình thành cho trẻ tính độc lập và tự tin trong hành động. Mạnh dạn trả lời câu hỏi của GV và giao tiếp với bạn bè. Rèn luyện cho trẻ tính kiên trì và hoàn thành hoạt động.

II. Chuẩn bị:

- Tranh, ảnh, hình vẽ, mô hình, video clip về các con vật
- Nguyên vật liệu có sẵn, vật liệu thiên nhiên….có màu sắc trung thực, hình dạng rõ ràng, kích thước có sự khác biệt về độ lớn

KẾ HOẠCH TUẦN CHỦ ĐỀ: ĐỘNG VẬT

Tuần	Giờ hoạt động	Thứ hai	Thứ ba	Thứ tư	Thứ năm	Thứ sáu
Chủ đề nhánh: Vật nuôi trong gia đình						
1 (Từ 2/4 đến 7/4)	HĐ chơi tập có chủ đích	**-NBPB:** Giới thiệu đặc điểm nổi bật của vật nuôi trong gia đình **-NBTN**: Tên gọi về màu sắc,đặc điểm các con vật				
	HĐ vui chơi	**HĐ góc:**: TC phát triển hành động TG bằng mắt "Xác định bóng dáng của con vật" **HĐ ngoài trời**: -Cô giấu hình các con vật ở xung quanh góc chơi. Trẻ tìm và phân loại hình con vật theo kích thước to-nhỏ	**HĐ góc**: TC phát triển TG tính trọn vẹn của đối tượng "Ghép hình con vật (con chó,con mèo) từ 2-4 mảnh"	**HĐ góc**: TC phát triển hành động TG bằng mắt "Xếp chồng ba khối thành hình con vật)	**HĐ góc** TC phát triển NBPB màu sắc: Xâu nui xen kẽ (màu vàng-màu đỏ)	**HĐ góc** TC phát triển NBPB hình dạng:: "Xây nhà nhà cho mèo theo hình tròn-hình vuông"
Chủ đề nhánh: Con vật sống dưới nước						
2 (Từ 9/4 đến 14/4)	HĐ chơi tập có chủ	**NBPB:** Giới thiệu đặc điểm nổi bật của con vật sống dưới nước. **-NBTN**: Gọi tên về màu sắc,đặc điểm các con vật **NBPB**: Ôn luyên và nhận biết hai nhóm: vật nuôi trong gia đình và vật sống dưới nước.				

	đích					
	HĐ vui chơi	**HĐ góc**: TC: Câu cá theo màu (vàng-đỏ-) **HĐ ngoài trời**: TC phân biệt màu vàng-đỏ "Vịt lạc đường" Cô thả vịt nhựa trong thau nước yêu cầu trẻ tìm nhà cho vịt theo màu (vàng-đỏ)	**HĐ góc giả bộ**: Chăm sóc em (đeo vòng cho e từ nui của tuần trước)	**HĐ góc:** TC phát triển NBPB hình dạng "Xây ao vịt theo hình tròn-hình vuông từ nắp chai"	**HĐ góc:** TC phát triển NBPB kích thước "Tìm thành cặp con vật tương ứng theo kích" thước	**HĐ góc:** TC phát triển hành động TG bằng mắt "Tìm bóng của con vật"
Chủ đề nhánh: Con vật sống trong rừng						
3 (Từ 16/4-đến 21/4)	HĐ chơi tập có chủ đích	**NBPB:** Giới thiệu đặc điểm nổi bật của con vật sống trong rừng (voi, sử tử..) **-NBTN**: Gọi tên về màu sắc,đặc điểm các con vật **NBPB**: Ôn luyên và nhận biết hai nhóm: vật nuôi dưới nước và con vật sống trong rừng				
	HĐ chơi tự do	**HĐ góc**: TC phát triển TG tính trọn vẹn của đối tượng "Ghép con vật từ cây que"	**HĐ góc**: Cho trẻ lựa chọn đồ chơi ý thích **HĐ ngoài trời:** TC phát triển HĐTLMTQ "Bóng của các con vật". Cô	**HĐ góc:** TC phát triển hành động TG bằng mắt "Tìm	**HĐ góc:** TC phát triển NBPB màu sắc "Phân biệt con voi theo	Ôn luyên các đặc điểm nổi bật của con vật sống trong

			chuẩn bị các con vật bằng nhựa và giấy A4, ánh nắng sẽ soi bóng của con vật lên giấy và cho trẻ quan sát.	bóng các con con vật"	3 màu"	rừng
Chủ đề nhánh: Côn trùng						
4 (Từ 23/4- đến 28/4)	HĐ chơi tập có chủ đích	**NBPB:** Giới thiệu đặc điểm nổi bật của các loại côn trùng **-NBTN**: Gọi tên về màu sắc,đặc điểm các loại côn trùng **NBPB**: Ôn luyên và nhận biết hai nhóm: con vật sống dưới nước và côn trùng				
	HĐ chơi tự do	**HĐ góc:** TC phát triển NBPB kích thước "Dán hình con côn trùng phân biệt theo kích thước to-nhỏ	**HĐ góc giả bộ:** Chăm sóc cho búp bê khi bị côn trùng cắn.	**HĐ góc:** TC phát triển NBPB ba màu "Xếp chồng khối lego theo mẫu"	**HĐ góc:** TC phát triển hành động TG bằng mắt: "Nhận biết phía sau của con vật"	**HĐ góc** TC "Phân biệt con vật theo môi trường sống"

III. Đánh giá

- Đánh giá quá trình trẻ tham gia hoạt động, trò chơi bằng bảng tiêu chí đánh giá mức độ phát triển TG.
- Đánh giá sản phẩm của trẻ.

Giáo án: NHẬN BIẾT PHÂN BIỆT MÀU SẮC

I. Mục đích- yêu cầu:

- Trẻ nhận biết và phân biệt màu sắc: xanh, vàng, đỏ
- Trẻ luyện tập kỹ năng quan sát, lắng nghe khi tham gia trò chơi
- Tham gia tích cực cùng cô và bạn.

II. Chuẩn bị:

- Trái táo có màu sắc: xanh, vàng, đỏ
- Cây táo
- Rổ.
- Nhạc.

III. Tiến hành:

- **Hoạt động 1: Nhận biết màu sắc**

- Cô trẻ tham quan vườn táo của bạn gấu

GV đặt câu hỏi và cho trẻ nhận biết màu sắc

- Khi thu hoạch xong bạn gấu không biết phân loại. Bây giờ các con hãy giúp bạn gấu phân loại
- Trái táo xanh, vàng, đỏ vào rổ màu xanh, vàng, đỏ

- **Hoạt động 2. Phân biệt màu sắc**

- Bây giờ phân loại xong các con hãy đem táo lại tặng cho chú gấu. Gấu xanh tặng táo xanh, gấu đỏ tặng táo đỏ, gấu vàng tặng táo vàng.

GIÁO ÁN: NHẬN BIẾT KÍCH THƯỚC

I. Mục đích yêu cầu

- Nhận biết và phân biệt kích thước
- Phát triển cơ các ngón tay thông qua kĩ năng vò bóp giấy.

II. Chuẩn bị:

- Giấy báo
- Rổ

III. Tiến hành

Hoạt động 1: Nhận biết kích thước

- Cô bỏ hai trái quả banh bằng giấy báo: 1 trái to và 1 trái nhỏ vào 1 cái hộp và đố trẻ "Trong hộp có gì ??"
- Giới thiêu cho trẻ trái banh làm từ vật liệu gì? Có kích thước như thế nào.

Hoạt động 2: " Cùng làm trái banh"

- Cô đưa cho mỗi trẻ 1 tờ giấy và hỏi trẻ: " Với miếng giấy này thì các con có thể làm được gì"
- Bây giờ cô và các con cùng làm quả bóng nha
- Cô lấy giấy và thực hiện kĩ năng bóp, vò giấy để làm quả bóng.
- Giới thiệu cho trẻ cách làm được trái banh to (dùng nhiều giấy).Làm trái banh nhỏ (dùng ít giấy)
- Cho trẻ lấy giấy và cùng làm trái banh to và trái banh nhỏ

Hoạt động 3: Phân biệt to-nhỏ

- Tình huống: "Bạn voi nhỏ và bạn voi to đang khóc vì không có đồ chơi". Đem banh đến cho con voi
- Trẻ phân biệt và đem banh tặng voi.

HOẠT ĐỘNG GÓC

1. **Trò chơi: "Câu cá theo màu"**

Mục đích:

- Trẻ nhận biết và phân biệt ba màu: xanh, vàng, đỏ

Chuẩn bị:

- Con cá bằng bìa cứng có ba màu.
- Cần câu
- Rổ

Cách chơi: Trẻ câu cá và để vào rổ theo màu



2. Trò chơi: "Tìm bóng của con vật"

Mục đích:

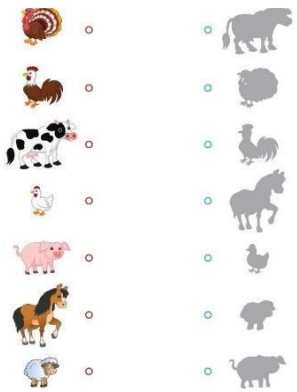
- Phát triển HĐTLMTQ nhận biết con vật bằng mắt

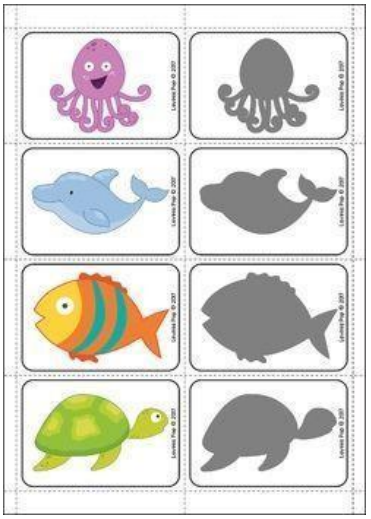
Chuẩn bị.

- Giấy và bút

Cách chơi:

- Trẻ nhận biết và nối tương ứng bóng và hình của các con vật





"TC Tìm bóng của con vật"

3. Trò chơi: "Xếp chồng, xếp cạnh khối lego theo mẫu"

Mục đích:

- Nhận biết màu sắc
- Kĩ năng xếp chồng, xếp cạnh

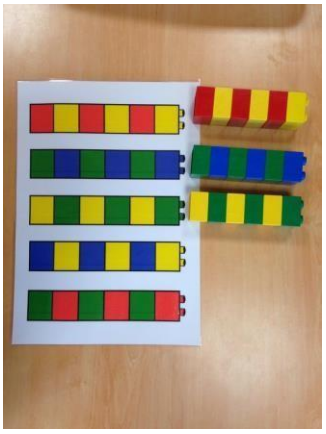
Chuẩn bị:

Các mẫu màu sắc. Khối lego

Cách chơi:

- Trẻ xếp hình khối lego theo màu dựa vào hình mẫu





TC "Xếp chồng khối leogo theo mẫu" *TC "Xếp cạnh khối leogo theo mẫu"*

4. TC: "Chọn màu phù hợp"

Mục đích:

- Nhận biết và phân biệt màu sắc
- Phát triển thao tác dùng kẹt giấy, vặn nắp

chai Chuẩn bị

- Kẹt giấy có ba màu
- Nắp chai đủ

màu Cách chơi:

- Trẻ nhận biết và lựa chọn kẹt giấy, nắp chai theo màu





TC "Chọn kẹt giấy theo màu" *TC "Chọn nắp chai theo màu*

HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI

Giáo án Bóng các con vật

I. Mục đích

- Nhận biết và phân biệt hình dạng các con vật

II. Chuẩn bị:

- Hình các con vật
- Giấy A4
- Bút màu

III. Cách tiến hành

- Hoạt động 1
- Cô cho trẻ quan sát và nhận biết các con vật dưới ánh nắng Hoạt động 2
- Cho trẻ dùng bút màu vẽ bóng các con vật

